

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM**



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Phục vụ Đánh giá ngoài chất lượng giáo dục trường đại học 2017)

Hải Phòng, Tháng 5 năm 2017

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

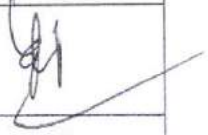
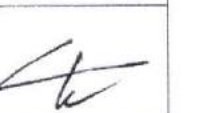
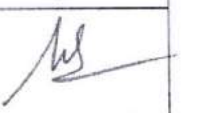
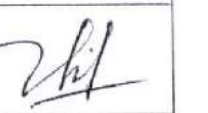
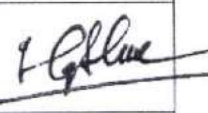
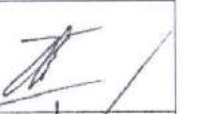
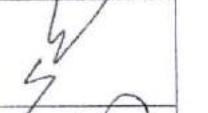
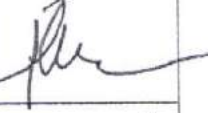
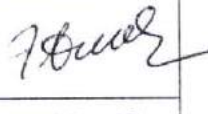


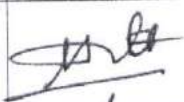
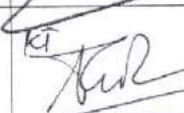
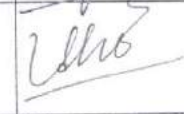
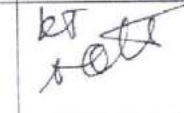
BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

(Phục vụ Đánh giá ngoài chất lượng giáo dục trường đại học 2017)

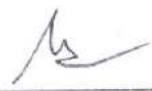
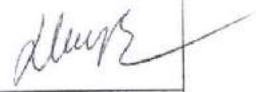
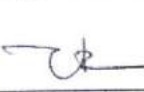
Hải Phòng, Tháng 5 năm 2017

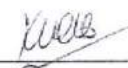
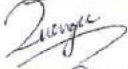
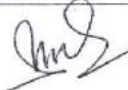
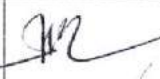
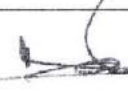
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1.	GS.TS. Lương Công Nhơ	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2.	TS. Nguyễn Khắc Khiêm	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch TT	
3.	TS. Phạm Xuân Dương	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch	
4.	TS. Lê Quốc Tiến	Phó Hiệu Trưởng	Phó Chủ tịch	
5.	TS. Nguyễn Thanh Sơn	Trưởng Phòng KT & ĐBCL	Ủy viên TT	
6.	PGS.TS Nguyễn Viết Thành	Chủ tịch hội đồng trường	Ủy viên	
7.	ThS. Phạm Ngọc Tuyền	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
8.	ThS. Nguyễn Vương Thịnh	Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên	
9.	ThS. Hoàng Văn Thuỷ	Trưởng Phòng TCCB	Ủy viên	
10.	PGS.TS Phạm Văn Thuận	Trưởng Phòng Đào tạo	Ủy viên	
11.	TS. Nguyễn Thanh Sơn	Trưởng Phòng QHQT	Ủy viên	
12.	PGS.TS Nguyễn Hồng Vân	Trưởng Phòng KH-CN	Ủy viên	
13.	ThS. Trương Công Mỹ	Trưởng Phòng CTSV	Ủy viên	
14.	ThS. Phạm Trọng Tài	Trưởng Phòng Thanh tra	Ủy viên	
15.	ThS. Đinh Hải Yến	Trưởng Phòng KH-TC	Ủy viên	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
16.	ThS. Lại Huy Thiện	Trưởng phòng QTTB	Ủy viên	
17.	ThS. Vũ Đức Minh	Trưởng phòng HCTH	Ủy viên	
18.	PGS.TS Lê Văn Học	Viện Trưởng Viện Sau đại học	Ủy viên	
19.	TS. Trần Văn Nguyên	Giám đốc TT GDTX	Ủy viên	
20.	TS. Nguyễn Minh Đức	Viện trưởng Viện ĐTQT	Ủy viên	
21.	ThS. Phạm Việt Dũng	Giám đốc TT Quản trị mạng	Ủy viên	
22.	ThS. Vũ Huy Thắng	Giám đốc Thư viện	Ủy viên	

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THU' KÝ

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	TS. Nguyễn Thanh Sơn	Trưởng Phòng KT & ĐBCL	Trưởng Ban	
2	ThS. Đỗ Thị Thuý	CV Phòng Khảo thí & ĐBCL	Ủy viên TT	
3	PGS.TS Nguyễn Kim Phương	Phó viện trưởng Viện SDH	Ủy viên	
4	ThS. Nguyễn Trung Kiên	Chuyên viên Phòng KH-CN	Ủy viên	
5	ThS. Phạm Huy Tùng	Phó trưởng phòng TCCB	Ủy viên	
6	ThS. Vũ Thị Oanh	Phó trưởng phòng HCTH	Ủy viên	
7	ThS. Trần Tuấn Lương	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Ủy viên	
8	ThS. Nguyễn Anh Xuân		Ủy viên	

STT	Họ và tên	Đơn vị	Nhiệm vụ	Chữ ký
9	TS. Trần Thế Nam	Phó trưởng phòng QHQT	Ủy viên	
10	ThS. Nguyễn Ngọc Cường	Chuyên viên Phòng QTTB	Ủy viên	
11	ThS. Quãn Thị Minh Hiền	Chuyên viên Phòng KT-TC	Ủy viên	
12	ThS. Trương Thị Bích Ngọc		Ủy viên	
13	ThS. Nguyễn Tuyết Minh	Chánh văn phòng Đảng ủy	Ủy viên	
14	ThS. Phạm Thu Thương	Phó chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
15	ThS. Nguyễn Đức Hạnh	Phó trưởng phòng CTSV	Ủy viên	
16	ThS. Phạm Văn Bình	Chuyên viên Phòng CTSV	Ủy viên	
17	CN. Vũ Văn Hiệu	Chuyên viên Thư viện	Ủy viên	

MỤC LỤC

	Trang
Danh sách và chữ ký thành viên hội đồng tự đánh giá.....	01
Mục lục	04
Tổng hợp kết quả tự đánh giá	06
Các từ viết tắt.....	08
 PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ	
1. Tính cấp thiết của công tác tự đánh giá:.....	10
2. Mục đích của công tác tự đánh giá:.....	10
3. Đối tượng, công cụ và phương pháp đánh giá:	11
4. Phương pháp mã hóa các minh chứng:	11
5. Ý nghĩa của công tác tự đánh giá:	12
6. Nội dung, qui trình tự đánh giá:	12
 PHẦN II – TỔNG QUAN CHUNG	
I. Tổng quan về nguồn nhân lực của Trường	14
II. Tổng quan về tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn:.....	14
<i>Mở đầu:</i>	14
1. Về sứ mạng của Trường	15
2. Cơ cấu tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực	16
3. Hoạt động đào tạo và Huấn luyện	17
4. Hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ	18
5. Hợp tác quốc tế.....	19
6. Hoạt động xã hội và người học	19
7. Cơ sở vật chất, tài chính.....	20
 PHẦN III – TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG	
Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học.....	23
Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý.....	30
Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo.....	50
Tiêu chuẩn 4. Các hoạt động đào tạo	66
Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên	81
Tiêu chuẩn 6. Người Học	100
Tiêu chuẩn 7. NCKH ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ.	117

Tiêu chuẩn 8. Hoạt động hợp tác quốc tế.....	134
Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác	145
Tiêu chuẩn 10. Tài chính và quản lý tài chính	162
PHẦN IV – KẾT LUẬN.....	170
PHẦN V – PHỤ LỤC.....	171
PHỤ LỤC 1 - CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	
I. Thông tin chung của Trường.....	172
II. Giới thiệu khái quát về Trường	172
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường	181
IV. Người học.....	183
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.....	189
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính.....	192
PHỤ LỤC 2 – QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG	194
PHỤ LỤC 3 – KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ.....	199
PHỤ LỤC 4 – DANH MỤC MÃ HÓA HỒ SƠ MINH CHỨNG.....	206

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: HHA							
Tên trường: ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM							
Khối ngành:							
Ngày hoàn thành tự đánh giá: 31 tháng 5 năm 2017							
Các mức đánh giá: Đạt Chưa đạt Không đánh giá <i>(Tô đậm mức đạt được của tiêu chí)</i>							

Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Tiêu chuẩn 1: Sự mạng và mục tiêu của trường đại học				6.1	☒		
1.1	☒			6.2	☒		
1.2	☒			6.3	☒		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý				6.4	☒		
2.1	☒			6.5	☒		
2.2	☒			6.6	☒		
2.3	☒			6.7	☒		
2.4	☒			6.8		☒	
2.5	☒			6.9	☒		
2.6	☒			Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển, chuyển giao công nghệ			
Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục				7.1	☒		
3.1	☒			7.2	☒		
3.2	☒			7.3	☒		
3.3	☒			7.4	☒		
3.4	☒			7.5		☒	
3.5	☒			7.6	☒		
3.6	☒			7.7	☒		
Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động đào tạo				Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
4.1	☒			8.1	☒		
				8.2	☒		
				8.3	☒		

4.2	☒		
4.3	☒		
4.4	☒		
4.5	☒		
4.6	☒		
4.7	☒		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
5.1	☒		
5.2	☒		
5.3	☒		
5.4	☒		
5.5	☒		
5.6	☒		
5.7	☒		
5.8	☒		
Tiêu chuẩn 6: Người học			

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
9.1	☒		
9.2	☒		
9.3	☒		
9.4	☒		
9.5	☒		
9.6	☒		
9.7	☒		
9.8	☒		
9.9	☒		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
10.1	☒		
10.2	☒		
10.3	☒		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 10 tiêu chuẩn
- Số tiêu chí đạt : 59 (Chiếm 96.7 %)
- Số tiêu chí chưa đạt : 02 (Chiếm. 3.3 %)
- Số tiêu chí không đánh giá : 0 (Chiếm 0 %)

Hải Phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2017



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS LƯƠNG CÔNG NHỚ

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Ký hiệu
1.	Bộ Giao thông vận tải	Bộ GTVT
2.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ GD&ĐT
3.	Ủy ban nhân dân	UBND
4.	Đại học Hàng hải Việt Nam	ĐHHHVN
5.	Ban giám hiệu	BGH
6.	Cán bộ viên chức	CBVC
7.	Vừa làm vừa học	VLVH
8.	Kiểm định chất lượng	KĐCL
9.	Đảm bảo chất lượng	ĐBCL
10.	Công tác sinh viên	CTSV
11.	Khoa học và công nghệ	KHCN
12.	Công nghệ thông tin	CNTT
13.	Giáo sư, Phó Giáo sư	GS, PGS
14.	Thạc sỹ	ThS
15.	Sinh viên	SV
16.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	KT&ĐBCL
17.	Giáo dục thể chất	GDTC
18.	Giáo dục quốc phòng	GDQP
19.	Ký túc xá	KTX
20.	Quyết định	QĐ
21.	Chuẩn đầu ra	CDR
22.	Quan hệ quốc tế	QHQT

23.	Trung cấp chuyên nghiệp	TCCN
24.	Chương trình đào tạo	CTĐT
25.	Trung tâm	TT
26.	Cơ sở vật chất	CSVN

PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của công tác tự đánh giá:

Trong những năm qua, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, phục vụ đắc lực cho phát triển các ngành Kinh tế biển của đất nước. Chính phủ đã đưa Trường vào danh sách các trường trọng điểm quốc gia quy mô đào tạo và huấn luyện sẽ ngày càng được mở rộng, hội nhập quốc tế. Việc tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục đại học giúp cho Trường nhìn nhận lại những điểm mạnh, điểm còn tồn tại và có định hướng đúng đắn phù hợp với yêu cầu phát triển ngành kinh tế biển của đất nước.

Ngày 01 tháng 11 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Đại học. Theo Quyết định này, tất cả các trường đại học phải tiến hành tự đánh giá chất lượng trên cơ sở so sánh với 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí đánh giá trong bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học. Đây là đợt thứ 3 Trường tiến hành công tác tự đánh giá Kiểm định chất lượng giáo dục.

Để có thể tham gia kiểm định chất lượng trường đại học, Trường tiến hành thu thập thông tin, rà soát các hoạt động thuộc các lĩnh vực liên quan, đối chiếu các kết quả đạt được với mục tiêu đề ra, tìm và thực hiện một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học. Đồng thời Trường tiến hành đối chiếu giữa thực trạng hoạt động của Trường (thông qua các tài liệu, minh chứng) với các mốc tham chiếu tối thiểu để đánh giá mức độ đạt tiêu chí theo công văn số 1237/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 3/8/2016 của Cục Khảo thí và Đào tạo ban hành đề trình lên Hội đồng Kiểm định chất lượng trường đại học và đề nghị công nhận trường đại học đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo cấp độ chất lượng mà Trường đạt được.

2. Mục đích của công tác tự đánh giá:

Mục đích của công tác tự đánh giá là xác định mức đạt được của 61 tiêu chí đánh giá và cấp độ chất lượng của Trường so với qui định trong bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khi đánh giá mức độ đạt được của 61 tiêu chí, Trường sẽ nhận rõ được điểm mạnh, điểm tồn tại và đưa ra kế hoạch hành động nhằm phát huy điểm mạnh, hạn chế hoặc loại bỏ những điểm còn tồn tại để giúp Trường nâng cao được chất lượng trong các mặt hoạt động của mình, để đạt được cấp độ chất lượng cao hơn trong tương lai, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và các bên liên quan. Sau khi tự đánh giá xong, Trường tiến hành đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài các hoạt động theo yêu cầu chung của Bộ

3. Đối tượng, công cụ và phương pháp đánh giá:

Đối tượng của công tác tự đánh giá chất lượng Trường là toàn bộ các mặt hoạt động của Trường từ khi thành lập tới nay (*Sứ mạng, mục tiêu; Tổ chức và quản lý; Chương trình đào tạo; Hoạt động đào tạo; Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên; Người học; Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ; Hoạt động hợp tác quốc tế; Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác; Tài chính và quản lý tài chính*), đặc biệt là trong 5 năm qua (từ năm 2012 đến 2017).

Công cụ đánh giá là Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường đại học (10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành ngày 01 tháng 11 năm 2007.

Các phương pháp sử dụng trong đánh giá là phương pháp thống kê, so sánh, phân tích, tổng hợp và chuyên gia.

4. Phương pháp mã hóa các minh chứng:

Để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá trong báo cáo tự đánh giá, các tài liệu là minh chứng sẽ được mã hoá theo qui ước sau đây: **Hi.i.j.m**

Trong đó:

- H là ký hiệu chỉ **Hộp đựng minh chứng;**
- i là số tự nhiên từ 1 đến 10 chỉ **Thứ tự của Tiêu chuẩn trong 10 tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;**
- j là số tự nhiên từ 1 đến 10 chỉ **Thứ tự của tiêu chí trong 1 tiêu chuẩn;**
- m là số tự nhiên từ 1, 2, 3, 4, chỉ số **Thứ tự của tài liệu minh chứng phục vụ cho đánh giá tiêu chí theo mức của tiêu chí.**

Khi phân tích, đánh giá các tiêu chí, có thể phải sử dụng những minh chứng của các tiêu chí khác, hay một minh chứng có thể sử dụng phân tích, đánh giá cho nhiều tiêu chí. Trong báo cáo tự đánh giá các minh chứng được mã hoá và được trích dẫn trong 2 dấu ngoặc vuông đối nhau, ví dụ: [H1.2.3.3].

5. Ý nghĩa của công tác tự đánh giá:

Việc tự đánh giá chất lượng của trường đại học giúp cho toàn thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên, sinh viên, học viên và thuyền viên Trường thấy được những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại trong các mặt hoạt động của mình. Thông qua 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục và đào tạo, Trường tự đánh giá đạt mức hoặc chưa đạt cho từng tiêu chí đánh giá. Trên cơ sở tự phân tích, đánh giá và tự đánh giá mức độ đạt được, Trường sẽ có kế hoạch hành động nhằm hạn chế các điểm tồn tại, phát huy những điểm mạnh. Qua phân tích, đánh giá Trường cũng sẽ phải hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng, nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

6. Nội dung, qui trình tự đánh giá của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam:

Nội dung của bản báo cáo tự đánh giá gồm có 4 phần lớn:

Phần I – Phần đặt vấn đề

Phần II – Tổng quan chung

Phần III – Phần tự đánh giá của Trường

Phần IV – Phần phụ lục và Mã hóa minh chứng

Qui trình tự đánh giá diễn ra trình tự như sau:

Lập Hội đồng tự đánh giá ngày 14 tháng 01 năm 2014 gồm 22 thành viên; Ngày 22/3/2017, Trường ban hành quyết định số 537/QĐ-ĐHHHVN-KĐCL về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng Trường ĐHHHVN năm 2017 gồm 22 thành viên và 17 thành viên thư ký chia làm 5 nhóm công tác chuyên trách. Mỗi nhóm công tác gồm có 1 Trưởng ban, từ 2 đến 4 thư ký:

Nhóm 1: Chịu trách nhiệm thu thập minh chứng và viết báo cáo đánh giá tiêu chuẩn 1, 2 và 5 (*Nhóm chiến lược, tổ chức quản lý*).

Nhóm 2: Chịu trách nhiệm thu thập minh chứng và viết báo cáo đánh giá tiêu chuẩn 3 và 4 (*Nhóm đào tạo và Huấn luyện*).

Nhóm 3: Chịu trách nhiệm thu thập minh chứng và viết báo cáo đánh giá tiêu chuẩn 7 và 8 (*Nhóm Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế*).

Nhóm 4: Chịu trách nhiệm thu thập minh chứng và viết báo cáo đánh giá tiêu chuẩn 6 (*Nhóm xã hội và người học*).

Nhóm 5: Chịu trách nhiệm thu thập minh chứng và viết báo cáo đánh giá tiêu chuẩn 9 và 10 (*Nhóm Cơ sở vật chất và tài chính*).

- ✓ Lập kế hoạch thực hiện lộ trình công tác viết báo cáo tự đánh giá;
- ✓ Các nhóm công tác chuyên trách thu thập minh chứng;
- ✓ Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được tại các nhóm công tác chuyên trách;
- ✓ Viết báo cáo tự đánh giá theo các tiêu chuẩn và tiêu chí tại các nhóm công tác chuyên trách;
- ✓ Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá của toàn trường;
- ✓ Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá.

PHẦN II – TỔNG QUAN CHUNG

I. Tổng quan về nguồn nhân lực của Trường

Trường đại học Hàng hải Việt Nam là đơn vị đào tạo và huấn luyện hàng hải:

- Đào tạo tiến sỹ : 08 chuyên ngành;
- Đào tạo Cao học : 11 chuyên ngành;
- Đào tạo bậc Đại học: 41 chuyên ngành;
- Đào tạo chương trình huấn luyện: 59 loại
- Huấn luyện và cập nhật các mức trách nhiệm vận hành và quản lý cho sỹ quan hàng hải hạng 1 và 2, hoa tiêu hàng hải cơ bản và nâng cao, thanh tra hàng hải để thi lấy chứng chỉ chuyên môn theo yêu cầu của công ước quốc tế STCW 1978 sửa đổi 2010;
- Huấn luyện an toàn cơ bản và nâng cao cho thuyền viên theo yêu cầu của Công ước quốc tế STCW 1978 sửa đổi 2010;
- Huấn luyện đặc biệt cho thuyền viên: Mô phỏng Radar/ARPA, GMDSS, tàu dầu, tàu chở khí hóa lỏng, tàu chở hóa chất, tàu khách và tàu Ro-Ro...

Hiện nay Trường có 9 khoa chuyên môn; 02 khoa cơ bản (Khoa lý luận chính trị và Khoa Cơ sở cơ bản); 04 Viện đào tạo (Viện Môi trường, Viện cơ khí, Viện Đào tạo Sau đại học và Viện đào tạo quốc tế); 02 trung tâm (Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải, Trung tâm Giáo dục quốc phòng) với đội ngũ 1004 cán bộ, giảng viên và người lao động trong đó có 693 cán bộ giảng dạy; thạc sỹ, 76 tiến sỹ; 43 Phó giáo sư và giáo sư; và hàng trăm thuyền trưởng, máy trưởng, sỹ quan điện, vô tuyến điện tàu thủy và gần 17.000 sinh viên, học viên các hệ.

II. Tổng quan về tự đánh giá theo 10 tiêu chuẩn:

Mở đầu:

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam từ khi thành lập đến nay đã thực hiện tốt sứ mạng của mình là đào tạo những cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý cho các ngành kinh tế biển của Đất nước. Trường có mục tiêu, chương trình đào tạo các chuyên ngành và có kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với yêu cầu phát triển các ngành kinh tế biển của Đất nước qua các thời kì. Trường là đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, có cơ cấu tổ chức và quản lý

phù hợp, đúng qui định của Bộ chủ quản. Trường đã xây dựng được hệ thống các văn bản về tổ chức quản lý mọi mặt hoạt động của Trường. Tổ chức Đảng, đoàn thể trong trường được tổ chức một cách chặt chẽ, hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt. Các chương trình đào tạo được xây dựng và định kì chỉnh sửa dựa theo chương trình khung của Bộ Giáo dục – Đào tạo và các yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Các ngành đi biển, nội dung chương trình đào tạo đã đáp ứng được các yêu cầu của Tổ chức Hàng hải Quốc tế - IMO. Trường đã thực hiện việc đa dạng hoá các phương thức và hình thức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sinh viên. Sinh viên của Trường tốt nghiệp ra trường đã đáp ứng được các yêu cầu của thực tiễn. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên của Trường ngoài trình độ thạc sĩ, tiến sĩ còn có hàng trăm người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng, điện trưởng đủ khả năng khai thác vận hành những con tàu hiện đại, siêu lớn đi khắp 5 châu, 4 biển. Đa số các giảng viên của ngành Hàng hải và Máy tàu biển có trình độ tiếng Anh tốt, có thể giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh. Giảng viên ngoài việc giảng dạy còn tích cực NCKH và hợp tác quốc tế với các trường đại học Hàng hải của Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Ba Lan. Các đề tài NCKH của Trường đã góp phần giải quyết nhiều vấn đề quan trọng cho nền kinh tế biển. Thông qua con đường hợp tác quốc tế, Trường đã xây dựng được một số phòng mô phỏng Hàng hải đạt tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng hải Quốc tế - IMO. Từ tháng 5/2004, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các Trường Đại học Hàng hải Quốc tế. Trường đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng đào tạo, huấn luyện Hàng hải theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001:2008, được cấp giấy chứng nhận vào ngày 20/11/2012. Trường ngày càng tự chủ về tài chính, công tác quản lý thu, chi tài chính của Trường minh bạch, đúng các qui định của Nhà nước.

1. Về sứ mạng của Trường

Sứ mạng và mục tiêu của Trường *"Là trường đại học đa ngành nghề có uy tín trong khu vực và thế giới; đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh tế biển và xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế"*.

Kể từ khi thành lập đến nay, Trường đã đào tạo và cung cấp cho đất nước hàng vạn cán bộ từ sơ cấp đến trên đại học có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng cho nhu cầu phát triển ngành giao thông vận tải nói chung và ngành công nghiệp

hàng hải nói riêng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng, phát triển nền kinh tế của đất nước và bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Nghị quyết Hội nghị TW 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ đến năm 2020 “*Hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia; trong đó có một số trường và ngành đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Đa dạng hóa các cơ sở đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển công nghệ và các lĩnh vực ngành nghề; yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế*”; Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X về “*Chiến lược biển Việt Nam*” năm 2020. Công văn số 1317/TTg-KGVX ngày 22/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Trường Đại học Hàng hải Việt Nam vào danh sách các trường được xây dựng thành trường trọng điểm Quốc gia; Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Nghị quyết số 12-NQ/ĐH ngày 24/10/2015 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hải Phòng lần thứ XV nêu rõ sứ mạng của Trường gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng đến năm 2020, đó là “*Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trọng điểm phát triển kinh tế biển của cả nước; trung tâm giáo dục - đào tạo, y tế và khoa học - công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ*”.

Để đáp ứng các mục tiêu đã đặt ra và xác định là sứ mạng của Trường, cùng với chủ trương đổi mới về giáo dục, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã xây dựng lộ trình thực hiện khoa học, đưa ra đầy đủ yêu cầu chi tiết về cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, tài liệu, chương trình, đội ngũ giảng dạy đến năm 2030.

2. Cơ cấu tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có cơ cấu tổ chức theo đúng qui định của Bộ Giao thông Vận tải, đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Điều lệ các Trường Đại học Công lập và đã được cụ thể hoá trong Qui chế về tổ chức và hoạt động của Trường ban hành ngày 10/10/2016. Với việc áp dụng hệ thống quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Trường đã xây

dựng được hệ thống các chức năng, nhiệm vụ của mỗi vị trí làm việc trong từng đơn vị thuộc Trường: qui định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể lãnh đạo, cá nhân cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong toàn trường. Trường đã xây dựng được các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn phù hợp với việc phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hải Phòng, các tỉnh ven biển phía Bắc và của cả nước trong các lĩnh vực Hàng hải, Đóng tàu, Vận tải biển, Xây dựng công trình thuỷ. Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên của Trường trong 5 năm qua đã hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt, góp phần duy trì sự ổn định, luôn tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai.

Trường đã và đang là nơi cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao chủ yếu cho nền kinh tế biển của cả nước. Các kỹ sư, chuyên gia do Trường đào tạo hiện chiếm đến trên 80% lực lượng cán bộ kỹ thuật các tập đoàn, doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh tế biển. Không chỉ dừng lại trong việc đào tạo nhân lực theo mô hình cũ, tách rời giữa chương trình, nội dung đào tạo và nhu cầu của người sử dụng lao động. Trường đã mạnh dạn áp dụng và triển khai thành công một số mô hình đào tạo trên cơ sở hợp tác, liên kết với các nhà tuyển dụng như: mô hình đào tạo theo địa chỉ; mô hình liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài.

3. Hoạt động đào tạo và Huấn luyện

Hoạt động đào tạo và huấn luyện là trục trung tâm xuyên suốt mọi hoạt động, là động lực chính cho sự phát triển bền vững của Trường trong nhiều năm qua. Các hoạt động đào tạo đã được mở rộng về quy mô, đa dạng hoá và mềm dẻo về phương thức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người học và nhân lực cho thị trường lao động. Trường đã chủ động đầu tư mạnh mẽ cho cơ sở vật chất, tích cực vận động đổi mới phương pháp giảng dạy, xây dựng các phòng học chuyên ngành, cải tiến phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá người học. Kết quả học tập của sinh viên được thông báo công khai, minh bạch, kịp thời theo đúng qui định, đã được lưu trữ chính xác, an toàn tại phòng Khảo thí & ĐBCL và văn phòng giáo vụ các Khoa, Viện chuyên môn. Từ năm 2007, Trường đã chuyển hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo tín chỉ với sự hỗ trợ tích cực của phần mềm quản lý đã giúp cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên chủ động trong việc dạy và học. Đặc biệt đối với sinh viên, đã chủ

động đáng kể trong việc học và tự học của bản thân trong suốt giai đoạn tại Trường. Đây cũng là loại hình đào tạo giúp cho Trường tiến gần hơn với nền giáo dục đại học hiện đại trên thế giới.

4. Hoạt động khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ

Bên cạnh việc hoàn thành tốt các công tác đào tạo, huấn luyện, Trường còn chú trọng tới công tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ khoa học. Trường thành lập các đơn vị nghiên cứu chuyển giao công nghệ trong Trường như: Phòng Khoa học – Công nghệ; Viện Khoa học Công nghệ Hàng hải; Trung tâm đào tạo và tư vấn xây dựng hàng hải; Trung tâm đào tạo và tư vấn KHCN bảo vệ môi trường thủy; Trung tâm nghiên cứu hệ động lực tàu thủy... Trong đó Viện Khoa học Công nghệ Hàng hải là đầu mối lớn nhất của Trường về việc triển khai nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ khoa học, chế tạo và ứng dụng các sản phẩm công nghệ cao với các chức năng: Nghiên cứu và triển khai ứng dụng nghiên cứu khoa học – Công nghệ trong các lĩnh vực: đóng mới và sửa chữa tàu thủy, xây dựng công trình thủy, khai thác cảng và đội tàu, bảo vệ môi trường thủy; Cung cấp các dịch vụ khoa học và chuyển giao công nghệ cho ngành Hàng hải và các ngành kinh tế biển như: thiết kế, giám sát thi công công trình thủy, tư vấn giám sát, thông tin khoa học, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và quản lý; Tư vấn và phản biện khoa học, giám định hàng hải; Sản xuất và thử nghiệm các sản phẩm khoa học; Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Trong 5 năm trở lại đây, các đơn vị tư vấn cùng với đội ngũ cán bộ giảng viên Trường đã thực hiện và hoàn thành được nhiều đề tài có chất lượng xuất sắc và tính ứng dụng cao, cụ thể:

- Cấp Nhà nước và trọng điểm cấp Bộ/Ngành: 4 đề tài
- Cấp Bộ/Ngành: 50 đề tài
- Cấp cơ sở: 851 đề tài.

Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường không chỉ được ứng dụng rộng rãi trong cả nước và một số sản phẩm khoa học công nghệ đã được các tổ chức Đăng kiểm quốc tế kiểm định như NK; Bureau Veritars ... và chứng nhận chất lượng.

5. Hợp tác quốc tế

Với đặc thù là một trường Đại học có tính quốc tế cao, Trường cũng sớm triển khai và xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế và đã đạt được nhiều thành tựu trong việc thu hút các nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư để nâng cấp cơ sở vật chất, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ - giảng viên và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ. Các thành quả đạt được thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đưa chất lượng đào tạo các ngành truyền thống của Trường lên ngang tầm khu vực và quốc tế.

Trong những năm vừa qua và định hướng trong thời gian tới Trường sẽ tập trung chủ yếu ở các mảng: Tìm kiếm, xúc tiến các dự án, các hỗ trợ của các nhà tài trợ quốc tế đặc biệt là các nhà tài trợ từ phía Nhật Bản (bao gồm nguồn vốn ODA, nguồn tài trợ từ tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp) để nâng cao cơ sở vật chất cũng như chất lượng về con người (bao gồm đội ngũ giảng viên và sinh viên); Thông qua các mối quan hệ quốc tế, tăng cường liên kết song phương và đa phương với các trường đại học nước ngoài nhằm tìm kiếm các nguồn học bổng hỗ trợ cho công tác đào tạo chuyên môn của giảng viên trong Trường và mời các chuyên gia nước ngoài về hỗ trợ giảng dạy tại trường. Tham gia nghiên cứu, triển khai áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại và đẩy mạnh chương trình dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh cho sinh viên đại học và Sau đại học. Các đối tượng mà Trường hướng tới tập trung các nước ở khu vực Châu Á, Tây – Bắc Âu, Hoa Kỳ và Australia; Phối hợp nghiên cứu những đề tài có tính ứng dụng công nghệ cao và có khả năng phát triển thành các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Trường; Tích cực tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế nhằm nâng cao uy tín, ảnh hưởng của Trường trong hoạt động đào tạo và Huấn luyện, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế biển.

6. Hoạt động xã hội và người học

Người học là đối tượng trực tiếp của mỗi trường học. Mọi hoạt động của Trường trong một thể thống nhất nhằm quản lý, tạo điều kiện để người học được đào tạo, rèn luyện và chăm sóc theo quy định của Pháp luật và các cơ quan chức năng, để họ có đủ năng lực chuyên môn được đào tạo, có sức khỏe và phẩm chất

chính trị đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sinh viên của Trường đã được: Khám sức khỏe đầu khóa – cuối khóa, phân loại sức khỏe và chuyển ngành học phù hợp; Được tuyên truyền, học tập sơ cứu tai nạn, phòng chống ma túy, HIV/AIDS và các bệnh học đường; được sơ cấp cứu khi bị tai nạn luyện tập, ốm đau, ... Trước mỗi khóa học, sinh viên đều được tham gia tuần sinh hoạt công dân đầu khóa nhằm tuyên truyền cho sinh viên biết đầy đủ về mục tiêu, chương trình đào tạo, nội qui, qui chế trong học tập, sinh hoạt và rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Tài liệu “Sổ tay sinh viên” được xuất bản từ đầu năm học theo một biểu mẫu thống nhất với nội dung đầy đủ, giúp sinh viên nắm bắt được kế hoạch học tập hàng năm của từng chuyên ngành; Công tác đánh giá và rèn luyện sinh viên, các chế độ chính sách, đăng ký học phần. Bên cạnh đó, những sinh viên diện chính sách xã hội được Trường quan tâm theo đúng qui định của Nhà nước về miễn, giảm học phí, bố trí ký túc xá, hỗ trợ vật chất và tinh thần. Trường có Trung tâm thể thao gồm sân vận động, bể bơi, sân bóng chuyền, bóng rổ, tennis, cầu lông, bóng bàn, nhà tập thể thao có mái che, sân thể thao chuyên ngành Hàng hải phục vụ cho sinh viên rèn luyện thân thể, nâng cao thể lực. Sinh viên ngành đi biển được Trường cho ở các khu Ký túc xá hiện đại, trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho sinh hoạt và rèn luyện. Việc giáo dục lối sống, tư tưởng chính trị của sinh viên còn được Đoàn thanh niên Trường tổ chức thường xuyên thông qua nhiều hình thức như: tổ chức các câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ chuyên ngành Hàng hải; âm nhạc; thể thao; Kịch; ban phát thanh ... Trường có Trung tâm Đào tạo và Giới thiệu việc làm giúp cho sinh viên có cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. Công ty Vận tải biển và Xuất khẩu lao động, Công ty VINIC, Trung tâm thuyền viên VICMAC là nơi tiếp nhận sinh viên ngành đi biển sau khi tốt nghiệp ra trường.

7. Cơ sở vật chất, tài chính:

Cùng với các trang thiết bị huấn luyện thực hành, Trường đã và đang đầu tư cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ để đáp ứng nhu cầu đào tạo ngày càng tăng cao trong những năm tới đây. Với một lợi thế vị trí địa lý thuận lợi, nằm giữa trung tâm thành phố Hải Phòng với diện tích 128,5 ha bao gồm: Khu hiệu bộ (12,5ha) là khu hành chính, giảng đường C và các giảng đường chuyên ngành,

văn phòng các Khoa, Viện, khu huấn luyện và mô phỏng hàng hải, hệ thống các phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá và khu liên hợp thể thao; Khu giảng đường B (với diện tích 1,7ha) dành cho các sinh viên học môn khoa học cơ bản, cơ sở; Khu ký túc xá Quán Nam (diện tích sử dụng 1,7 ha); Trường Cao đẳng nghề VMU với diện tích sử dụng là 11,4 ha bao gồm khu giảng đường 3 tầng (1250m²), khu ký túc xá, phòng thí nghiệm thực hành, 8 xưởng thực hành chuyên ngành; Dự án phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia “*Bể thử mô hình tàu thủy*” 25 ha; Công ty TNHH MTV CNTT Lâm Động 75 ha, cụ thể:

Diện tích sử dụng hội trường, giảng đường, lớp học:	17.803 m ²
Thư viện	: 3.295 m ²
Phòng thí nghiệm, thực hành	: 12.754,4 m ²
Phòng máy tính	: 1.500 m ²
Nhà thi đấu đa năng, nhà văn hóa	: 250 m ²
Phòng dành cho giáo viên, giảng viên	: 1.500 m ²
Phòng làm việc cho các phòng, ban	: 14.800 m ²
Ký túc xá	: 12.695 m ²

Bên cạnh đó, vấn đề tài chính và quản lý tài chính cũng đóng vai trò rất quan trọng đối với hoạt động của Trường. Trong suốt quá trình phát triển, Trường luôn tự chủ, minh bạch về các nguồn tài chính, công tác lập kế hoạch rõ ràng khoa học luôn được liên tục hoàn thiện, công tác phân phối đúng, hợp lý, minh bạch, khoa học, đảm bảo cho Trường luôn phát triển nhanh, mạnh và bền vững. Các nguồn thu chủ yếu từ 2 nguồn chính: Ngân sách Nhà nước và kinh phí thu sự nghiệp. Bên cạnh đó, Trường luôn tự chủ động tìm thêm các nguồn thu khác như đẩy mạnh quan hệ đối ngoại để có được các dự án, tài trợ của các tổ chức nước ngoài và ngày càng chủ động hơn về nguồn thu tài chính.

Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH, kết hợp đào tạo – NCKH ứng dụng hoạt động sản xuất - dịch vụ. Vì vậy, việc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm là nhiệm vụ rất quan trọng vừa mang tính định hướng vừa phản ánh qui mô hoạt động của Trường. Kế hoạch tài chính hàng năm của Trường được lập theo các qui định của cơ quan quản lý tài chính chủ quản, nội dung rõ ràng dựa trên các cơ sở mang tính khoa học, phù hợp với các yêu cầu của từng lĩnh vực hoạt động. Kế hoạch tài

chính hàng năm khi lập xong được thông báo công khai tình hình phân bổ kinh phí trong năm cho các cán bộ chủ chốt trong toàn trường sau đó được gửi lên Bộ chủ quản phê duyệt. Thông qua các minh chứng cho thấy kế hoạch tài chính hàng năm được lập tương đối phù hợp với các yêu cầu và qui mô đào tạo của Trường đã được Bộ GTVT phê duyệt.

PHẦN III – TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA NHÀ TRƯỜNG

Tiêu chuẩn 1. Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Mở đầu

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tiền thân là Trường Sơ cấp Lái tàu được thành lập năm 1956. Trải qua nhiều giai đoạn thay đổi về cơ cấu tổ chức, năm 2013 Trường được đổi tên thành Trường Đại học Hàng hải Việt Nam. Trường là cơ sở giáo dục đại học công lập nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trực thuộc Bộ Giao thông vận tải; chịu sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đại học, sau đại học; chịu sự quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về đào tạo nghề từ năm 2013; của chính quyền địa phương nơi đóng trụ sở và các bộ, ngành khác về lĩnh vực có liên quan theo quy định của Nhà nước.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường *"Là trường đại học đa ngành nghề có uy tín trong khu vực và thế giới; đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh tế biển và xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế"*.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được phổ biến, quán triệt sâu sắc tới tập thể lãnh đạo, CBVC, người học và được thực hiện nhất quán. Sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; gắn kết với Chiến lược phát triển kinh tế biển của Đảng, Nhà nước. Mục tiêu của Trường phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành, theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh theo từng thời kỳ phát triển của Trường.

Tiêu chí 1.1. *Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.*

1. Mô tả

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam hiện đóng vai trò quan trọng hàng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho nền kinh tế biển của đất nước, với việc đảm nhận đào tạo các chuyên ngành có liên quan đến kinh tế biển, bao gồm Hàng hải, Đóng tàu, Kinh tế vận tải biển, Công trình thủy và thềm lục địa, Môi trường biển...

Năm 2016, Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, trong đó xác định sứ mạng là ***“Là trường đại học đa ngành nghề có uy tín trong khu vực và thế giới; đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh tế biển và xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế”*** [H1.1.1.01].

Nội dung sứ mạng rõ ràng, dễ hiểu đồng thời thể hiện sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường đã nêu tại Quy chế tổ chức và hoạt động, đó là: đào tạo nhân lực phục vụ kinh tế biển của đất nước, cụ thể như: Giao thông vận tải (Hàng hải, đường bộ, đường sông...), công nghiệp đóng tàu, xây dựng công trình thủy, công trình biển và các ngành kinh tế, kỹ thuật, công nghệ có liên quan khác, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý có trình độ đại học, sau đại học, kỹ thuật viên, công nhân lành nghề, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [H1.1.1.01].

Các nguồn lực của Trường đảm bảo đủ để thực hiện tốt sứ mạng đã đặt ra. Về nguồn nhân lực, 87% giảng viên của Trường có học vị thạc sĩ trở lên, trong đó có 2 Giáo sư và 41 Phó Giáo sư, 47 tiến sĩ, 31 Giảng viên cao cấp và hàng trăm thuyên trưởng, máy trưởng. Về cơ sở vật chất, Trường có đủ phòng làm việc, phòng học với trang thiết bị đồng bộ, phòng thí nghiệm, thực hành hiện đại, sân chơi, nhà thi đấu đa chức năng, bể bơi, sân vận động phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học; thư viện với trên 100.000 tài liệu các loại,

kết nối tới 5 CSDL quốc tế và hơn 100 trường Đại học, cao đẳng trên toàn quốc đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng thông tin của CBVC và người học [H1.1.1.10].

Nội dung sứ mạng phù hợp với định hướng phát triển của Trường và ngành Hàng hải, đã được Bộ Giao thông vận tải định hướng trong Nghị quyết số 34-NQ/BCSD ngày 06/12/2013 và Quyết định số 768/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2014, đó là: xây dựng Trường ĐHHHVN trở thành một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao hàng đầu khu vực ASEAN, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến kinh tế biển; có đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho chiến lược phát triển kinh tế biển của đất nước, nghiên cứu, thực nghiệm các công nghệ mới trong các lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển và hải dương học phục vụ cho nhu cầu dân dụng và quân sự; thu hút được học viên từ các nước trong khu vực và thế giới [H1.1.1.05-06].

Nội dung sứ mạng của Trường gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng đến năm 2020, đó là “Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trọng điểm phát triển kinh tế biển của cả nước; trung tâm giáo dục - đào tạo, y tế và khoa học - công nghệ của vùng duyên hải Bắc Bộ” [H1.1.1.07].

Đồng thời, nội dung sứ mạng của Trường phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế biển của Đảng và Nhà nước, đó là đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chiến lược phát triển kinh tế biển mà Đảng ta xác định tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09/02/2007, Hội nghị Trung ương 4 khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Công văn số 1317/TTg-KGVX ngày 22/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung Trường Đại học Hàng hải Việt Nam vào danh sách các trường được xây dựng thành trường trọng điểm Quốc gia; Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 03/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Giao thông vận tải đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 [H1.1.1.03-04] [H1.1.1.08].

Nội dung sứ mạng được phổ biến và quán triệt đến tất cả CBVC, người học, các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội thông qua các hội nghị, hội thảo, các văn bản tổ chức quản lý, Kỷ yếu của Trường đồng thời được đăng tải trên trang

thông tin điện tử của Trường, của Đoàn Thanh niên và của các khoa, viện, trên các phương tiện thông tin đại chúng [H1.1.1.02] [H1.1.1.09].

2. Điểm mạnh

Sứ mạng rõ ràng, chính thức, phù hợp với định hướng phát triển của Trường, của Đảng, Nhà nước và các bộ, ngành có liên quan; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến CBVC và người học.

3. Tồn tại

Việc giới thiệu, tuyên truyền sứ mạng của Trường tới các tổ chức doanh nghiệp chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, hàng năm thông qua Chương trình kết nối doanh nghiệp của các khoa, viện và kế hoạch quảng bá tuyển sinh, Trường tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến sứ mạng đến các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 1.2. Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Mục tiêu của Trường được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, đó là:

Đến năm 2020: Hoàn thành giai đoạn thứ nhất về xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho chiến lược Trường trọng điểm quốc gia. Có đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, ngoại ngữ; đạt thành tựu bước đầu trong hợp tác song phương về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và trao đổi giảng viên, sinh viên.

Đến năm 2025 đạt trình độ ngang bằng với các trường Đại học Hàng hải của các nước phát triển trong khối ASEAN (Thái Lan, Malayxia...).

Đến năm 2030 đạt trình độ ngang bằng với các trường trong khối các trường Đại học Hàng hải khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga...), có đủ khả năng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho chiến lược phát triển kinh tế biển của đất nước, nghiên cứu, thực nghiệm các công nghệ mới trong các lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển và hải dương học phục vụ cho nhu cầu dân dụng và quân sự; thu hút được học viên từ các nước trong khu vực và thế giới [H1.1.1.01].

Mục tiêu này hoàn toàn phù hợp với sứ mạng của Trường đồng thời được chi tiết thành các mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu đào tạo trình độ đại học được cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và thông qua chuẩn đầu ra của từng chuyên ngành đào tạo là: đào tạo ra những cử nhân, kỹ sư có kiến thức cơ bản, có chuyên môn sâu rộng, có kỹ năng thực hành tốt và khả năng thích ứng cao trong môi trường làm việc sau này; có năng lực tiếp cận nhanh và ứng dụng hiệu quả công nghệ hiện đại, giải quyết tốt những vấn đề khoa học và kỹ thuật thuộc lĩnh vực được đào tạo; có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, biết tư duy hệ thống và tư duy phân tích, có khả năng tác nghiệp độc lập và sáng tạo, có khả năng giao tiếp và làm việc theo nhóm, đạt chuẩn về tiếng Anh từ 450 TOEIC trở lên và tương đương, đạt chuẩn tin học văn phòng quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) của Certiport - Hoa Kỳ [H3.3.2.03], hội nhập được trong môi trường quốc tế; có sức khỏe tốt, có kiến thức về giáo dục quốc phòng - an ninh, đạt chuẩn mực đạo đức, trung thành với Tổ quốc, phục vụ đất nước và xã hội [H3.3.3.09]. Mục tiêu này phù hợp với Điều 2, Điều 39 của Luật Giáo dục và Điều 5 của Luật Giáo dục đại học [H1.1.2.01].

Đối với bậc sau đại học, Trường xác định mục tiêu đào tạo trình độ thạc sĩ là giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức ngành, chuyên ngành; tăng cường kiến thức liên ngành; có kiến thức chuyên sâu trong một lĩnh vực khoa học chuyên ngành hoặc có kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có

năng lực phát hiện giải quyết các vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo [H3.3.3.11]; mục tiêu đào tạo trình độ tiến sỹ là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H3.3.3.12]. Mục tiêu đào tạo bậc sau đại học phù hợp với Điều 39 của Luật Giáo dục và Điều 5 của Luật Giáo dục đại học [H1.1.2.01].

Đối với công tác khoa học và công nghệ, Trường xác định mục tiêu là tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp, sản phẩm mới, góp phần hình thành và nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên, nghiên cứu viên, người học và nâng cao chất lượng đào tạo; ứng dụng tri thức, công nghệ mới và tạo ra phương thức, giải pháp mới phục vụ phát triển dự nghiệp giáo dục và đào tạo, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước, góp phần tạo cơ sở cho hợp tác quốc tế khoa học và công nghệ; đóng góp và phát triển khoa học công nghệ chuyên ngành, góp phần làm giàu kho tàng tri thức, công nghệ của đất nước và nhân loại [H1.1.1.01]. Mục tiêu này phù hợp với Điều 39 Luật Giáo dục đại học [H1.1.2.01].

Mục tiêu của Trường được triển khai thực hiện, cụ thể hóa thông qua chương trình, kế hoạch công tác năm, tháng của Trường, của các khối công tác và của các đơn vị trực thuộc [H1.1.2.03÷06].

Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể trong từng lĩnh vực hoạt động của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh thông qua phiên họp của Hội đồng trường, các Hội nghị tổng kết, hội thảo chuyên đề [H1.1.2.06] [H2.2.1.01]. Năm 2016, Trường đã xây dựng kế hoạch, tổ chức Hội thảo, thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo đại học và chuẩn đầu ra cho các chuyên ngành thuộc Trường ĐHHHVN theo đúng quy định của Bộ GD-ĐT, Quyết định ban hành hướng dẫn xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học theo cấu trúc Đề cương CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành) cấp độ 4. Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra theo CDIO đang được thực hiện đúng tiến độ, dự kiến sẽ áp dụng từ khóa 58, năm học 2017-2018

[H3.3.1.15] [H3.3.1.17]. Đối với hệ đào tạo sau đại học, năm 2014 Trường chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật, xây dựng mới mục tiêu, nội dung chương trình khung và đề cương chi tiết của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ [H1.1.2.07]. Năm 2016, Trường chủ động rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu, chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ để đảm bảo phù hợp với Thông tư 07/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu cho các trình độ [H1.1.2.08].

Trường đã tiến hành phổ biến mục tiêu của Trường đến CBVC và người học thông qua văn bản, thông qua Hội nghị cán bộ chủ chốt, Hội nghị bộ môn mở rộng, Hội nghị Hiệu trưởng làm việc với giảng viên, Hội nghị Hiệu trưởng làm việc với cán bộ, chuyên viên [H1.1.2.05÷06]. Trường đã tuyên truyền, công bố với xã hội thông qua trang thông tin điện tử của Trường, của các khoa, viện, các bài viết giới thiệu về Trường trên các tạp chí, báo, phóng sự chuyên đề, tin hoạt động trên đài truyền hình trung ương và địa phương [H1.1.1.09]; [H1.1.2.02].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu phù hợp với sứ mạng của Trường, được phổ biến rộng rãi đến cán bộ, viên chức, người học và xã hội trên nhiều kênh thông tin bằng nhiều hình thức.

3. Tồn tại

Mục tiêu của các chương trình đào tạo đại học hệ chính quy xây dựng trước năm 2016 chưa thể hiện rõ chuẩn đầu ra mà người học cần đạt được.

4. Kế hoạch hành động

Tháng 8 năm 2017, xây dựng thành công mục tiêu, chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo trình độ đại học theo nguyên lý đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra Outcomes- based Education – OBE. Chuẩn đầu ra CTĐT được thiết kế tham chiếu theo cấu trúc Đề cương CDIO cấp độ 4.

Từ năm 2018, hàng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 1:

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã xác định sứ mạng và mục tiêu rõ ràng, phù hợp với chức năng, các nguồn lực và định hướng phát triển của Trường; gắn kết với định hướng phát triển của ngành Hàng hải và thành phố Hải Phòng, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế biển của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở nhận diện rõ ràng sứ mạng và mục tiêu, việc triển khai thực hiện được Trường quan tâm, kiểm soát và đánh giá định kỳ.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong việc tuyên truyền sứ mạng đến các tổ chức, doanh nghiệp, việc xây dựng mục tiêu CTĐT hệ đại học chính quy trước năm 2016 chưa đáp ứng được yêu cầu, nhưng hiện nay Trường đang quyết tâm thực hiện các giải pháp hữu hiệu để khắc phục trong thời gian sớm nhất nhằm thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu đã đề ra.

Tiêu chuẩn 1: có 2/2 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 2. Tổ chức và quản lý

Mở đầu:

Chức năng, nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Trường hoạt động theo Điều lệ Trường đại học (ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ) và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường (ban hành kèm theo Quyết định số 2136/QĐ-ĐH-HHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam) [H2.2.1.01]. Hệ thống văn bản tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường được xây dựng và hoàn thiện phù hợp với quy định chung của Nhà nước và điều kiện thực tế của Trường, đã phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của tập thể, cá nhân trong Trường. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Trường, chính quyền và các đoàn thể trong Trường đã phát huy quyền làm chủ tập thể của các tổ chức đoàn thể, cán bộ, viên chức và người học trong Trường; Trường đã chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường.

1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường được quy định rõ ràng, cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Điều lệ Trường đại học, Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan [H1.1.1.01] [H1.1.2.01].

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Trường gồm: Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, 11 khoa, 7 viện, 14 phòng, ban chức năng và tương đương, 15 trung tâm, nhà xuất bản, thư viện, trường cao đẳng VMU, có 4 công ty Trường đang góp vốn và 1 công ty do Bộ Giao thông vận tải giao cho Trường quản lý [H2.2.1.04]. Trường đã thành lập Phòng Thanh tra, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H2.2.5.01-02]. Trường có Hội đồng Đào tạo và KHCN, các hội đồng tư vấn: Hội đồng Tuyển dụng, Hội đồng tuyển sinh đại học, Hội đồng tuyển sinh sau đại học, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chức danh GS, PGS cấp cơ sở,...; các đoàn thể: Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H2.2.1.02]. Cơ cấu tổ chức của Trường được công khai trong Sổ tay chất lượng và trên trang thông tin điện tử của Trường [H1.1.1.09] [H1.1.1.11].

Hội đồng trường ĐHHHVN được thành lập theo Quyết định số 1213/QĐ-BGTVT ngày 8/4/2015 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động trên cơ sở Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng do Hội đồng Trường ban hành ngày 29/9/2015. Hội đồng Trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Nhà nước. Hội đồng trường có quyền quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tổng thể Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục; về huy động, quản lý, sử dụng và chia sẻ các nguồn lực, cơ sở vật chất dùng chung, định hướng phát triển đội ngũ công chức, viên chức, người lao động, về cơ cấu tổ chức và phương hướng đầu tư phát triển của Trường [H2.2.1.01].

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường được thành lập theo Quyết định số 1609/QĐ-ĐHHVN-KHCN ngày 11/8/2016 của Hiệu trưởng phù hợp với quy định của pháp luật [H2.2.1.02]. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo tính theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng, Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về việc xây dựng Quy chế, quy định về đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện, phòng thí nghiệm; Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Trường; Đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai và hủy bỏ các chương trình đào tạo; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, phân công thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ [H2.2.1.02].

Đảng bộ Trường hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo toàn diện các mặt công tác của Trường. Các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, Đoàn Thanh niên được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức; phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ; góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục theo quy định của Luật giáo dục và Luật Giáo dục Đại học [H1.1.2.01].

Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường được quy định cụ thể trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế làm việc của từng đơn vị và quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc trong Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001:2008 [H1.1.1.01], [H2.2.1.03], [H2.2.1.05].

Cơ cấu tổ chức của Trường rõ ràng, hợp lý, đúng quy định với đầy đủ các quy chế, quy định về tổ chức hoạt động từ cấp đơn vị cơ sở đến cấp Trường tạo thành một bộ máy thống nhất; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, điều kiện thực tế của Trường.

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường được xây dựng đúng quy định, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường và được công khai rộng rãi.

3. Tồn tại

Hoạt động của Hội đồng Trường chưa có bề nổi thực sự.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Hội đồng trường thực hiện rà soát hoạt động theo chức năng nhiệm vụ, phân định rõ trách nhiệm giữa Hội đồng trường với Ban Giám hiệu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Trường.

1. Mô tả

Trường có hệ thống văn bản quy định để tổ chức, quản lý một cách hiệu quả các hoạt động về các lĩnh vực:

Công tác tổ chức cán bộ: đã ban hành các văn bản Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.1.1.01]; Quy chế bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ Trường; Quy định đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ; Quy chế đào tạo giảng viên; Quy định quy định tiêu chuẩn cán bộ, lãnh đạo quản lý; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên, CNV Trường [H2.2.2.10].

Công tác đào tạo: đã ban hành các văn bản Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Kế hoạch học tập các năm học; Các quyết định ban hành các chương trình đào tạo; Quyết định thành lập các hội đồng nghiệm thu chương trình đào tạo [H2.2.2.06].

Công tác sinh viên: đã ban hành Quy chế công tác sinh viên; Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên; Sổ tay sinh viên; các văn bản Quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập [H2.2.2.07].

Công tác khoa học - công nghệ: đã ban hành Quy định hoạt động KHCN của Trường; Quy chế hoạt động của Quỹ khuyến học NCKH và chuyển giao công nghệ của Trường; Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giảng viên có bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí quốc tế; Giao, phê duyệt và hỗ trợ kinh

phí thực hiện đề tài NCKH; Quy định gắn kết giữa NCKH và Đào tạo; [H2.2.2.08].

Công tác kế hoạch - Tài chính: đã ban hành Báo cáo tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; Đề án phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường giai đoạn 2013-2023, định hướng đến năm 2030; Đề án đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo [H2.2.2.09].

Công tác đảm bảo chất lượng: đã ban hành Quy trình khảo thí cho sinh viên hệ ĐHCQ; Thành lập hội đồng KĐCL năm 2014, quyết định kiện toàn Hội đồng năm 2017 Kế hoạch tự đánh giá, chương trình Kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và đào tạo; kế hoạch kiểm định chất lượng chương trình theo tiêu chuẩn hiệp hội các trường ĐH Đông Nam Á (AUN) [H2.2.2.11].

Công tác thanh tra: đã ban hành Kế hoạch, thông báo kết luận thanh tra tình hình lên lớp; thanh tra các kỳ thi; kế hoạch thanh tra kiểm tra công tác quản lý Đào tạo Bộ môn, Khoa, Trung tâm, Viện, các Phòng ban năm 2011-2016; Kế hoạch thanh tra năm học, học kỳ; Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân [H2.2.2.12].

Cơ sở vật chất: ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của Trường; Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất các năm; Quyết định tăng cường cơ sở vật chất các năm; Thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản; Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất [H2.2.2.13].

Công tác của các tổ chức đoàn thể: Đảng ủy ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy; Bảng phân công các đồng chí UV BTV Đảng ủy, BCH Đảng bộ [H2.2.2.14]; Công đoàn ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Công đoàn Trường; Quy chế hoạt động của UB Kiểm tra Công đoàn Trường; Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Công đoàn Trường nhiệm kỳ 2012-2015 [H2.2.2.15]; Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã ban hành Phân công nhiệm vụ cho các đồng chí UV BTV, UV BCH và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đoàn TN Trường nhiệm kỳ 2012-2014, 2014-2017; Kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên [H2.2.2.16].

Hệ thống văn bản được ban hành theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo thể thức, thẩm quyền, không mâu thuẫn với văn bản của cấp trên, không có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quản lý của Trường [H2.2.2.02]. Hệ thống văn bản quy định rõ chức năng nhiệm vụ, sự phối hợp thực hiện đã giúp cho các đơn vị triển khai các hoạt động thuận lợi, hiệu quả [H1.1.1.01].

Hệ thống văn bản được triển khai kịp thời tới các đơn vị trong Trường và đăng tải trên trang Thông tin điện tử [<http://www.vimaru.edu.vn/>] [H2.2.2.03]. Việc phổ biến công khai, rộng rãi các văn bản này đã giúp cho cán bộ, viên chức và người học tra cứu dễ dàng. Các đơn vị tuân thủ nghiêm túc các văn bản tổ chức, quản lý của Trường. Hệ thống văn bản này thường xuyên được rà soát, bổ sung hàng năm theo Quy trình của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 [H2.2.2.01]. Năm 2005 Trường được Trung tâm Chứng nhận phù hợp QUACERT thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2000. Năm 2012 Trường được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 [H2.2.2.05]. Từ đó đến nay hoạt động quản lý văn bản được thực hiện hiệu quả dưới sự giám sát, đánh giá của Trung tâm QUACERT [H2.2.2.18].

Nhiều năm liền, Trường được các cơ quan quản lý cấp trên đánh giá là đơn vị có hiệu quả cao trong các hoạt động. Năm 2015 được phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang; được phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; Huân chương Hồ Chí Minh và nhiều phần thưởng cao quý khác. Các tổ chức đoàn thể của Trường trong 5 năm qua luôn được đánh giá tốt và được cấp trên khen thưởng: Đảng bộ Trường được Thành ủy Hải Phòng tặng Cờ thi đua do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh nhiệm kỳ 2010-2015, Bằng khen Đảng bộ có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW giai đoạn 2010-2015 cùng nhiều danh hiệu cao quý khác. Công đoàn Trường được đánh giá là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được khen thưởng: năm 2012 được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen, năm 2013 được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen, năm 2014, 2015 được Liên đoàn Lao động thành phố tặng Cờ thi đua xuất sắc, năm 2016 được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ

thi đua xuất sắc. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Trường luôn dẫn đầu trong khối các Trường ĐH, CĐ của Thành phố, được Nhà nước và Đoàn, Hội các cấp khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác: từ năm học 2012 đến 2016 Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen; năm 2013, 2014 được Trung ương Hội sinh viên Việt Nam tặng Bằng khen, năm 2014 được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Nhì [H2.2.2.17].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản quản lý đầy đủ, đồng bộ, công khai, có hiệu quả theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008.

3. Tồn tại

Việc quản lý văn bản điện tử của một số đơn vị chưa hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Ban Thường trực ISO tổ chức tập huấn, hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc quản lý văn bản điện tử.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên thuộc Trường được phân định rõ ràng bằng văn bản, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành Trường.

Để đảm bảo sự phối hợp trong giải quyết công việc, năm 2016 Trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H1.1.1.01]. Nội dung Quy chế nêu rõ nguyên tắc làm việc, phạm vi giải quyết công việc và quan hệ công tác của Ban Giám hiệu và Trưởng các đơn vị thuộc Trường, nhiệm vụ quyền hạn các đơn vị. Các đơn vị hoạt động theo Quy chế làm việc của đơn vị đảm bảo

phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn [H2.2.3.03]. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường được tổ chức và quản lý phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đều có quy chế làm việc, trong đó quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt, chế độ làm việc, phương pháp, mối quan hệ công tác của các đơn vị chức năng [H2.2.2.14÷16].

Ngoài ra, để phân công cụ thể nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Giám hiệu trong từng giai đoạn, Hiệu trưởng ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám hiệu. Theo đó, Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của Trường, phụ trách chung và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Trường. Ngoài ra, Hiệu trưởng còn trực tiếp phụ trách một số đơn vị, quản lý và điều hành một số lĩnh vực công tác. Từng Phó Hiệu trưởng được phân công giúp Hiệu trưởng quản lý và điều hành một số lĩnh vực công tác của Trường, trực tiếp quản lý, chỉ đạo hoạt động của một số đơn vị trong Trường [H2.2.3.06].

Quy định về trách nhiệm của từng giảng viên, nhân viên ở từng vị trí công việc đã được mô tả đầy đủ trong Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 [H2.2.1.05]. Ngoài ra, nhiệm vụ của từng cá nhân được quy định trong hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc của giảng viên, người lao động [H.2.2.3.01]. Riêng đối với đội ngũ giảng viên, Trường đã ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường, trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ, định mức thời gian làm việc và giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên [H2.2.3.07]. Ngoài ra, Trường có Tổ Tuyên truyền và Phổ biến pháp luật thuộc Phòng Tổ chức cán bộ, có nhiệm vụ giúp Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu về những vấn đề pháp lý liên quan đến hoạt động của Trường, đảm bảo cho các hoạt động tuân theo pháp luật và thực hiện nguyên tắc pháp chế; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, viên chức của Trường [H2.2.3.05].

Khi có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức và biến động nhân sự, Trường đã điều chỉnh kịp thời phân công nhiệm vụ cho đơn vị, cá nhân [H2.2.3.03] [H2.2.3.06]. Hàng năm, Trường tổ chức đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức theo chức

năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao nhằm thường xuyên đánh giá năng lực, trình độ, kết quả công tác và phẩm chất đạo đức làm căn cứ bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, hiệu quả, kết quả này được gửi báo cáo Bộ chủ quản [H2.2.3.02] [H2.2.3.04].

2. Điểm mạnh

Việc rà soát, điều chỉnh phân công nhiệm vụ cho các tập thể, cá nhân được thực hiện kịp thời.

3. Tồn tại

Một vài đơn vị chưa khai thác hiệu quả chức năng theo quy định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiến hành rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật

1. Mô tả

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật. Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên Trường đều có quy chế làm việc, trong đó quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh lãnh đạo chủ chốt, chế độ làm việc, phương pháp, mối quan hệ công tác của các đơn vị chức năng [H2.2.4.05÷07], [H2.2.4.15÷16], [H2.2.4.22].

Hàng năm, Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt việc triển khai kế hoạch hoạt động, tổng kết, đánh giá để xây dựng phương hướng, nhiệm vụ của năm tiếp theo phù hợp với tình hình thực tiễn. Qua báo cáo tổng kết hàng năm cho thấy các tổ chức hoạt động hiệu quả, góp phần xây dựng sự đoàn kết trong

hệ thống chính trị của Trường, các cơ quan quản lý cấp trên và Trường đánh giá tốt đồng thời ghi nhận, trao tặng nhiều danh hiệu thi đua, khen thưởng [H2.2.4.09÷10], [H2.2.2.18÷19], [H2.2.2.24÷25], [H2.2.2.17].

Đảng bộ Trường là Đảng bộ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy Hải Phòng [H2.2.4.01]. Đảng bộ hiện có 38 đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở, với 823 đảng viên, trong đó có 146 đảng viên là học viên, sinh viên (tính đến tháng 3/2017). Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo Đảng ủy luôn thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, các vấn đề quan trọng đều được đưa ra bàn bạc trong tập thể Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ [H2.2.4.02÷08]. Ban Chấp hành Đảng bộ Trường là tập thể đoàn kết, luôn duy trì, phát huy trí tuệ, trách nhiệm, tinh thần xây dựng là trung tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Trường [H2.2.4.08÷ 11]. Trong 5 năm, từ 2011-2016, có 76,1% đảng bộ, chi bộ được đánh giá trong sạch vững mạnh và 22,6% đảng bộ, chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có đảng bộ, chi bộ xếp loại yếu kém; 97,4 % đảng viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; kết nạp được 710 quần chúng ưu tú vào Đảng, trong đó có 341 đảng viên là CBVC, nhiều đảng viên được quy hoạch, bổ nhiệm giữ vị trí cán bộ quản lý của các khoa, viện, bộ môn, trung tâm, công ty, phòng, ban [H2.2.4.13]. Đảng bộ Trường được Thành ủy Hải Phòng tặng Cờ thi đua do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh nhiệm kỳ 2010-2015, Bằng khen Đảng bộ có thành tích xuất sắc trong thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW nhiệm kỳ 2010-2015 cùng nhiều danh hiệu cao quý khác [H2.2.2.17].

Công đoàn Trường là công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Hải Phòng [H2.2.4.14]. Hiện nay, Công đoàn Trường có 20 Công đoàn Bộ phận, 31 tổ Công đoàn trực thuộc; tổng số đoàn viên công đoàn là 1.573 người (gồm 1.032 CB, GV, CNV và 541 thuyền viên). Công đoàn Trường hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H2.2.4.15 ÷16]. BCH Công đoàn Trường xây dựng chương trình công tác cho cả nhiệm kỳ, năm học và hàng quý phù hợp với nguyện vọng của đoàn viên và tình hình thực tiễn, góp phần thực hiện nhiệm vụ

chính trị của Trường [H2.2.4.17÷ 19]. Hàng năm, Công đoàn tổ chức đánh giá, xếp loại các danh hiệu thi đua của đoàn viên và các công đoàn đơn vị trong toàn Trường [H2.2.4.20]. Đầu năm học, Công đoàn phối hợp với chuyên môn tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Hội nghị bộ môn mở rộng nhằm phát huy trí tuệ tập thể và tính dân chủ trong việc xây dựng kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ năm học [H1.1.2.05÷06]. Công đoàn đã thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, đồng thời chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân và Ủy ban Kiểm tra công đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định [H5.5.2.01], [H5.5.2.03]. Hàng năm, Công đoàn Trường tổ chức nhiều phong trào thi đua, các hoạt động văn nghệ thể thao trong cán bộ, giảng viên, người lao động [H6.6.2.17]. Công đoàn Trường luôn chủ động đề xuất với lãnh đạo chuyên môn quan tâm đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động, đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết và các ngày kỷ niệm trên cơ sở Quy chế về mối quan hệ và phối hợp công tác giữa Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn Trường [H2.2.4.28]. Trong 5 năm qua, Công đoàn Trường luôn được đánh giá là đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được khen thưởng: năm 2012 được Thủ tướng chính phủ tặng Bằng khen, năm 2013 được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Bằng khen, năm 2014, 2015 được Liên đoàn Lao động thành phố tặng Cờ thi đua xuất sắc, năm 2016 được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc [H2.2.2.17].

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường có 14.119 đoàn viên, trong đó có 13.569 đoàn viên là sinh viên (chiếm tỷ lệ 96.1 %) và 550 đoàn viên là cán bộ, viên chức, giảng viên trẻ (chiếm tỷ lệ 3.9%), sinh hoạt trong 265 chi đoàn. Số tổ chức cơ sở Đoàn trực thuộc Đoàn trường gồm 17 đầu mối, trong đó có 12 Liên chi đoàn các khoa/viện có sinh viên, 02 Đoàn cơ sở và 03 chi đoàn trực thuộc Đoàn trường, 6 Câu lạc bộ trực thuộc. Đoàn TN, Hội SV luôn chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động gắn với chương trình công tác từng năm học từ cấp trên và phù hợp với thực tế phong trào thanh niên, sinh viên của Trường nhằm tăng cường tinh thần xung kích, tình nguyện trong đoàn viên sinh viên Trường [H2.2.2.16]. Công tác tuyên truyền giáo dục được Đoàn TN, Hội SV quan tâm thường xuyên: triển khai chương trình hành động “Học tập và làm theo tư tưởng,

đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, phong trào “Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”, “Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp” được cụ thể hóa, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên sinh viên [H2.2.4.23 ÷ 26]. Nhiều năm liền, Đoàn TN và Hội SV Trường ĐHHHVN luôn dẫn đầu trong khối các Trường ĐH, CĐ của Thành phố, được Nhà nước và Đoàn, Hội các cấp khen thưởng về thành tích xuất sắc trong công tác: từ năm học 2011 đến 2016 Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tặng Bằng khen; năm 201, 2014 được Trung ương Hội sinh viên Việt Nam tặng Bằng khen, năm 2014 được Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Nhì [H2.2.2.17].

Chi hội cựu giáo chức Trường là Chi hội trực thuộc Hội Cựu giáo chức thành phố Hải Phòng. Hiện nay Hội gồm 360 hội viên chia làm 23 tổ. Năm 2014, Hội đã tiến hành Đại hội và bầu Ban Chấp hành Hội gồm 15 Ủy viên. Chi hội Cựu giáo chức Trường chịu sự quản lý Ban Giám hiệu và được sự bảo trợ của Công đoàn Trường. Chi hội hoạt động theo Điều lệ phù hợp với Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các hội viên, tạo điều kiện để các cựu giáo chức tiếp tục giao lưu tình cảm nghề nghiệp, chăm sóc giúp đỡ nhau về tinh thần, vật chất, tương trợ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống [H2.2.4.29]. Hội cựu sinh viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là một tổ chức xã hội, tự nguyện của những sinh viên đã từng học tập tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam nhằm phát huy tinh thần đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ nhau trong công tác và cuộc sống. Các Khoa, Viện trong Trường đã thành lập Hội sinh viên nhằm kết nối các cựu sinh viên trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu, kinh doanh dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực và kết nối doanh nghiệp. Qua chương kết nối doanh nghiệp, Hội đã thực hiện các hoạt động đóng góp ý kiến nhằm cải tiến chương trình đào tạo, tư vấn ngành nghề đào tạo, tiếp nhận sinh viên thực tập, thực tế và hỗ trợ giải quyết việc làm cho sinh viên [H2.2.4.30].

2. Điểm mạnh

Trong 5 năm qua Đảng bộ Trường và các tổ chức đoàn thể trong trường liên tục được cơ quan có thẩm quyền đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Tồn tại

Tổ chức và hoạt động của Hội cựu sinh viên ở một số khoa, viện chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động.

Từ năm học 2016-2017, Trường yêu cầu các Khoa, Viện thực hiện kế hoạch kết nối doanh nghiệp, trong đó chú trọng vai trò hoạt động của Hội cựu sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

1. Mô tả

Hoạt động Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường quan tâm từ năm 2005 ngay sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo có sự chỉ đạo về đổi mới căn bản hoạt động giáo dục trong hệ thống các Trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là một trong 10 trường đại học đầu tiên thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận Trường đạt tiêu chuẩn với 29 tiêu chí đạt chuẩn mức 1 (chiếm 55%), 24 tiêu chí đạt chuẩn mức 2 (chiếm 45%), tỉ lệ biểu quyết 92,86% công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [H2.2.5.05].

Năm 2008, Trường thành lập phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng [H2.2.5.01]. Để nâng cao vai trò của công tác đảm bảo chất lượng, tháng 9/2013 Trường thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng [H2.2.5.02], hiện tại đơn vị có 8 chuyên viên với 1 tiến sĩ, 1 nghiên cứu sinh, 05 thạc sĩ, 01 kỹ sư, trong đó có 01 thạc sĩ được đào tạo chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục do Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục thuộc trường Đại học Quốc gia Hà Nội đào tạo. Hàng năm, Trường cử cán bộ, chuyên viên của Phòng tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, phòng có 01 chuyên viên

đạt chứng chỉ kiểm định viên [H2.2.5.14].

Công tác Đảm bảo chất lượng của Trường thường xuyên được duy trì bằng việc rà soát các hoạt động và thực hiện các báo cáo thực trạng, cải tiến, định kỳ về Bộ GD&ĐT (khi có yêu cầu) [H2.2.5.03÷04]. Đến đầu năm 2017, Trường tiếp tục triển khai công tác hậu KĐCL để cập nhật cơ sở dữ liệu, báo cáo tự đánh giá cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường, chuẩn bị cho hoạt động Đánh giá ngoài [H2.2.5.07÷08].

Bên cạnh việc thực hiện công tác ĐBCL theo tiêu chuẩn chung của Bộ GD&ĐT, Trường đang triển khai công tác KĐCL chương trình theo tiêu chuẩn của hiệp hội các Trường Đại học Đông Nam Á (AUN) cho 04 chuyên ngành: Hàng hải; Máy tàu biển; Kinh tế hàng hải và toàn cầu hóa; Kinh doanh quốc tế và Logistics [H2.2.5.09].

Một hoạt động quan trọng trong việc thực hiện công tác Đảm bảo chất lượng bên trong là việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan tới hoạt động đào tạo của Trường như: phiếu lấy ý kiến từ phía sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giảng viên [H2.2.5.10÷12]. Đây là một trong những công thông tin giúp cho Trường có cơ sở để điều chỉnh hoạt động giảng dạy và huấn luyện một cách hiệu quả, chất lượng.

Ngoài ra đơn vị còn phụ trách Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam cũng là một trong những trường đầu tiên áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 vào công tác quản lý các hoạt động đào tạo và huấn luyện. Đến năm 2012, Trường tiếp tục nâng cấp phiên bản ISO 9001:2008 và đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trao chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào ngày 20/11/2012 cho lĩnh vực “*Đào tạo Đại học, Sau đại học và Huấn luyện Hàng hải*” [H2.2.5.13]. Việc áp dụng các quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã giúp cho Trường xây dựng một hệ thống các quy trình, các văn bản, biểu mẫu theo quy chuẩn như: việc quy định trách nhiệm, quyền hạn tại các vị trí công việc, các bước thực hiện các công việc chuyên môn, các biểu mẫu đính kèm [H2.2.2.06]. Hàng năm, Trường tiến hành hoạt động đánh giá nội bộ cho hệ thống để tìm ra những điểm không phù hợp, từ đó

có hướng khắc phục và hiệu chỉnh cho hệ thống [H2.2.6.02].

2. Điểm mạnh

Việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đã giúp cho công tác đảm bảo chất lượng luôn được kiểm soát, đo lường, đánh giá một cách thường xuyên và hiệu quả.

3. Tồn tại

Cán bộ kiêm nhiệm về ĐBCL tại cấp Khoa/ Viện/ Trung tâm còn thiếu nghiệp vụ.

Công tác lấy ý kiến thăm dò đối tượng là cựu sinh viên và nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường sẽ thường xuyên tổ chức mở lớp hoặc cử cán bộ kiêm nhiệm cấp Khoa/ Viện/ Trung tâm về hoạt động ĐBCL tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn.

Từ năm học 2017-2018, lập kế hoạch tổ chức cụ thể việc lấy ý kiến thăm dò từ phía cựu sinh viên cho các ngành nghề.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Trường

1. Mô tả

Ngày 22/8/2013 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 1317/TTg-KGVX bổ sung Trường Đại học Hàng hải Việt Nam vào danh sách các trường xây dựng thành trường trọng điểm Quốc gia [H1.1.1.04]. Trên cơ sở gắn kết mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Trường với quá trình phát triển ngành hàng hải phục vụ Chiến lược kinh tế biển của cả nước và thành phố, Trường đã xây

dựng Chiến lược phát triển “Xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thành Trường đại học trọng điểm quốc gia nhằm đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế biển, góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ-TU ngày 09/2/2007 Hội nghị Trung ương 4 khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, Nghị quyết số 29- TQ/TW ngày 09/2/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”[H1.1.1.06]. Chiến lược đã được Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2014 [H1.1.1.06].

Chiến lược này phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường. Trường đã xác định mục tiêu, giải pháp, kế hoạch dài hạn “Xây dựng và phát triển Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đến năm 2023, định hướng đến năm 2030 trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ đạt trình độ khu vực và thế giới”; trong đó nêu rõ định hướng, mục tiêu quy hoạch phát triển của từng lĩnh vực như: đội ngũ cán bộ, giảng viên, công tác đào tạo, khoa học công nghệ, cơ cấu tổ chức, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng, cơ sở vật chất, thiết bị, tài chính [H1.1.1.06]. Trường đã xây dựng định hướng phát triển trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2010-2020, Nghị quyết xây dựng nguồn nhân lực trường Đại học Hàng hải giai đoạn 2011- 2015 và tầm nhìn đến 2020, định hướng công tác NCKH - CGCN giai đoạn 2005-2010 [H1.1.1.01], [H2.2.6.07], [H7.7.1.01]. Trường đã thành lập Hội đồng Trường với nhiệm vụ quyết nghị chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển tổng thể Trường Đại học Hàng hải Việt Nam [H2.2.1.01].

Các kế hoạch trung hạn (2 năm, 5 năm) của Trường được xây dựng trên cơ sở các kế hoạch của từng lĩnh vực do các đơn vị chức năng đề xuất hướng tới mục tiêu chung “đổi mới căn bản, toàn diện; khẳng định thương hiệu, nâng cao vị thế; tạo nền tảng xây dựng trường đại học trọng điểm quốc gia- điểm đến tin cậy của người học” [H2.2.4.09].

Trên cơ sở kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn, Trường đã xây dựng các kế hoạch ngắn hạn (năm học, quý, tháng) phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Trường [H2.2.4.10÷11], [H2.2.4.18-19], [H2.2.4.25÷26].

Hàng năm, trên cơ sở mục tiêu chất lượng của Trường, các đơn vị trong Trường xây dựng mục tiêu chất lượng làm tiêu chí phân đầu [H1.1.1.11]. Để giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch trung hạn và từng năm học, Trường tổ chức đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 và Hội nghị tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện, rút ra bài học kinh nghiệm và lập kế hoạch công tác cho những năm tiếp theo [H2.2.6.02].

Kế hoạch ngắn hạn được giám sát thông qua các cuộc họp giao ban hàng quý, hàng tháng, qua đó đánh giá, kiểm điểm trách nhiệm thực hiện của các đơn vị. Những đơn vị hoàn thành kế hoạch được biểu dương, đồng thời phê bình, nhắc nhở đối với các đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành nhiệm vụ [H2.2.5.15]. Các khối nội chính, đào tạo, khoa học công nghệ, quản lý sinh viên thường xuyên giao ban để đánh giá các công việc trong khối. Các cuộc họp giao ban đều có thông báo kết luận gửi tới các thành viên trong khối để triển khai công tác [H2.2.5.15]. Trường đã triển khai các biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch như thành lập các đoàn thanh tra đi kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập; kiểm tra việc thực hành thí nghiệm; kiểm tra việc rèn luyện của sinh viên... Sau mỗi đợt kiểm tra đều có đánh giá những mặt tích cực và những hạn chế cần khắc phục [H2.2.2.12]. Hàng tuần, Ban Giám hiệu Trường họp giao ban vào sáng thứ Hai để đánh giá các công việc đã và đang triển khai, phân công các nhiệm vụ mới cần thực hiện. Trường luôn coi việc hoàn thành kế hoạch đề ra là tiêu chí quan trọng để bình xét thi đua của tập thể và đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm [H5.5.2.05].

Nội dung chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn được xây dựng bám sát các chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với quy định của Tổ chức Hàng hải Quốc tế - IMO và mục tiêu, định hướng phát triển của Trường, vì vậy sau khi rà soát, đánh giá không cần điều chỉnh nhiều. CBVC và người học đồng tình và nghiêm túc thực hiện các kế hoạch được phê duyệt.

2. Điểm mạnh

Chiến lược thực hiện “*Đề án xây dựng trường ĐH Hàng hải Việt Nam trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia*” được Bộ GTVT phê duyệt và được Ban

Cán sự Đảng Bộ GTVT ban hành nghị quyết chuyên đề để triển khai thực hiện.

3. Tồn tại

Một số hạng mục thực hiện Đề án xây dựng trường ĐHHHVN trở thành trường trọng điểm quốc gia triển khai còn chậm so với kế hoạch.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường rà soát tiến độ thực hiện các hạng mục của Đề án và đưa ra các giải pháp, điều chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Trường.

1. Mô tả

Trường chịu sự quản lý trực tiếp của cơ quan chủ quản là Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan quản lý khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ,...). Trường đã thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý. Các báo cáo của Trường nội dung phản ánh trung thực việc thực hiện quy định của Nhà nước, của Bộ chủ quản và các cơ quan quản lý khác về các hoạt động thực tế của Trường, đã được thể hiện trong các báo cáo của Trường qua các năm từ 2012-2017 [H2.2.7.01].

Các báo cáo định kỳ đã tập trung đánh giá tình hình thực hiện công tác trong kỳ báo cáo và kế hoạch triển khai công tác về các lĩnh vực công tác của Trường như: Tổ chức cán bộ, Đào tạo, Khoa học - Công nghệ; Công tác sinh viên; Tài chính, Đảm bảo chất lượng, Y tế, Tổ chức đoàn thể...Hàng năm hoàn thành tốt các báo cáo về: đánh giá, phân loại công chức, viên chức, chức danh lãnh đạo, quản lý; công tác tuyển sinh hàng năm; tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ; Hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết quả thực hiện công tác sinh viên nội trú, ngoại trú; tổng kết công tác xây dựng Đảng, Chương

trình công tác năm. Hàng quý hoàn thành tốt các báo cáo về: công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Hàng tháng hoàn thành tốt các báo cáo về: Hoạt động y tế cơ sở [H2.2.7.02].

Ngoài ra, các báo cáo đột xuất cũng được nghiêm túc triển khai, thực hiện đúng tiến độ, thực hiện trong quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị. Nội dung các công tác đã được thực hiện và kết quả hoàn thành: Báo cáo Về tổ chức trực và báo cáo tình hình trong dịp nghỉ 30/4 và 01/5/2017; Báo cáo kết quả thực hiện ngày Môi trường thế giới, tuần lễ biển và hải đảo Việt Nam năm 2016; Báo cáo về tổ chức trực và báo cáo tình hình trong dịp nghỉ lễ Quốc khánh [H2.2.7.03]. Phòng Hành chính-Tổng hợp là đơn vị đầu mối theo dõi, đôn đốc các đơn vị hoàn thành và gửi các báo cáo đúng tiến độ.

Từ năm 2012 đến nay, trong vòng 5 năm cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý không có văn bản nhắc nhở Trường về việc vi phạm chế độ báo cáo.

Các báo cáo mà Trường thực hiện gửi lên cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý đều được lưu trữ đầy đủ theo quy định. Năm 2015 Trường đã ban hành Quy chế văn thư, lưu trữ, trong đó hệ thống văn bản lưu trữ được sắp xếp khoa học, dễ tìm, dễ thấy, dễ lấy. Năm 2016 ban hành Quy định sử dụng Văn bản điện tử và chữ ký số [H2.2.2.02]. Phòng Hành chính-Tổng hợp là đơn vị được giao nhiệm vụ phụ trách công tác văn thư, lưu trữ của Trường. Công tác lưu trữ thực hiện khoa học theo quy định. 02 nhân viên phụ trách công tác văn thư, lưu trữ đã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H2.2.7.04] và có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để hoàn thành tốt nhiệm vụ; có tủ lưu trữ, có các biện pháp an toàn và an ninh cho công tác lưu trữ. Trường đã sử dụng phần mềm “Chương trình quản lý văn phòng” trong công tác quản lý văn bản [H2.2.2.03]. Định kỳ 2 năm một lần Chi Cục Văn thư lưu trữ thành phố Hải Phòng tiến hành công tác kiểm văn Văn thư, lưu trữ, và Trường luôn đảm bảo công tác văn thư, lưu trữ tốt, không năm nào bị nhắc nhở [H2.2.7.05].

2. Điểm mạnh

Đã áp dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ văn bản, sử dụng phần mềm “*Chương trình quản lý văn phòng*” thuận tiện cho việc quản lý, tra cứu, tìm kiếm văn bản.

3. Tồn tại

Chưa bố trí phòng lưu trữ riêng biệt.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Trường thực hiện bố trí Phòng lưu trữ riêng biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 2:

Trường đã thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và vận hành cơ cấu tổ chức hợp lý theo quy định của Bộ GTVT, Bộ GD&ĐT và Điều lệ trường đại học. Việc xây dựng và ban hành hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý các hoạt động của Trường được tiến hành kịp thời, hiệu quả, đồng bộ, đã công khai phổ biến trong toàn Trường bằng nhiều hình thức khác nhau. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của tập thể lãnh đạo và các đơn vị, cá nhân CBVC trong toàn Trường được phân định rõ ràng bằng văn bản tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, điều hành Trường. Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể của Trường trong 5 năm qua đã hoạt động có hiệu quả, phát huy tác dụng tốt, góp phần duy trì sự ổn định trong Trường. Trong thời gian tới, Trường sẽ quan tâm hơn tới việc chỉ đạo và định kỳ đánh giá việc thực hiện kế hoạch phát triển, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể CBVC nhằm thường xuyên cập nhật các chiến lược phát triển của Nhà nước, Thành phố và các Bộ ngành liên quan để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, chiến lược dài hạn của Trường; định hướng kịp thời nhận thức của CBGV đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn được Đảng và Nhà nước giao.

Tiêu chuẩn 3. Chương trình đào tạo

Mở đầu

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam luôn xác định Chương trình đào tạo là một trong những yếu tố quan trọng quyết định chất lượng đào tạo. Vì vậy, khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh, cập nhật và đổi mới chương trình đào tạo, Trường luôn tuân theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, huy động lực lượng các nhà khoa học, cán bộ quản lý và các giảng viên có kinh nghiệm. Ngoài ra, còn có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước, khu vực Châu Á và thế giới; có sự tham gia và lấy ý kiến từ đại diện các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, người sử dụng lao động, sinh viên tốt nghiệp đã đi làm.

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành đào tạo. Chương trình đào tạo có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể rõ ràng, có cấu trúc và tỷ lệ giữa các khối kiến thức hợp lý, đảm bảo tốt tính liên thông giữa các chương trình.

Với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, cũng như các yêu cầu hội nhập của khu vực và quốc tế về chất lượng nguồn nhân lực, trong những năm vừa qua, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã bám sát các quy định của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế thường xuyên đổi mới, cập nhật các chương trình đào tạo. Trường đã chuyển đổi hoàn toàn các chương trình đào tạo chính quy từ phương thức đào tạo theo niên chế sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Bên cạnh đào tạo bậc đại học, Trường còn đào tạo các bậc sau đại học. Các chương trình đào tạo này cũng được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thường xuyên được sửa đổi, cập nhật bổ sung để đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn.

Lĩnh vực đào tạo các khóa ngắn hạn để cấp các chứng chỉ chuyên môn cho ngành đi biển cũng là một thế mạnh của Trường. Các chương trình luôn bám sát các yêu cầu mới nhất về khả năng chuyên môn của Tổ chức hàng hải quốc tế IMO và các tổ chức quốc tế khác.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Trường có đầy đủ chương trình đào tạo của tất cả các chuyên ngành đào tạo. Các chương trình đào tạo của Trường được mở và xây dựng tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Luật giáo dục đại học về đào tạo đại học và đào tạo sau đại học [H3.3.1.01÷12].

Hiện nay, Trường có 41 chương trình đào tạo đại học chính quy (trong đó: có 35 chương trình đại học chính quy, 04 chương trình chất lượng cao, 02 chương trình tiên tiến), 02 chương trình giảng dạy và học tập bằng tiếng Anh, 08 chương trình đại học văn bằng hai và các chương trình đào tạo đại học hệ liên thông và hệ vừa làm vừa học tương ứng. Trường đào tạo sau đại học bậc thạc sĩ với 11 chuyên ngành và tiến sĩ cho 8 chuyên ngành [H3.3.1.14].

Bên cạnh hệ thống đào tạo đại học và sau đại học, Trường còn đào tạo các khóa huấn luyện nghiệp vụ hàng hải. Các khóa huấn luyện này tuân thủ các chương trình mẫu về huấn luyện khả năng chuyên môn của Tổ chức hàng hải quốc tế IMO và các tổ chức quốc tế khác [H3.3.1.13].

Trường đã xây dựng các hướng dẫn cụ thể cho các Khoa, Viện khi xây dựng mới, chỉnh sửa bổ sung chương trình đào tạo nhằm tuân thủ đúng theo các quy định của Luật Giáo dục và Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ [H3.3.1.15÷17].

Các chương trình đào tạo mở mới trong những năm gần đây như Luật Hàng hải, Tự động thủy khí (nay đổi thành Máy và tự động công nghiệp), Quản trị tài chính ngân hàng đều được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo tương đương của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới về

thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức, các học phần, nội dung học phần cũng như cách bố trí học phần, kiến thức, kỹ năng cần đạt được [H3.3.1.19].

Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên có kinh nghiệm, cán bộ quản lý trong và ngoài trường từ việc xây dựng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo, đến nội dung cụ thể của từng học phần trong chương trình đào tạo [H3.3.1.18], [H3.3.1.21-22].

Chương trình đào tạo được xây dựng mới đặc biệt là sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT thì đều có sự tham gia, lấy ý kiến khảo sát đầy đủ của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, người sử dụng lao động, cán bộ có chuyên môn cao trong các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất và người đã tốt nghiệp [H3.3.1.08], [H3.3.1.24].

Hiện nay, Trường có mô hình đào tạo hệ 4 năm đối với các chương trình đào tạo đại học chính quy; 2 năm đối với các chương trình liên thông cao đẳng - đại học và 3 năm đối với các chương trình liên thông từ trung cấp lên đại học. Khối lượng kiến thức các chương trình đào tạo đại học khoảng 130 tín chỉ; $60 \div 75$ tín chỉ đối với hệ liên thông [H3.3.1.14]. Các học phần được bố trí theo trình tự kiến thức nhất định. So với các mô hình đào tạo của các trường đại học trong cả nước và nước ngoài đào tạo các ngành nghề tương đương thì không có sự khác biệt gì lớn [H3.3.1.19]. Đối với các chương trình huấn luyện hàng hải, để chứng chỉ có thể sử dụng trên thị trường lao động quốc tế, các chương trình đào tạo, huấn luyện đều phải xây dựng trên các Model Course của Tổ chức hàng hải quốc tế IMO [H3.3.1.13].

Để xây dựng các chương trình đào tạo, Trường đã thành lập ban chỉ đạo, tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, tổ chức các hội nghị, hội thảo để lấy ý kiến đóng góp của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên và cán bộ quản lý để thống nhất khung chương trình đào tạo và các khối kiến thức chung. Căn cứ vào đó để hướng dẫn các đơn vị xây dựng chương trình đào tạo mang tính thống nhất trong toàn trường. Trên cơ sở đó, các đơn vị tổ chức xây dựng các chương trình đào tạo. Sau khi được thẩm định đạt yêu cầu, Hiệu trưởng sẽ ký quyết định ban hành [H3.3.1.21÷26].

2. Điểm mạnh

Trường đã triển khai thành công đào tạo chương trình tiên tiến và chất lượng cao nhằm đa dạng hóa loại hình đào tạo cũng như nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

Các chương trình đào tạo huấn luyện khả năng chuyên môn hàng hải đáp ứng được các yêu cầu quốc tế về chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại

Đối với những chương trình đào tạo được xây dựng trước năm 2015 thì việc lấy ý kiến của các cá nhân thuộc đơn vị ngoài, các doanh nghiệp, cựu sinh viên đã tốt nghiệp còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ doanh nghiệp, các cựu sinh viên và sinh viên năm cuối để xem xét, đánh giá, điều chỉnh các chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn cho sinh viên khóa mới.

Từ năm 2018, Trường sẽ tiến hành định kỳ kiểm định các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Tất cả các chương trình đào tạo của trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng, cụ thể bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Đối với từng học phần cũng đều có mục tiêu cụ thể cho từng học phần. Các chương trình đào tạo đều được xây dựng theo quy định thống nhất về nội dung, cấu trúc hợp lý trong toàn trường và phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.3.1.14], [H3.3.1.01÷12].

Các chương trình đào tạo được thiết kế một cách có hệ thống, các cấp độ đào tạo khác nhau đều có các chương trình đào tạo riêng, có phân biệt về trình độ ở mỗi cấp. Các chương trình đào tạo đều được xây dựng theo các khối kiến thức nhất định: khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở nhóm ngành, cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành [H3.3.1.14].

Các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 gồm 45 tín chỉ, trong đó 06 tín chỉ khối kiến thức chung (Triết học và Anh văn), 30 tín chỉ khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, 09 tín chỉ luận văn tốt nghiệp [H3.3.1.14], [H3.3.2.01].

Các chương trình đào tạo đại học đều được xây dựng, ban hành và công bố chuẩn đầu ra về các kiến thức, kỹ năng cần đạt được. Việc kiên định thực hiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học ở trình độ đại học chính quy theo chuẩn quốc tế và các chuẩn về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp là một đảm bảo đối với người sử dụng lao động về năng lực của người học sau khi tốt nghiệp tại trường [H3.3.2.02÷03].

Trường tiến hành khảo sát các bên liên quan mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng của các chương trình đào tạo cũng như việc đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của người sử dụng lao động để có điều chỉnh trong quá trình xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo [H3.3.1.18].

Trong chương trình đào tạo, các học phần được bố trí hợp lý, đảm bảo trình tự tiếp thu về kiến thức, kỹ năng. Nội dung các học phần hướng tới cung cấp kiến thức, đào tạo kỹ năng cho người học theo các mục tiêu đã đề ra. Sinh viên sau khi hoàn thành khóa học không những được trang bị những kiến thức, kỹ năng phù hợp với nhiều vị trí công tác tại các ngành nghề khác nhau mà còn có khả năng tự cập nhật kiến thức để có thể đáp ứng được nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các chương trình đào tạo chính quy đều được thiết kế có phần tự chọn cho phép người học có thể tùy chọn những kiến thức liên quan đến định hướng chuyên môn sau này. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế khi phần kiến thức tự chọn của các chương trình đào tạo chính quy chưa được bố trí mang tính

định hướng rõ ràng cho sinh viên theo hướng chuyên sâu từng lĩnh vực của chuyên ngành đào tạo [H3.3.1.14], [H3.3.2.02÷03].

2. Điểm mạnh

Chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ của các chương trình đào tạo đại học chính quy theo chuẩn quốc tế do đó có thể đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

3. Tồn tại

Một số chương trình đào tạo có chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng chưa rõ ràng, cụ thể.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, Trường triển khai đối với tất cả các chương trình đào tạo đại học việc xây dựng chuẩn đầu ra và thiết kế, phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO để xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo có mục tiêu về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cụ thể, rõ ràng hơn, cũng như nội dung chương trình bám sát với thực tế hơn nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực có thể đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường lao động.

Từ năm 2018, Trường tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện các chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra đối với tất cả các chuyên ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.3. Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, tất cả các chương trình đào tạo của Trường đã thiết kế tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cấu trúc và nội dung chương trình, chuẩn đầu ra được thể hiện đầy đủ theo Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo

trình độ đại học, trình độ cao đẳng; các chương trình đào tạo mới được xây dựng, thiết kế tuân thủ theo đúng theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT. Đối với trình độ đào tạo đại học, Trường hiện đang có 02 mô hình đào tạo: đào tạo theo niên chế tuân thủ Quy chế 36; đào tạo theo học chế tín chỉ tuân thủ theo các quy định trong Quy chế 43 của Bộ Giáo dục & Đào tạo và các văn bản liên quan khác. Căn cứ các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường cũng đã ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, quy chế đào tạo đại học hình thức vừa làm vừa học, quy định về đào tạo đại học chất lượng cao cụ thể đối với Trường [H3.3.1.01÷12], [H3.3.3.01÷06], [H3.3.3.09÷12].

Trong quá trình chuyển đổi từ đào tạo niên chế sang đào tạo tín chỉ, Trường đã có nhiều điều chỉnh về khối lượng kiến thức, thời lượng chương trình nhằm giảm tải cho sinh viên, giảm kiến thức hàn lâm hướng tới các kiến thức cốt lõi và đào tạo các kỹ năng phục vụ nghề nghiệp cho sinh viên [H3.3.1.14].

Chương trình tiên tiến là dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo chuẩn quốc tế tại các trường Đại học có uy tín ở Việt Nam. Trường được Bộ phê duyệt và đã liên kết với đối tác là Học viện Hàng hải California, Hoa Kỳ để mở 2 chuyên ngành đào tạo. Các chương trình đào tạo này được xây dựng từ chương trình chuẩn quốc tế của trường đối tác [H3.3.3.05-06]. Chương trình chất lượng cao được xây dựng phát triển từ chương trình đại học cùng chuyên ngành, có tham khảo các chương trình tiên tiến trong và ngoài nước với yêu cầu về trình độ cao hơn và nội dung rộng hơn, sâu hơn theo hướng nâng cao, đề cao tư duy sáng tạo, khả năng tự học; tăng cường kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cần thiết. Các chương trình này cũng được xây dựng, thiết kế theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo [H3.3.1.12], H3.3.3.04].

Chương trình giáo dục thường xuyên (Vừa làm vừa học) trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình hệ chính quy. Nội dung chương trình hệ Vừa làm vừa học bảo đảm các yêu cầu về nội dung của chương trình hệ chính quy cùng trình độ đào tạo. Thời gian đào tạo hệ Vừa làm vừa học kéo dài hơn

chương trình chính quy 01 học kỳ nhằm đảm bảo về chất lượng đào tạo [H3.3.3.03-10].

Trường quản lý các hoạt động đào tạo bằng các quy trình theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Đây là một biện pháp quan trọng duy trì việc đảm bảo chất lượng các chương trình đào tạo của Trường. Các quy trình này không chỉ áp dụng riêng đối với các chương trình đào tạo, các học phần hệ chính quy mà còn áp dụng cả với các học phần, chương trình thuộc hệ đào tạo Vừa làm vừa học [H3.3.3.08].

Các chương trình đào tạo chính quy và Vừa làm vừa học đều được áp dụng chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, không áp dụng chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế đối với hệ Vừa làm vừa học khiến cho chất lượng đầu ra của hệ đào tạo này thấp hơn so với hệ chính quy [H3.3.2.01].

Bên cạnh chương trình đào tạo thì chất lượng đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất tốt của Trường cũng là yếu tố quyết định rất lớn đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Trường luôn chú trọng về công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên: Hàng năm Trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên. Trường đã ban hành Quy định về đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ, Quy chế đào tạo giảng viên, Quy định trình độ tiếng Anh cho đội ngũ giảng viên trẻ nhằm mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, thông thạo ngoại ngữ, Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường ĐH Hàng hải VN giai đoạn 2015-2025 [H5.5.1.05], [H5.5.1.06], [H5.5.6.03]. Thư viện được đầu tư nhiều đầu sách mới, có thư viện điện tử với nhiều đầu sách và giáo trình điện tử. Trang bị nhiều phòng thực hành thí nghiệm hiện đại. Trong những năm gần đây, Trường đã xây dựng thêm nhiều giảng đường, tiến hành trang bị nhiều thiết bị âm thanh, máy chiếu, tivi, điều hòa ... ở các phòng học [H9.9.2.02].

2. Điểm mạnh

Các chương trình đào tạo hệ chính quy và Vừa làm vừa học được thiết kế chung, có sự thống nhất về nội dung đào tạo, đảm bảo tính khoa học và thống nhất trong hệ thống giáo dục chung của cả nước.

3. Tồn tại

Chuẩn đầu ra cho hệ đào tạo Vừa làm vừa học chưa cụ thể, chưa áp dụng chuẩn đầu ra về tin học, ngoại ngữ cho hệ Vừa làm vừa học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 rà soát lại chuẩn đầu ra đối với hệ Vừa làm vừa học, nghiên cứu áp dụng chuẩn đầu ra về tin học, ngoại ngữ đối với hệ đào tạo Vừa làm vừa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4. Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Năm 2013, Trường đã tiến hành xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung, thẩm định và ban hành lại toàn bộ các chương trình đào tạo áp dụng từ khóa 54. Từ tháng 10/2016 đến nay, Trường đang tiến hành xây dựng lại chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo cho tất cả các chương trình đào tạo dự kiến áp dụng từ khóa 58 nhằm bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo được tốt và phù hợp hơn. Trường đã thành lập ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, ban hành hướng dẫn, thành lập lớp và mời chuyên gia bồi dưỡng nghiệp vụ, hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo tiếp cận CDIO [H3.3.1.15÷26].

Các chương trình đào tạo cũng thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, cập nhật qua kết luận tại các hội nghị chuyên môn tổ chức hàng quý, hàng năm; qua các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành liên quan. Các sửa đổi, bổ sung về chương trình đào tạo được công bố rộng rãi tới các cán bộ, giảng viên và sinh viên trên Trang thông tin điện tử cũng như theo hệ thống văn bản của Trường [H3.3.1.14], [H3.3.4.01÷10].

Hàng năm, Trường tổ chức Hội nghị Bộ môn mở rộng (với thành phần là các Cán bộ quản lý; Trưởng phó các đơn vị, các bộ môn và các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sỹ trong toàn Trường), các buổi giao ban đào tạo để xem xét, đánh giá hoạt động đào tạo trong đó có các chương trình đào tạo, từ đó đề xuất bổ sung, điều chỉnh đối với các chương trình đào tạo, các học phần của từng chương trình [H3.3.4.11]; [H3.3.4.12].

Trường còn tổ chức các hội nghị chuyên đề về đổi mới chương trình đào tạo. Năm học 2014-2015, Trường thực hiện kế hoạch công tác rà soát, cập nhật đề cương, bài giảng chi tiết đối với tất cả các học phần [H3.3.4.01÷06]. Tổ chức hội thảo về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá học tập [H3.3.4.07-08].

Từ năm học 2015-2016, Trường đã thường xuyên tổ chức chương trình Kết nối doanh nghiệp - Nhà quản lý - Đơn vị đào tạo để lấy ý kiến phản hồi, góp ý về chương trình đào tạo từ các cá nhân và tập thể, những nhà tuyển dụng - sử dụng lao động, những cựu sinh viên của trường để bổ sung, điều chỉnh nội dung học phần, chương trình đào tạo [H3.3.4.13].

Những năm gần đây, Trường đẩy mạnh công tác đổi mới các chương trình đào tạo theo hướng đào tạo gắn liền với thực tiễn. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các cựu sinh viên chưa được chặt chẽ nên phản hồi từ các đơn vị và cá nhân đối với chương trình đào tạo không nhiều [H3.3.01.18-22].

Do đó năm học 2016-2017, Trường đang tiến hành bổ sung, điều chỉnh toàn bộ chương trình đào tạo theo CDIO trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong nước [H3.3.1.19], các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp (cựu sinh viên), các tổ chức giáo dục, các tổ chức và các bên liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước [H3.3.1.18-22].

Khi có yêu cầu về thay đổi nội dung chương trình của các cơ quan quản lý, Trường nhanh chóng yêu cầu các đơn vị có liên quan điều chỉnh, bổ sung và đưa vào giảng dạy. Ví dụ như giảng dạy pháp luật đại cương và phòng chống tham

những, giảng dạy về kỹ năng mềm, các điều chỉnh về quy chế đào tạo ... [H3.3.1.14].

Đối với các chương trình huấn luyện nghiệp vụ hàng hải, mỗi khi các yêu cầu quốc tế thay đổi, Trường đều nhanh chóng nắm bắt các yêu cầu đó và tiến hành bổ sung, chỉnh sửa kịp thời. Đặc biệt, đợt sửa đổi lớn nhất của Công ước STCW78/95 năm 2010, đã được Trường điều chỉnh vào trong các chương trình đào tạo và được Bộ Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt [H3.3.1.13-14].

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo được cập nhật thường xuyên, liên tục, hiện Trường đang rà soát, điều chỉnh, sửa đổi, xây dựng chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, có sự tham gia rộng rãi của các bên liên quan, chú trọng rèn luyện kỹ năng cho sinh viên.

3. Tồn tại

Phản hồi từ các đơn vị và cá nhân bên ngoài trường đối với chương trình đào tạo không nhiều làm hạn chế hiệu quả của công tác chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường tiếp tục cử giảng viên tham gia thực tế tại các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất; thực hiện chương trình kết nối doanh nghiệp, kết nối với cựu sinh viên để lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo.

Tiếp tục liên kết, hợp tác sâu rộng hơn với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới qua đó thực hiện việc trao đổi sinh viên, giảng viên, tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến của các trường đó.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.5. Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Để đảm bảo tính liên thông dọc, liên thông ngang giữa các chương trình đào tạo, Trường đã xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo các yêu cầu sau [H3.3.1.10-14]:

- Chương trình đào tạo của Trường được xây dựng theo đúng quy định, theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thống nhất kiến thức giáo dục đại cương của các khối ngành lớn trong trường.
- Thống nhất các khối kiến thức cơ sở nhóm ngành.
- Thống nhất một phần kiến thức cơ sở ngành.
- Xây dựng các chương trình đào tạo liên thông có sự tham khảo, kế thừa từ chương trình đào tạo của nhiều trường cao đẳng, trung cấp và đảm bảo trình độ đầu ra tương đương với chương trình đào tạo đại học.

Các chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế nên có thể bảo lưu một phần kiến thức, kỹ năng đã học ở các trường, học viện khác khi sinh viên chuyển đến Trường hoặc tham gia các bậc học nâng cao tại Trường [H3.3.1.14-19].

Các chương trình đào tạo đại học văn bằng hai, đối với học viên có văn bằng thứ nhất gần với ngành học đăng ký của văn bằng hai thì học 2 năm, các học viên khác phải học thêm một học kỳ bổ sung kiến thức [H3.3.5.01-02].

Điều kiện để sinh viên được học cùng lúc hai chương trình được tuân thủ đúng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.3.1.10].

Những việc làm này đảm bảo tính liên thông dọc và ngang giữa các trình độ và ngành nghề đào tạo mang đến cho người học cơ hội thuận lợi khi học tập cùng lúc 2 chương trình, học văn bằng 2 hoặc khi muốn nâng cao trình độ.

Tuy nhiên, Trường đã chưa thực hiện được việc ký kết các biên bản, thỏa thuận công nhận chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp để tạo thuận lợi hơn cho việc xét tuyển, chuyển đổi sinh viên vào học liên thông tại Trường.

2. Điểm mạnh

Chương trình đào tạo có tính liên thông dọc và ngang, phù hợp giữa các trình độ và ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho người học rút ngắn thời gian đào tạo tại Trường.

Trường đã thực hiện thành công nhiều khóa đào tạo liên thông lên đại học, đào tạo văn bằng hai và đào tạo cùng lúc hai chương trình tạo điều kiện cho người học có cơ hội nâng cao trình độ, bổ sung thêm kiến thức.

3. Tồn tại

Trường chưa ký kết các biên bản, thỏa thuận với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp về đào tạo liên thông.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017 - 2018, Trường sẽ làm việc với các trường cao đẳng, trung cấp ở Hải Phòng để xúc tiến việc ký kết các văn bản về đào tạo liên thông từ cao đẳng, trung cấp lên đại học. Trong các năm học tiếp theo, Trường sẽ tiến hành với các trường ở Thái Bình, Nam Định, Hải Dương, Quảng Ninh ...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.6. Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Hàng năm, Trường thực hiện xem xét, đánh giá các chương trình đào tạo hiện hành thông qua: hội nghị Bộ môn mở rộng; giao ban đào tạo. Các ý kiến tại hội nghị là tiền đề để tiến hành các hoạt động đánh giá, cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo trong năm học. Năm 2013, Trường đã tổ chức xây dựng, chỉnh sửa và đánh giá thẩm định lại các chương trình đào tạo, áp dụng từ khóa 54. Năm 2017, Trường đang tiến hành xây dựng, chỉnh sửa và sẽ tiến hành đánh giá, thẩm định vào tháng 8/2017 [H3.3.1.14-21].

Bên cạnh đó, việc đánh giá còn được thực hiện qua các góp ý trực tiếp từ các đơn vị gửi tới Trường thông qua việc thường xuyên tổ chức chương trình Kết nối doanh nghiệp - Nhà quản lý - Đơn vị đào tạo để xin ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo từ các cá nhân và tập thể, những nhà tuyển dụng lao động, những cựu sinh viên của trường [H3.3.4.01; H3.3.4.02; H3.3.4.13].

Căn cứ theo các ý kiến đánh giá, Trường tiến hành chỉnh sửa, cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo. Đối với những chỉnh sửa lớn, sau khi chỉnh sửa, cải tiến, các chương trình đào tạo của Trường trước khi ban hành đều qua 02 bước thẩm định: thẩm định tại cấp cơ sở và thẩm định tại cấp trường. Các bước nghiệm thu này đều có biên bản nghiệm thu và việc hoàn thiện theo ý kiến của hội đồng đánh giá sẽ được thực hiện tại các đơn vị được giao biên soạn [H3.3.1.14-20-21], [H3.3.6.08].

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá, kết quả lấy ý kiến của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và nhu cầu xã hội, Trường đã có các biện pháp cụ thể để cải tiến chất lượng như: tăng về chuẩn ngoại ngữ theo lộ trình từ khóa 50 đến khóa 53, thêm chuẩn tin học từ khóa 54, thêm học phần tự chọn trong chương trình đào tạo từ khóa 54, bổ sung học phần Kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo ... [H3.3.6.02÷07].

Các chương trình đào tạo sau đại học định kỳ được hiệu chỉnh bởi các đơn vị chuyên môn phù hợp với Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khi có các yêu cầu mới hoặc có các đánh giá yêu cầu chỉnh sửa nội dung chương trình,

Trường đều thực hiện việc chỉnh sửa các chương trình đào tạo. Trường đã thực hiện hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo qui định tại Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.3.4.14]. Hiện nay, Trường đang tiến hành rà soát, chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ [H3.3.4.10].

Năm 2012, Trường với tư cách là cơ quan đại diện của Việt Nam tham gia đợt đánh giá quốc tế về công tác đào tạo và huấn luyện theo tiêu chuẩn STCW và đã được đánh giá cao giúp hệ thống đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ hàng hải tại Việt Nam được quốc tế công nhận. Trên cơ sở các ý kiến góp ý của chuyên gia quốc tế, Trường đã sửa đổi các chương trình đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ hàng hải và trình Bộ Giao thông vận tải ký quyết định ban hành 25 chương trình huấn luyện chuyên ngành Điều khiển tàu biển; 23 chương trình huấn luyện chuyên ngành Máy tàu biển; 07 chương trình huấn luyện chuyên ngành Điện tàu biển; 03 chương trình huấn luyện chuyên ngành Y tế; 01 chương trình huấn luyện Tiếng Anh hàng hải trong năm 2012 và chấp thuận cho Trường được đào tạo các khóa huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ khác. Ngày 05/01/2014, Bộ Giao thông vận tải tiếp tục thẩm định lại các chương trình đào tạo, huấn luyện theo STCW của Trường và trên cơ sở đó ra quyết định chấp thuận Trường Đại học Hàng hải Việt Nam được tổ chức các khóa đào tạo và huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ thuyền viên [H3.3.6.01].

2. Điểm mạnh

Trường đã có các biện pháp cải tiến chất lượng cụ thể, hữu hiệu trên cơ sở kết quả đánh giá chương trình đào tạo.

Có đánh giá ngoài đối với các chương trình huấn luyện hàng hải.

3. Tồn tại

Chưa thực hiện đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2018, Trường thực hiện lộ trình đánh giá ngoài các chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 3:

Để có được hệ thống các chương trình đào tạo chính quy hoàn chỉnh như hiện nay là một bước chuyển mình lớn đối với hệ thống quản lý chất lượng đào tạo của Trường. Các chương trình đào tạo mới đã được xây dựng và hoàn thiện hướng tới người học nhiều hơn và đã từng bước thay đổi tư duy đào tạo từ đào tạo những gì có sẵn sang đào tạo thích nghi, đáp ứng yêu cầu xã hội. Các chương trình đào tạo đại học chính quy và sau đại học đã có tính mở hơn để người học có thể tự chọn các hướng đi sâu theo các chuyên ngành hẹp phục vụ cho công tác sau này. Các chương trình đào tạo được xây dựng đảm bảo tính liên thông giữa các bậc học qua đó có thể kế thừa các kiến thức đã được tích lũy trước đó tiến tới rút ngắn thời gian đào tạo mà vẫn đảm bảo chất lượng.

Chương trình đào tạo mở mới được xây dựng đảm bảo đúng quy trình theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đặc biệt, các chương trình huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ hàng hải là một đóng góp to lớn của Trường đối với ngành giao thông nói riêng và sự nghiệp giáo dục, đào tạo nói chung. Với việc trải qua đánh giá của các tổ chức quốc tế về hệ thống đào tạo, huấn luyện hàng hải tại Việt Nam, Trường đã khẳng định được thương hiệu đào tạo nguồn nhân lực cho ngành hàng hải trên trường quốc tế. Việc liên tục cập nhật, bổ sung các chương trình đào tạo theo các yêu cầu quốc tế, đặc biệt là công ước STCW 78/95 sửa đổi 2010 là một cơ sở quan trọng để đảm bảo chất lượng đào tạo và huấn luyện theo tiêu chuẩn quốc tế.

Bên cạnh các điểm mạnh, các chương trình đào tạo tại Trường vẫn cần thiết phải được cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa thường xuyên và tiếp thu ý kiến từ phía các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, cựu sinh viên nhiều hơn nữa để đưa Trường trở thành một địa chỉ tin cậy, một thương hiệu đào tạo đối với các nhà tuyển dụng lao động cũng như một cơ sở nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước cũng như thế giới.

Khi xây dựng cũng như thực hiện các chương trình đào tạo, cần tạo hành lang để phát huy tối đa khả năng sáng tạo của giảng viên trong việc hướng dẫn sinh viên học tập, truyền thụ kiến thức, bổ sung, cập nhật các kiến thức mới.

Tiêu chuẩn 4. Các hoạt động đào tạo

Mở đầu:

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là một trong 20 trường đại học đầu tiên của Việt Nam thực hiện chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ ngay từ tháng 8/2007. Hoạt động đào tạo và huấn luyện của Trường đã đạt được những thành tựu to lớn, thực sự trở thành động lực chính cho sự phát triển bền vững, toàn diện của Trường và góp phần quan trọng đưa Trường trở thành Trường Đại học trọng điểm quốc gia. Các loại hình đào tạo đã được đa dạng hóa, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học và nhu cầu nhân lực cho thị trường lao động. Quy mô đào tạo được mở rộng từng bước. Công tác quản lý đào tạo, giảng dạy và học tập ngày càng được chuẩn hóa và tin học hóa. Chuẩn đầu ra tốt nghiệp của sinh viên ngày càng được chú trọng nhằm đáp ứng tốt yêu cầu thực tế sản xuất. Giai đoạn 2015-2020, các hoạt động đào tạo huấn luyện sẽ tiếp tục được quan tâm đầu tư hướng tới các chuẩn mực quốc gia; quốc tế; phấn đấu Trường cơ bản đáp ứng các tiêu chí của một trường đại học trọng điểm quốc gia trước năm 2025.

Tiêu chí 4.1. Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định.

1. Mô tả

Trường đang tổ chức đào tạo các bậc từ cao đẳng cho đến tiến sĩ. Năm 1990, Trường chỉ mới đào tạo 10 chuyên ngành ở bậc đại học, 03 ngành đào tạo ở bậc cao đẳng và chưa có hệ sau đại học. Đến cuối năm 2003, Trường đã nâng con số chuyên ngành đào tạo bậc đại học lên con số 19, 05 chuyên ngành đào tạo bậc cao đẳng, 06 ngành được phép đào tạo ở trình độ cao học, trong số đó, có 03 chuyên ngành đào tạo bậc tiến sĩ. Đến năm 2017, Trường tuyển sinh 08 chuyên ngành trình độ tiến sĩ, 11 chuyên ngành trình độ thạc sĩ, 41 chuyên ngành trình độ đại học, 12 chuyên ngành trình độ cao đẳng [H4.4.1.01].

Hình thức chính quy ngoài 2 hệ đại học và cao đẳng, với mong muốn tạo điều kiện cho người học có thêm cơ hội tìm việc làm sau khi tốt nghiệp, Trường đã cho sinh viên đăng ký học song song 2 chương trình từ năm 2011 [H4.4.1.02]. Với các sinh viên có trình độ ngoại ngữ tốt, Trường tổ chức các

hình thức lớp chọn, lớp chất lượng cao trong đó ít nhất 20% chương trình sẽ được giảng dạy bằng tiếng Anh [H4.4.1.03].

Đào tạo hệ sau đại học gồm đào tạo thạc sỹ (11 chuyên ngành) và tiến sỹ (08 chuyên ngành) được tổ chức theo hình thức không tập trung (vào các ngày thứ 7 và chủ nhật) cho phù hợp với đặc thù của người học đa phần đã đi làm.

Các loại hình đào tạo được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo như: liên thông chính quy từ trình độ Cao đẳng lên Đại học (từ năm 2011), văn bằng 2 hệ chính quy (từ năm 2012), mô hình liên kết đào tạo từ xa với Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông với các chuyên ngành Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh và Điện tử viễn thông cũng tiếp tục được duy trì, tạo nên một kênh đào tạo riêng biệt tại khu vực TP Hải Phòng [H4.4.1.04].

Ngoài việc tổ chức đào tạo tập trung, Trường còn mở rộng liên kết với các trường, trung tâm đào tạo tại các địa phương đào tạo hệ sau đại học và VLVH như: Hà Nội, Hải Dương, Nghệ An, Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh... Ngoài ra, Trường còn tổ chức đào tạo theo yêu cầu của các doanh nghiệp như đào tạo văn bằng 2 hệ vừa làm vừa học ngành Luật hàng hải cho cán bộ Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu... [H4.4.1.05].

Trường ngoài việc liên kết với các đối tác trong nước còn đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo. Từ năm 2010, Trường đã đề xuất và được Bộ GD&ĐT cho phép đào tạo 02 chuyên ngành theo chương trình tiên tiến, giảng dạy bằng Tiếng Anh với sự phối hợp, giúp đỡ của Học viện California - Hoa kỳ (CMA). Tính đến năm 2016, Trường đã tuyển sinh 07 khóa chương trình tiên tiến với tổng số hơn 1100 học viên. Nhiều thỏa thuận hợp tác song phương giữa Trường với các đối tác nước ngoài như trường Đại học Hull (Anh), trường đại học Krems (Áo), trường đại học St. Francis (Mỹ)... giúp người học có thêm nhiều lựa chọn trong việc học tập [H4.4.1.06÷07].

Chương trình đào tạo sỹ quan hàng hải đã được Trường thực hiện thí điểm từ năm 2016. Thời gian đào tạo 18 tháng dành cho 2 ngành điều khiển tàu biển và máy khai thác, người học được tập trung đào tạo về chuyên môn (50% lý thuyết và 50% thực hành) và tiếng Anh hàng hải. Sau khi hoàn thành chương

trình, người học sẽ được Cục hàng hải cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn là thủy thủ, thợ máy trực ca, làm sổ thuyền viên và hộ chiếu thuyền viên và hoàn toàn có thể đi làm ngay [H4.4.1.08].

Các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cũng được Trường tổ chức thường xuyên đáp ứng nhu cầu của người học. Cụ thể, Trường giao cho Trung tâm Logistics và tiêu vùng sông Mê Kông - Nhật Bản đào tạo các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ khai hải quan, quản trị dịch vụ logistics..., Trung tâm ứng dụng và phát triển CNTT (CITAD) đào tạo các lớp bồi dưỡng về tin học quốc tế, lập trình, quản trị mạng..., Trung tâm huấn luyện thuyền viên đào tạo và cấp các chứng chỉ về hàng hải [H4.4.1.09].

Trên cơ sở các quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT, 43/2007/QĐ-BGD&ĐT, 06/2008/QĐ-BGD&ĐT và các Thông tư 55/2012/TT-BGDĐT, 57/2012/TT-BGDĐT, Trường đã ban hành các quy chế đối với từng loại hình đào tạo và có đơn vị quản lý việc thực hiện (Viện đào tạo sau đại học, trường cao đẳng VMU, Viện đào tạo quốc tế, Trung tâm Giáo dục thường xuyên...). Ngoài các yêu cầu về chuyên môn, hệ đào tạo sau đại học, đại học, cao đẳng chính quy còn yêu cầu người học phải đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học nhằm nâng cao chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp [H3.3.3.01÷05], [H4.4.1.10].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện chương trình đào tạo thí điểm sỹ quan hàng hải cho đối tượng đã tốt nghiệp THPT.

3. Tồn tại

Các chương trình liên kết đào tạo quốc tế chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục xây dựng thêm các mô hình liên kết đào tạo quốc tế thông qua các hoạt động trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên và sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Nhận thức rõ tính ưu việt và hiện đại của học chế tín chỉ, Trường đã đi tiên phong trong thực hiện chuyển đổi từ phương thức đào tạo theo niên chế sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Năm 2016, Trường đã chỉ đạo xây dựng lộ trình thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ theo thông báo số 1498/DHHH-DT ngày 23/11/2006, trong đó phân công cho các đơn vị Phòng ban chức năng chuẩn bị cơ sở vật chất, Khoa kinh tế điều chỉnh chương trình, bài giảng, hướng dẫn sinh viên để thực hiện thí điểm đào tạo tín chỉ cho 05 chuyên ngành đào tạo khối Kinh tế & Quản trị kinh doanh trong năm học 2007-2008. Từ năm học 2008-2009, phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã được áp dụng cho tất cả các chuyên ngành đào tạo đại học và cao đẳng chính quy của Trường [H4.4.2.01÷03]. Trải qua gần 10 năm thực hiện cùng với việc khảo sát và học hỏi kinh nghiệm của 1 số trường bạn, hệ thống đào tạo theo học chế tín chỉ của Trường đã được chỉnh sửa, cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tế của Trường [H4.4.2.04÷06; H3.3.3.09].

Từ năm học 2013-2014, với việc hoàn thiện các chương trình đào tạo mới theo học chế tín chỉ (áp dụng từ khóa 54), phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã tiếp tục được hoàn thiện thêm một bước mới, kết hợp với việc đổi mới toàn diện kế hoạch đào tạo đã tạo nên một sắc thái mới trong công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo hướng linh hoạt, mềm dẻo và hiệu quả, tạo thuận lợi cao nhất cho người học. Hàng năm, kế hoạch học tập được xây dựng cùng với bảng tiến độ học tập của cả năm [H4.4.2.07÷08] kết hợp với sổ tay sinh viên được cấp đầu khóa học [H4.4.1.09] đem đến cho sinh viên một bức tranh toàn cảnh để xây dựng kế hoạch học tập của từng cá nhân. Các lớp học phần được xây dựng có đầy đủ thông tin về thời gian học tập và Giảng viên đứng lớp để sinh viên chủ động chọn lựa [H4.4.2.10÷11]. Sinh viên có thể chọn lớp, chọn thầy theo nguyện vọng của mình khi đăng ký học trực tuyến qua mạng [H4.4.2.12].

Chương trình đào tạo cũng được bổ sung thêm các học phần tự chọn để người học có thể học theo các hướng đi riêng, phục vụ mục tiêu công việc sau này [H3.3.6.03]. Các kết quả đăng ký học tập, kết quả đánh giá các học phần đều được thông báo trên Trang thông tin điện tử của Trường.

Việc chuyển đổi đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ của Trường nhận được sự ủng hộ của người học do đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập linh hoạt, chủ động qua đó có thể rút ngắn thời gian học tập, học thêm chuyên ngành 2 và thuận lợi cho việc liên thông, chuyển tiếp tới các bậc học cao hơn. Qua việc thăm dò ý kiến của người học, phần lớn đều đánh giá cao tính linh hoạt của học chế tín chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho người học [H2.2.5.10÷12].

Đến nay, 100% chương trình đào tạo hệ đại học và cao đẳng chính quy của Trường đã áp dụng theo hình thức tín chỉ. Riêng hệ VLVH vẫn đào tạo theo hình thức niên chế do người học của hệ này đa phần đã đi làm và không chủ động được thời gian học tập.

2. Điểm mạnh

100% chương trình đào tạo chính quy đã áp dụng học chế tín chỉ.

Phần mềm quản lý đào tạo đã tạo ra sự linh hoạt trong quản lý hoạt động đào tạo theo học chế tín chỉ.

3. Tồn tại

Hệ VLVH của Trường vẫn đào tạo theo hình thức niên chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường thực hiện chuyển đổi từng phần các chương trình đào tạo hệ VLVH sang học chế tín chỉ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.3. Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Việc kiểm tra đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được Trường đưa vào kế hoạch công tác đào tạo hàng năm và giao cho phòng Thanh tra phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan thực hiện. Trên cơ sở kế hoạch chung, Trường lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm học và từng học kỳ về công tác giảng dạy và học tập, công tác thực hành, thí nghiệm, công tác thi học kỳ... [H4.4.3.01÷02].

Ngoài các hoạt động thanh, kiểm tra, việc lấy ý kiến phản hồi của người học qua hình thức phát phiếu thăm dò cũng được Trường thực hiện thường xuyên trong các học kỳ. Qua tổng hợp ý kiến cho kết quả 71,6% người học đánh giá phương pháp giảng dạy của giảng viên dễ hiểu, khuyến khích sự chủ động sáng tạo; 75,6% người học đánh giá giảng viên sử dụng hiệu quả các thiết bị tin học hỗ trợ cho việc giảng dạy; 77,1% người học đánh giá các học phần khuyến khích việc tự học và có đánh giá, kiểm tra phần tự học của SV. Kết quả từ công tác kiểm tra, đánh giá và ý kiến phản hồi từ người học là cơ sở cho Trường đưa ra các quyết sách thay đổi hoạt động đào tạo nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của người học [H2.2.5.10÷12].

Trường cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị từ cấp cơ sở đến cấp Trường về đổi mới tổ chức và quản lý giảng dạy như: Hội nghị bộ môn mở rộng, Hội giảng mùa xuân, Hội thi biên soạn giáo án điện tử, Hội nghị báo cáo khoa học... Thực hiện kết luận Hội nghị Bộ môn năm 2014, Trường đã ban hành Kế hoạch tổ chức hội thảo về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá học tập. Hội thảo được tổ chức ở 02 cấp Bộ môn và cấp cơ sở trực thuộc trường đã nhận được sự tham gia của hầu hết giảng viên các Khoa/viện. Trường chủ trương cần vận dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy phù hợp với từng nội dung học phần, tăng cường tương tác 2 chiều giữa giảng viên và sinh viên, có hình thức đánh giá phần tự học, tự nghiên cứu của người học. Thành công từ các

hội nghị, hội thảo và hội thi này giúp nhân rộng các phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học [H4.4.3.03].

Ngoài ra, Trường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, xây dựng chương trình đào tạo... nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ Giảng viên [H5.5.1.05; H5.5.1.08; H5.5.1.12; H3.3.1.26]. Trường thường xuyên cử Giảng viên đi bồi dưỡng các khóa chuyên đề bằng tiếng Anh, tham gia công tác trợ giảng cho các Giảng viên nước ngoài có kinh nghiệm để từng bước đảm nhận việc giảng dạy chương trình tiên tiến và nhân rộng mô hình đối với các chuyên ngành khác [H4.4.3.04].

Trường tiến hành đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học. Cụ thể như sau:

- Hệ thống phòng học được trang bị máy chiếu, tivi tạo điều kiện cho các giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp hơn với các học phần như áp dụng bài giảng điện tử, kết hợp video làm tăng tính trực quan của bài giảng... Các phòng đọc điện tử, phòng học đa năng, hệ thống mạng internet không dây phủ sóng toàn trường giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm thông tin nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng như tăng cường tính tự học của người học [H9.9.2.02; H9.9.3.01];

- Đổi mới đề cương chi tiết các học phần, yêu cầu tăng cường phần tự học và lựa chọn các nội dung hợp lý để phát triển kỹ năng, tư duy cho người học [H4.4.3.05].

Phương pháp đánh giá kết quả của người học chú trọng đến phần tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học [H4.4.1.01-02]. Phần tự học được đưa vào đề cương chi tiết học phần trong đó người học tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu tham khảo, làm các bài tập, thảo luận và thuyết trình theo nhóm. Các hình thức thi cũng được đa dạng hóa với các hình thức như vấn đáp, trắc nghiệm, báo cáo, hay thi viết... [H4.4.4.03].

2. Điểm mạnh

Trường đã tổ chức nhiều Hội nghị, Hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học.

3. Tồn tại

Còn một số giảng viên chậm thích ứng trong đổi mới phương pháp giảng dạy.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.4. Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Các quy định cụ thể về tổ chức thi và kiểm tra được nêu rõ trong Quy chế đào tạo của Trường ở tất cả các khâu ra đề, in sao đề, tổ chức thi, chấm thi và lên điểm, phúc khảo bài thi... Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng đã xây dựng quy trình về công tác khảo thí trong phạm vi toàn trường từ năm học 2014-2015 [H4.4.4.01]. Quy định về xây dựng ngân hàng đề thi từ năm học 2014-2015 đã chú trọng định hướng đánh giá kỹ năng, năng lực phát triển, giải quyết vấn đề, khuyến khích người học tự học, tự nghiên cứu dưới sự giúp đỡ của Giảng viên [H4.4.4.02].

Trên cơ sở chung do Trường quy định các Bộ môn đã có sự chủ động trong việc đề xuất hình thức đánh giá đối với từng học phần để Khoa/Viện phê duyệt áp dụng thống nhất [H4.4.4.03]. Hình thức và phương thức đánh giá được giảng viên giới thiệu kỹ cho sinh viên đầu mỗi học kỳ trong đề cương chi tiết học phần, tạo điều kiện cho sinh viên có định hướng học tập [H4.4.3.05]. Việc kiểm tra đánh giá được thực hiện đa dạng: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ,

thi kết thúc học phần... dưới nhiều hình thức: thảo luận, thực hành nhóm, thuyết trình, thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp... Các học phần cơ sở cơ bản, các học phần chung trong các khoa/viện được tổ chức thi chung đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, công bằng [H4.4.4.04].

Quy trình kiểm tra, đánh giá người học được thực hiện nghiêm túc, khách quan, công bằng. Việc ra đề thi đảm bảo tính bảo mật; công tác tổ chức coi thi được giao cho phòng Khảo thí & ĐBCL, các Khoa/viện tổ chức, đảm bảo trong mỗi phòng thi bố trí 02 cán bộ coi thi và được kiểm tra, giám sát bởi phòng Thanh tra; công tác chấm thi được thực hiện chấm thi 02 vòng theo quy định [H4.4.4.01].

Năm 2015, Nhà trường ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ quy định rõ việc đánh giá kết quả học phần đối với toàn trường, trong đó nâng cao trọng số điểm đánh giá quá trình học của sinh viên. Điểm đánh giá học phần (Z) được tính theo công thức: $Z = 0,5X + 0,5Y$. Điểm quá trình học tập của người học chiếm 50% kết quả đánh giá học phần giúp cho việc đánh giá người học trong suốt quá trình học [H3.3.3.09].

Phương pháp và quy trình đánh giá của Trường được đa dạng hóa, phù hợp với từng học phần, đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng, khách quan. Thông qua kết quả khảo sát người học, 77,2% người học đánh giá kết quả học tập công bằng, khách quan, 71,9% cho rằng kết quả đánh giá phản ánh đúng thực lực của người học. Không có trường hợp nào khiếu nại về hình thức kiểm tra, đánh giá các học phần [H2.2.5.10÷12].

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập từng học phần của người học được chú trọng trong suốt quá trình học hướng tới nâng cao năng lực, phẩm chất của người học.

3. Tồn tại

Hệ thống ngân hàng câu hỏi thi chưa đáp ứng hết mức độ đánh giá phẩm chất, năng lực người học.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, hàng năm Trường tiến hành rà soát, cập nhật ngân hàng câu hỏi thi theo hướng phù hợp với đổi mới chương trình đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường.

1. Mô tả

Kết quả học tập của người học luôn được Trường thông báo kịp thời tạo thuận tiện cho người học có sự chủ động trong việc sắp xếp lịch học. Điểm quá trình học tập được giảng viên thông báo cho sinh viên trong tuần cuối của học kỳ [H4.4.5.01]. Các đơn vị tổ chức thi và chấm thi sẽ nhập kết quả thi tất cả các học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Trường. Bảng kết quả đánh giá học phần có đầy đủ chữ ký của 02 cán bộ chấm thi 1, 2 và Trưởng Bộ môn [H4.4.5.02]. Kết quả đánh giá học phần được lưu trữ tại Phòng Khảo thí & ĐBCL, Văn phòng Khoa/viện và Bộ môn trong thời gian 05 năm đồng thời được lưu trữ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Bài thi của sinh viên được lưu trữ tại đơn vị tổ chức thi trong thời gian ít nhất 05 năm [H4.4.4.01]. Quy định của Trường cũng ghi rõ “điểm thi phải được công bố chậm nhất 02 tuần kể từ khi bàn giao bài cho giảng viên chấm” [H4.4.4.01].

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng sẽ công khai toàn bộ kết quả thi trong mục “Tra cứu kết quả học tập” trên trang thông tin điện tử của Trường để sinh viên và gia đình biết, đồng thời tiếp nhận đơn xin phúc khảo. Việc tổ chức chấm phúc khảo tổ chức sau 05 tuần kể từ khi kỳ thi kết thúc và kết quả phúc khảo cũng được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và bảng tin của Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng [H4.4.5.03÷04]. Kết thúc mỗi học kỳ chính, việc tổ chức xét học tiếp, buộc thôi học và phân loại học tập được tổ chức từ cấp cơ sở đến cấp Trường [H4.4.5.05]. Các quyết định cảnh báo học tập và phân loại sinh viên từng học kỳ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường để sinh viên được biết [H4.4.5.06÷07].

Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đã tạo thuận lợi cho việc tổ chức các kỳ thi theo nhiều hình thức khác nhau, nhập điểm và lưu trữ điểm song hành cùng với việc lưu trữ bảng kết quả học phần tại các Khoa/Viện và Bộ môn.

Tháng 6/2014, Hiệu trưởng đã ban hành quyết định số 426/QĐ-ĐHHHVN-ĐT về tổ chức học kỳ tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và cấp phát văn bằng, bằng điểm đại học, cao đẳng từ năm học 2014 - 2015. Theo quy định này, mỗi năm sẽ có 02 đợt tổ chức học phần tốt nghiệp, xét tốt nghiệp và cấp phát văn bằng hệ đại học, cao đẳng chính quy. Tiến độ cấp phát văn bằng được cải thiện đáng kể, tạo thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp sớm có văn bằng và xin việc làm [H4.4.5.08].

Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện nghiêm túc từ cấp cơ sở (Khoa/Viện) theo thông tư số 19/2015/TT-BGDĐT và quy trình xét tốt nghiệp của Trường. Dựa trên Biên bản xét tốt nghiệp cấp cơ sở Phòng đào tạo tiến hành thẩm tra thông tin và soạn Quyết định công nhận tốt nghiệp trình Ban Giám hiệu ký ban hành [H4.4.5.09÷10]. Việc in ấn và cấp phát văn bằng cũng được tiến hành theo đúng quy trình đã được quy định trong Quy trình xét tốt nghiệp và cấp phát văn bằng của Phòng đào tạo. Thông tin về văn bằng tốt nghiệp của sinh viên được lưu trữ theo quy định của Bộ và được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường [H4.4.5.11÷12].

2. Điểm mạnh

Tin học hóa công tác quản lý kết quả học tập giúp người học, phụ huynh tra cứu kết quả học tập được thuận lợi, nhanh chóng.

3. Tồn tại

Chức năng tra cứu thông tin văn bằng tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2017-2018, Trường thực hiện việc hoàn thiện chức năng tra cứu thông tin văn bằng tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.6. Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau tốt nghiệp.

1. Mô tả

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường được lưu trữ đầy đủ theo quy định của các quy trình trong hệ thống chất lượng ISO 9001:2008. Điểm trúng tuyển, danh sách thí sinh trúng tuyển, quyết định thành lập lớp được lưu trữ tại phòng đào tạo [H4.4.6.01÷02].

Chương trình đào của các chuyên ngành được lưu trữ tại Khoa và phòng Đào tạo. Chương trình khung đào tạo được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo làm cơ sở cho công tác xét tốt nghiệp sinh viên sau này. Chương trình đào tạo cũng được phổ biến cho người học thông qua Sổ tay sinh viên và trang thông tin điện tử của Trường [H3.3.1.14, H4.4.2.09].

Phòng Đào tạo là đơn vị chức năng chịu trách nhiệm về việc lập tiến độ, kế hoạch học tập hàng năm, lập thời khóa biểu, lịch thi cho từng học kỳ [H4.4.2.07÷08; H4.4.2.10÷11]. Danh sách các lớp học phần được Giáo vụ các Khoa/viện in từ phần mềm quản lý đào tạo và chuyển tới cho các Giảng viên đầu mỗi học kỳ. Cuối mỗi học kỳ Bảng theo dõi kết quả học tập của sinh viên được nhập vào phần mềm quản lý đào tạo của Trường và lưu trữ tại Khoa/Viện, Bộ môn trong thời gian 05 năm. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được lưu giữ trong phần mềm quản lý đào tạo, sổ lưu điểm tại các khoa, viện, bộ môn theo quy định của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Trường [H4.4.5.01÷02].

Quy trình xét tốt nghiệp và cấp phát văn bằng được thực hiện từ cấp Khoa/viện và được kiểm tra, đối soát bởi phòng đào tạo. Các quyết định về điều kiện dự thi tốt nghiệp, quyết định tốt nghiệp, sổ lưu danh sách sinh viên tốt nghiệp, sổ cấp phát văn bằng được lưu trữ tại phòng Đào tạo theo hình thức lưu vĩnh viễn [H4.4.6.03÷04].

Từ năm 2006, phần mềm quản lý đào tạo đưa vào sử dụng giúp cho việc quản lý dữ liệu đào tạo của Trường thêm thuận tiện và hiệu quả. Việc thống kê dữ liệu người học, kết quả các hoạt động đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy

đã đảm bảo sự linh hoạt, chính xác và kịp thời phục vụ công tác thống kê, báo cáo định kỳ, đột xuất của Trường.

Trường giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Trung tâm Đào tạo và Giới thiệu việc làm và Phòng Công tác sinh viên thực hiện thu thập, xử lý, phân tích và quản lý thông tin sinh viên tốt nghiệp, tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp. Thông qua các hình thức phát phiếu thăm dò sinh viên tốt nghiệp, khảo sát trực tuyến, qua email, các trang mạng xã hội... Trường đã tiến hành thu thập được thông tin về tình hình việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Tuy nhiên, do việc khảo sát yêu cầu phạm vi rộng và chi phí lớn nên việc thu thập của Trường chưa được thường xuyên [H4.4.6.05].

2. Điểm mạnh

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường được lưu trữ đầy đủ, dễ tra cứu được thực hiện theo yêu cầu chung của hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.

3. Tồn tại

Cơ sở dữ liệu về thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, hàng năm Trường thực hiện khảo sát, thu thập dữ liệu đầy đủ của sinh viên sau tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.7. Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với nhu cầu xã hội.

1. Mô tả

Từ năm học 2013-2014, Trường cũng đã chủ động có kế hoạch và triển khai định kỳ việc thăm dò, đánh giá chất lượng đào tạo, cơ hội việc làm tại nhiều doanh nghiệp và các cựu sinh viên Trường. Trường cũng phối hợp với các ban ngành, các doanh nghiệp tổ chức các hội thảo chuyên đề về đào tạo theo nhu

cầu xã hội tại Trường. Năm 2014, “**Hội nghị về công tác đào tạo theo địa chỉ cho các doanh nghiệp và theo nhu cầu xã hội**” do Bộ Giao thông Vận tải chủ trì đã được tổ chức tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam [H4.4.7.01]. Tại Hội thảo, các nhà doanh nghiệp, các nhà quản lý tập trung thảo luận những vấn đề chủ yếu như: Đánh giá kết quả đào tạo theo nhu cầu xã hội, kết quả thực hiện phối hợp, liên kết giữa các trường với các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội từ năm 2011 đến hết năm 2013; các giải pháp nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW về yêu cầu đào tạo theo nhu cầu xã hội, gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa của ngành và đất nước; các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả công tác đào tạo theo địa chỉ cho các doanh nghiệp và theo nhu cầu xã hội năm 2014 và giai đoạn 2015-2020; Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị về công tác đào tạo đào tạo theo địa chỉ cho các doanh nghiệp và theo nhu cầu xã hội.

Qua phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của Trường, trong đó nhiều ý kiến cho rằng các học phần còn nặng về lý thuyết, số lượng các học phần chưa được phân bố đều, khối kiến thức cơ sở cơ bản chưa phù hợp..., năm học 2013-2014, Trường đã chỉ đạo xây dựng lại toàn bộ chương trình đào tạo đại học, cao đẳng với mục tiêu giảm tải chương trình, tiết giảm kiến thức hàn lâm, khuyến khích tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, chú trọng hình thành kỹ năng, tư duy của người học... [H2.2.5.11÷12; H3.3.1.14]. Năm 2009, Trường đã ban hành bộ chuẩn đầu ra tốt nghiệp cho sinh viên từ khóa 50, trong đó có chuẩn Tiếng Anh quốc tế (TOEIC). Từ năm học 2013-2014, chuẩn Tin học văn phòng quốc tế (MOS) được bổ sung vào bộ chuẩn đầu ra đối với sinh viên đại học, cao đẳng [H3.3.2.02÷03].

Việc triển khai thực hiện đánh giá chương trình đào tạo, chất lượng người học sau khi ra trường của các đơn vị sử dụng lao động được Trường thực hiện thông qua nhiều hình thức. Năm 2015, thực hiện Kết luận của Hội nghị Bộ môn năm học 2014-2015, Trường đã ban hành kế hoạch số 263/KH-ĐHHHVN-ĐT về tổ chức chuỗi chương trình Kết nối doanh nghiệp – Nhà quản lý – Đơn vị đào tạo trong đó yêu cầu “Tăng cường sự gắn kết đa dạng, thiết thực giữa các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường với cộng đồng doanh nghiệp, các đơn vị quản lý

nhà nước với trọng tâm là cải tiến nội dung chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng giảng dạy, thực tập thực hành, nghiên cứu khoa học, và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội...” [H3.3.4.11; H3.3.4.13].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện đa dạng các hình thức lấy ý kiến phản hồi đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường.

3. Tồn tại

Việc trao đổi thông tin giữa Trường và các cựu sinh viên, với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018 thông qua các hoạt động kết nối, Trường thực hiện tăng cường công tác trao đổi thông tin giữa Nhà trường và các cựu sinh viên, các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận của tiêu chuẩn 4:

Trong các năm qua, các hoạt động đào tạo của Trường đã thực sự vận hành tiệm cận ngày càng gần hơn với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ, từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế trong đào tạo và huấn luyện. Quy mô tuyển sinh đào tạo có bước tăng trưởng hàng năm. Các loại hình đào tạo được đa dạng hóa và mềm dẻo phù hợp từng đối tượng đào tạo và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu xã hội. Trường đã tích cực vận động đổi mới phương pháp giảng dạy, cải tiến quy trình kiểm tra, đánh giá giảng viên và người học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ ngày càng tốt hơn hoạt động giảng dạy và học tập. Công tác đảm bảo chất lượng ngày càng được chú trọng và hoạt động chuyên nghiệp hơn.

Mặc dầu vậy, các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên ngoài nước còn ít, Chất lượng một số loại hình đào tạo chưa được quan tâm đúng mức. Ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thị trường đến hoạt động đào tạo còn chưa được xử lý triệt để. Tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, khu vực và trong nước đối với hoạt động đào tạo của Trường là khá lớn và lâu dài, cần có thời gian để

khắc phục trong một vài năm tới.

Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý cao, đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu nhiệm vụ của Trường. Hàng năm, Trường đều có kế hoạch tuyển dụng theo quy trình tuyển dụng đảm bảo minh bạch, công khai. Đội ngũ cán bộ quản lý các cấp của Trường được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, quy trình hướng dẫn về công tác bổ nhiệm cán bộ của Bộ Giao thông vận tải và của Trường. Trường khuyến khích cán bộ, GV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học, đăng báo quốc tế có uy tín và có chính sách hỗ trợ vào lương hàng tháng, tạo động lực để cán bộ, GV nâng cao hiệu quả làm việc, thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác tại trường. Trường khuyến khích, động viên GV trong độ tuổi đăng ký kế hoạch đi học sau đại học ở trong nước và ngoài nước từ năm 2015 đến 2020 theo Đề án đào tạo 300 tiến sĩ, quy định về chuẩn ngoại ngữ nhằm xây dựng đội ngũ GV theo Đề án xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành Trường Đại học trọng điểm quốc gia đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Cán bộ quản lý, GV luôn được tạo mọi điều kiện về thời gian và kinh phí để tham gia các hoạt động chuyên môn và NCKH. Trường có đội ngũ kỹ sư, chuyên viên, kế toán viên, nhân viên... đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và trình độ, đáp ứng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ Giao thông vận tải và tình hình thực tế, hàng năm Trường ĐHHHVN đều xây dựng kế hoạch tuyển

dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý đảm bảo đúng quy trình, tiêu chí tuyển dụng, tiêu chuẩn bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch [H5.5.1.01], [H5.5.1.02]. Cụ thể:

Về công tác tuyển dụng viên chức: Hàng năm căn cứ kế hoạch bổ sung nhân sự, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, đối chiếu với số lượng cán bộ, giảng viên hiện có Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Trường [H5.5.1.03]. Công tác tuyển dụng được thực hiện đúng Kế hoạch và đảm bảo tiêu chuẩn tuyển dụng, nguyên tắc và các yêu cầu: Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị; Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với công việc, nhiệm vụ được giao; Có phẩm chất đạo đức tốt; Có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ; Có nguyện vọng phục vụ lâu dài tại Trường; Nếu là cán bộ, giảng viên đã có thời gian công tác tại các đơn vị khác thì phải có ý kiến nhận xét của đơn vị đang công tác về tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Quá trình tuyển chọn cán bộ, giảng viên được thực hiện theo các qui định pháp luật về thi tuyển, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức [H5.5.1.14]. Tiêu chuẩn tuyển dụng được quy định cụ thể tại Quy chế đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ, trong đó người tuyển dụng phải tốt nghiệp đại học chính quy loại xuất sắc, giỏi trở lên và đạt trình độ tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương [H5.5.1.05]. Thông tin, tiêu chuẩn tuyển dụng được công khai rộng rãi bằng các hình thức: niêm yết tại bảng tin hoặc thông báo lên trang thông tin điện tử của Trường, cử cán bộ đến các cơ sở đào tạo để thông báo tuyển dụng hoặc thông tin trên Đài phát thanh truyền hình Hải Phòng [H1.1.1.09] [H5.5.1.03]. Công tác tuyển dụng được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên dự tuyển, theo đúng quy trình tuyển dụng và quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên, Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 [H5.5.1.14].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên: Hàng năm Trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, nhân viên trên cơ sở đề xuất của các đơn vị về nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng nghiệp vụ của giảng viên, nhân viên [H5.5.1.12]. Trên cơ sở kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm và Quy định về đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trẻ, Quy chế đào tạo giảng viên, Trường mở các lớp bồi

duỡng cho giảng viên, nhân viên đồng thời cử giảng viên, nhân viên đi học tập ở trong và ngoài nước [H5.5.1.05-06] [H5.5.4.06-07]. Việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng được cụ thể hóa trong Quy trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 [H5.5.1.15]. Trong giai đoạn 2011-2016, Trường đã tổ chức khoảng 20 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, cử gần 400 lượt cán bộ, viên chức đi học sau đại học trong và ngoài nước, cử trên 2000 lượt cán bộ, viên chức đi học nghiệp vụ ngắn hạn trong và ngoài nước [H5.5.1.08]. Trường quy định trình độ tiếng Anh cho đội ngũ giảng viên trẻ nhằm mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên giỏi chuyên môn, thông thạo ngoại ngữ, hiện nay các giảng viên sinh năm 1981 trở lại đây đã được bồi dưỡng và đạt chuẩn trình độ Tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương [H5.5.1.05]. Trường xây dựng và triển khai thực hiện Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2015-2025, theo đó các giảng viên dưới 45 tuổi phải có kế hoạch đi đào tạo tiến sĩ [H5.5.1.11].

Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ quản lý: Căn cứ điều kiện, tình hình thực tế và yêu cầu, định hướng phát triển, Trường đã ban hành Quy định tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo quản lý Trường Đại học Hàng hải Việt Nam [H5.5.1.09]. Nội dung Quy định chi tiết, nêu rõ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, trình độ tiếng Anh đối với từng vị trí cán bộ quản lý. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ, viên chức được thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và Thành ủy Hải Phòng, đáp ứng yêu cầu đặt ra, đảm bảo tính kế thừa giữa các thế hệ cán bộ quản lý [H5.5.1.07]. Trường đã xây dựng quy hoạch cán bộ cho giai đoạn 2015-2020 và giai đoạn 2020-2025 [H5.5.1.10]. Trong thời gian quy hoạch, cán bộ tiếp tục được cử đi đào tạo, bồi dưỡng để có điều kiện đáp ứng đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm theo quy định. Việc bổ nhiệm được thực hiện đúng quy trình, tiêu chuẩn, xuất phát từ tình hình thực tế, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, đảm bảo đúng cơ cấu và chất lượng theo Quy chế số 2318/QĐ-ĐHHH ngày 01/10/2012 Trường [H5.5.1.04].

2. Điểm mạnh

Tiêu chí tuyển dụng giảng viên đảm bảo trình độ chuyên môn và trình độ

Tiếng Anh IELTS 6.0 hoặc tương đương.

Có kế hoạch đi nghiên cứu sinh cho tất cả các giảng viên dưới 45 tuổi, 100% giảng viên sinh sau 1981 đã được bồi dưỡng và đạt chuẩn trình độ Tiếng Anh IELTS 6.0 trở lên hoặc tương đương.

3.Tồn tại

Công tác tuyển dụng giảng viên có đủ điều kiện về chuyên môn và ngoại ngữ cho một số chuyên ngành mới mở còn khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường tăng cường các hình thức thông tin tuyển dụng để tuyển đủ số lượng giảng viên đúng chuyên ngành, đạt tiêu chuẩn theo quy định đối với một số chuyên ngành mới mở.

5.Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.2. *Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.*

1. Mô tả

Thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Trường đã ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động, thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, Quy chế phối hợp giữa Hiệu trưởng và Ban Chấp hành Công đoàn Trường [H5.5.2.09], [H2.2.4.28]. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên, sinh viên được đảm bảo các quyền dân chủ nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ của CBVC, góp phần xây dựng nề nếp, trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động của Trường.

Công tác báo cáo tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở được Trường thực hiện theo định kỳ hàng năm cho thấy tất cả các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền xử lý của Trường đều được giải quyết kịp thời, đúng quy định của Pháp luật [H5.5.2.04 ÷ 05]. Trường thường xuyên đánh giá và thực hiện chế độ báo cáo 6 tháng, 1 năm theo yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải, thành phố Hải Phòng [H5.5.2.04]. Trong 5 năm qua, Trường không có trường hợp khiếu

kiện nào về quyền dân chủ trong trường học.

Các hội nghị thường niên: Hội nghị CBVC và người lao động, Hội nghị tổng kết hoạt động công đoàn, Hội nghị Trường Bộ môn mở rộng, các cuộc họp định kỳ (Đảng ủy, Ban Giám hiệu, giao ban các cấp, Chi bộ, Chi đoàn, Công đoàn bộ phận, Tổ Công đoàn) được tổ chức từ cấp cơ sở đến cấp Trường là các diễn đàn để tất cả CBVC được thực hiện quyền dân chủ, tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và kiến nghị về chiến lược, kế hoạch phát triển, chương trình đào tạo, quy chế chi tiêu nội bộ... của Trường [H10.10.2.18], [H1.1.2.05-06], [H2.2.4.19]. Các kế hoạch, quy định, quy chế trước khi ban hành đều được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn Trường bằng nhiều hình thức: thảo luận góp ý trực tiếp tại hội nghị, công văn xin ý kiến, thư điện tử, điện thoại, gặp gỡ trực tiếp... Tất cả các ý kiến đều được tổng hợp để xem xét, giải quyết thỏa đáng, kịp thời, hợp tình hợp lý với mục tiêu cao nhất là tạo thế ổn định để phát triển [H5.5.2.06].

Trường có Hội đồng trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu, thực hiện việc giám sát các hoạt động của Trường, quyết nghị những vấn đề về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, phương hướng hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục, cơ cấu tổ chức, phương hướng đầu tư phát triển, nhân sự, tài chính... [H2.2.1.01]. Để tư vấn cho Hiệu trưởng về mục tiêu, chương trình đào tạo, kế hoạch phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo- NCKH, Trường đã thành lập Hội đồng Đào tạo và Khoa học công nghệ [H2.2.1.02]. Ban Thanh tra nhân dân, Phòng Thanh tra, Ủy ban Kiểm tra Công đoàn thực hiện tốt chức năng giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật, nhằm thực hiện quy chế dân chủ trong Trường thông qua công tác giải quyết các khiếu nại, tố cáo, tiếp công dân [H5.5.2.10]. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo Thông tư 01/2009/TT-TTCP về quy định, quy trình giải quyết khiếu nại tố cáo [H5.5.2.07].

Trường có hòm thư góp ý đặt tại nhiều nơi trong giảng đường và khu Hiệu bộ để CBVC và người học có thể đóng góp ý kiến cho các hoạt động của Trường. Ngoài ra, CBVC có thể gặp trực tiếp lãnh đạo Trường khi cần thiết để phản ánh ý kiến. Duy trì và thực hiện tốt việc tiếp công dân của Hiệu trưởng vào

thứ 2 hàng tuần, Chủ tịch Công đoàn vào ngày thứ 5 đầu tiên của tháng. Trường còn ban hành Nội quy tiếp công dân trong đó quy định rõ thời gian, địa điểm, quyền công dân và trách nhiệm của người tiếp công dân. Phòng Thanh tra tiếp công dân vào giờ hành chính các ngày từ thứ 3 đến thứ 6 hàng tuần [H5.5.2.08].

Hàng năm, Trường thực hiện việc đánh giá viên chức và bình bầu các danh hiệu thi đua, xếp hạng CBVC, các hoạt động này được thực hiện theo quy chế dân chủ trong trường học [H5.5.2.05]. Trường thường xuyên tổ chức thăm dò sinh viên đánh giá công tác giảng dạy, quản lý của CBVC [H2.2.5.10÷12].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đóng góp ý kiến nhằm tạo cơ hội tối đa cho CBVC thực hiện quyền dân chủ của mình, lãnh đạo Trường đã tiếp thu và giải quyết kịp thời các kiến nghị của CBVC nên không để xảy ra vụ việc khiếu kiện nào về quyền dân chủ trong trường học.

3. Tồn tại

Chưa kịp thời sửa đổi Quy định thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường khi có văn bản quy định mới.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường thực hiện công tác rà soát, sửa đổi Quy định thực hiện dân chủ cơ sở để phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Đề động viên và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước, Trường

Đại học Hàng hải Việt Nam đã ban hành các quy định nhằm quản lý, khuyến khích việc học tập, tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ cả trong và ngoài nước như:

Trường đã có các quy định về chế độ thời gian, kinh phí và thực hiện đúng mức chi đối với cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước và ngoài nước, đã đem lại hiệu quả cho công tác giảng dạy, học tập. Năm 2013 Trường sửa đổi đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.1.16]. Các quy định về: chế độ làm việc đối với giảng viên, Kinh phí hỗ trợ giảng viên khi tham gia học tập trong và ngoài nước, Hỗ trợ giảng viên đi học ngoại ngữ, Khuyến khích NCKH, Hỗ trợ kinh phí đề tài NCKH cấp Trường, Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, giảng viên có bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí quốc tế; công nhận danh sách và chế độ đối với CB, GV tham gia làm việc tại Viện Nghiên cứu phát triển; cử giảng viên đi học tập tại nước ngoài được Trường ban hành kịp thời [H5.5.3.07].

Đồng thời, Trường thường xuyên động viên, khuyến khích các giảng viên, nhất là giảng viên trẻ dự tuyển các khóa đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài theo các đề án của Nhà nước như đề án 911, 599. Cán bộ quản lý, viên chức được cử đi học sau đại học trong nước, học bồi dưỡng, thực tế ngắn hạn được Trường hỗ trợ 100% học phí, miễn giảm 100% giờ lên lớp, được hưởng nguyên lương và các chế độ khác [H5.5.3.07]. Bên cạnh đó Trường xây dựng Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2015-2025, cùng với giảng viên tích cực thúc đẩy quá trình học tập sau đại học [H5.5.3.06]. Có chế độ khuyến khích cán bộ, giảng viên đi học tập để nâng cao trình độ như: hỗ trợ học phí cho giảng viên theo học các lớp Nghiệp vụ sư phạm, Cán bộ quản lý nâng cao, Ngoại ngữ, Lý luận chính trị - Hành chính,... [H5.5.3.07]. Trường còn liên kết để đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ chuyên ngành và trao đổi thông tin nghiên cứu về các lĩnh vực hàng hải, đóng tàu, công trình biển... với các trường đại học, học viện uy tín trên thế giới nhằm phát triển nguồn nhân lực giao thông vận tải [H5.5.3.04].

Trên cơ sở kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, Trường luôn tạo cơ hội và điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên được tham gia các

hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước. Trường thường xuyên tổ chức các chương trình hội thảo khoa học cấp Trường, cấp Khoa, Viện để cán bộ quản lý và giảng viên tham gia viết bài đăng Tạp chí, tham luận và đăng ký NCKH cấp Trường trở lên. Tháng 10/2016 Trường đăng cai tổ chức Hội nghị thường niên các Trường Đại học Hàng hải Quốc tế và Hội nghị Quốc tế Khoa học Công nghệ Hàng hải 2016 [H5.5.3.05].

Nhằm khuyến khích động viên, hàng năm Trường luôn khen thưởng kịp thời cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia học tập, nghiên cứu khoa học: hỗ trợ 10 triệu đồng/ 1 bài: Báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI, bài đăng trên sách, các kỷ yếu hội nghị quốc tế; hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH cấp trường là 4 triệu đồng/ đề tài; đối với giảng viên đi học nghiên cứu sinh khi hoàn thành đúng tiến độ được Trường hỗ trợ 15 triệu đồng; hỗ trợ kinh phí nhất định và tạo điều kiện để cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hội thảo trong và ngoài Trường [H5.5.3.07]. Mỗi năm học, Trường trao tặng giải thưởng NCKH Neptune cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia [H7.7.4.01].

Hàng năm trong các báo cáo gửi cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý nêu rõ nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước: Kết quả thực hiện và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Sơ kết 5 năm thực hiện chiến lược, Quy hoạch phát triển nhân lực ngành GTVT giai đoạn 2011-2020; Số liệu phục vụ điều chỉnh Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011-2020 và tổng kết năm học của Trường, đã được công khai minh bạch trong Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu mỗi năm học [H5.5.3.01÷04], [H1.1.2.05].

2. Điểm mạnh

Trường có nhiều chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tồn tại

Việc hỗ trợ kinh phí cho một số hoạt động của cán bộ quản lý, giảng viên

còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017 điều chỉnh nội dung kinh phí hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Quy chế chi tiêu nội bộ; Trường tiếp tục tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, viên chức tham gia các hoạt động trong và ngoài nước.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.4. *Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.*

1. Mô tả

Tính đến 29/4/2017, tổng số CBVC và lao động hợp đồng thuộc Trường gồm 1.004 người, trong đó cán bộ quản lý là 219 người (174 nam, 45 nữ), chiếm 21,8% tổng số CBVC, lao động hợp đồng của Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường có phẩm chất đạo đức, có năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ cao, được đào tạo, bồi dưỡng bài bản, cụ thể: GS: 02 người (0,29%), PGS: 41 người (5,92%), TS: 74 người (10,68%), ThS: 493 người (71,14%), cử nhân, kỹ sư: 83 người (11,98%), 136 người được cấp Chứng chỉ quản lý GD (62,1%), 38 người được cấp Chứng chỉ Quản lý hành chính (17,35%), 99,1 % cán bộ quản lý là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất và năng lực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị, Trường đã ban hành Quy định tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo, quản lý trường Đại học Hàng hải Việt Nam, trong đó quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đối với từng vị trí lãnh đạo [H5.5.1.09]. Trường chú trọng thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý cả về trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý. Ngoài việc cử cán bộ quản lý học cao học, nghiên cứu sinh, học cao cấp lý luận chính trị, Trường đã chủ động mở lớp Trung cấp lý luận chính trị cho 78 người, lớp bồi dưỡng quản lý nâng cao cho 124 người [H5.5.06-07].

Để thực hiện tốt công tác quản lý, Trường đã ban hành đầy đủ các văn bản

pháp quy để chỉ đạo các hoạt động Trường một cách xuyên suốt như: Quy chế tổ chức và hoạt động Trường [H1.1.1.01], Quy chế làm việc của các đơn vị trong Trường [H.2.2.1.03], Quyết định phân công nhiệm vụ lãnh đạo Trường [H2.2.3.06]. Bên cạnh việc quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, Lãnh đạo trường đã ban hành văn bản chỉ đạo hoạt động chuyên môn một cách kịp thời và mang tính ổn định: Quy định về chế độ làm việc đối với GV, Quy chế đào tạo giảng viên [H5.5.1.06].

Lãnh đạo Trường đã chỉ đạo công tác tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình, đúng tiêu chuẩn [H5.5.1.03÷04].

Trường đã có kế hoạch và thực hiện đúng quy định về công tác quy hoạch cán bộ của đơn vị đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định và cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H5.5.1.07], [H5.5.4.04].

Trong 5 năm qua, Trường không có cán bộ quản lý nào bị phản ánh về việc vi phạm các quy định về trách nhiệm, quyền hạn, đạo đức và Quy định những điều đảng viên không được làm. Thông qua kết quả đánh giá CBVC hàng năm, 100% cán bộ quản lý được tập thể cán bộ, giảng viên, nhân viên đánh giá tốt về phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ quản lý được Hội đồng thi đua đề nghị và đã được cấp trên đánh giá, ghi nhận và tặng thưởng các danh hiệu thi đua cao quý như: Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Giáo dục và đào tạo, Thành phố Hải Phòng, 01 cán bộ quản lý đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua toàn quốc, 18 cán bộ quản lý đạt danh hiệu CSTĐ ngành GTVT [H5.5.4.08].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy định tiêu chuẩn đối với từng vị trí cán bộ quản lý và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nên đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực quản lý tốt.

Tất cả cán bộ quản lý đều được đánh giá hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Một số cán bộ quản lý lớn tuổi chưa tích cực học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ để hội nhập quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường xây dựng và hoàn thiện từng bước tiêu chuẩn ngoại ngữ đối với cán bộ quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả

Đội ngũ GV của Trường có trình độ chuyên môn cao, đủ về số lượng đáp ứng được việc thực hiện chương trình đào tạo và NCKH của Trường. Tính đến tháng 4/2017, Trường có 117 GV có trình độ tiến sĩ (trong đó có 02 GS, 41 PGS); 493 GV có trình độ thạc sĩ; 83 GV có trình độ đại học trong tổng số 693 GV cơ hữu của Trường [H5.5.5.01], [H5.5.5.05]. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ chiếm 16,88 % (117/693); có trình độ thạc sĩ chiếm 71,14% (493/693) trên tổng số GV cơ hữu của Trường. Các ngành đào tạo đều có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành [H5.5.5.03] [H5.5.5.06]. Ngoài các tiêu chuẩn về chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo quy định, 100% giảng viên trẻ sinh từ năm 1981 trở lại của Trường đều có chứng chỉ ngoại ngữ đạt 6.0 IELTS hoặc tương đương, đáp ứng tốt khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H7.7.3.04], [H5.5.5.04].

Hiện tại, đội ngũ GV của Trường đang đào tạo cho 08 chuyên ngành tiến sĩ, 11 chuyên ngành thạc sĩ, 41 chuyên ngành đại học, 12 chuyên ngành đào tạo cao đẳng với tổng số khoảng 16.240 học viên và sinh viên chính quy [H5.5.5.07]. Ngoài ra, Trường đang quản lý, đào tạo 59 chương trình cho người đi biển thỏa mãn các yêu cầu của Công ước và các Bộ luật quốc tế về đào tạo

người đi biển (STCW 78/2010), chương trình đại học hệ VLVH, trung cấp nghề, sơ cấp nghề [H5.5.5.10].

Theo Đề án xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam trở thành Trường Đại học trọng điểm quốc gia đã được Bộ GTVT phê duyệt [H1.1.1.06] và chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình SV/GV, Trường đã tăng cường tuyển dụng GV cho các ngành mới mở, ngành còn thiếu GV [H5.5.6.03] [H5.5.1.03]. So với năm học 2015-2016, năm học 2016-2017 số sinh viên của nhiều ngành đào tạo của Trường giảm dần hoặc tăng không đáng kể [H5.5.5.03]. Năm học 2016-2017, mặc dù tỷ lệ SV quy đổi/GV quy đổi của 3 khối ngành đào tạo của Trường đã đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT. Cụ thể: Khối ngành III là 25,11/1; Khối ngành V là 17,03/1; Khối ngành VII là 22,35/1 [H5.5.5.08] và tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi của các ngành có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi của một số ngành đào tạo của Trường còn chưa cân đối [H5.5.5.03]. Nguyên nhân chủ yếu của việc chưa đạt được tỷ lệ trung bình SV quy đổi/ GV quy đổi là do việc tuyển sinh không đồng đều giữa các ngành thuộc lĩnh vực Kinh tế, Công nghệ thông tin với các ngành thuộc lĩnh vực Kỹ thuật, Khoa học Hàng hải trong những năm gần đây.

Để giảm được tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi tại một số ngành đào tạo, ngoài việc tuyển dụng bổ sung, Trường đã mời giảng viên thỉnh giảng về giảng dạy đại học và sau đại học để tăng cường, hỗ trợ cho đội ngũ giảng viên của Trường [H5.5.5.09]. Bởi vậy, Trường không có hiện tượng cắt bỏ giờ học do thiếu giảng viên cơ hữu.

Đội ngũ GV tham gia giảng dạy cho CTĐT chất lượng cao được Trường lựa chọn những người có trình độ thạc sĩ trở lên, ưu tiên sử dụng các nhà khoa học có học hàm PGS, trình độ tiến sĩ, được đào tạo ở các nước phát triển, có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 trở lên, sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giảng dạy và có phương pháp giảng dạy hiệu quả, nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy CTĐT chất lượng cao [H5.5.5.02] [H4.4.2.10].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV có học hàm GS, PGS và có trình độ tiến sĩ chiếm tỷ lệ cao. Đội ngũ GV trong độ tuổi quy định của Trường có trình độ tiếng anh đạt chuẩn quốc

tế đủ điều kiện tham gia giảng dạy CTĐT chất lượng cao, CTĐT tiên tiến của Trường, NCKH và chuyển giao công nghệ.

3. Tồn tại

Tỷ lệ SV quy đổi / GV quy đổi của một số ngành đào tạo của Trường còn chưa cân đối.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017 và các năm tiếp theo, Trường có kế hoạch xin bổ sung biên chế và tổ chức tuyển dụng GV để tăng cường số lượng GV cơ hữu, giảm dần tỷ lệ trung bình SV quy đổi / GV quy đổi của những ngành đang có tỷ lệ cao.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.6. *Đội ngũ GV đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả

Đội ngũ GV của Trường cơ bản đạt trình độ chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác theo đúng quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học [H1.1.2.01] [H5.5.5.01]. Cụ thể:

- Có tư tưởng, lập trường chính trị, phẩm chất đạo đức tốt;
- Lý lịch bản thân rõ ràng; Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính qui loại Khá trở lên. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của chương trình đào tạo đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc. Các giảng viên giảng dạy chương trình tiên tiến có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt 6.0 IELTS trở lên [H5.5.5.03].

Theo quy định riêng của Trường, đội ngũ GV tuyển dụng mới, ngoài các yêu cầu trên phải là người tốt nghiệp hệ chính qui loại giỏi, có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt 6.0 IELTS hoặc tương đương [H5.5.1.05÷06] [H5.5.6.03]. Ưu tiên tuyển dụng những người có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ hoặc được đào tạo tại nước ngoài.

Cơ cấu trình độ của đội ngũ giảng viên của Trường (bao gồm cả giảng viên giảng dạy thực hành, thí nghiệm và trợ giảng) như sau:

Tổng số GV	Học hàm		Trình độ			Chứng chỉ BDNVSP	Chứng chỉ tin học VP	Chứng chỉ Ngoại ngữ
	GS	PGS	TSKH, TS	ThS	ĐH			
693	02	41	117	493	83	508	362	674
Tỷ lệ (%)	0,29	5,92	16,88	71,14	11,98	73,30	52,24	97,26

Hầu hết đội ngũ GV của các khoa, viện chuyên môn của Trường đều có đủ thành phần GV có học hàm GS, PGS hoặc có trình độ TS. 100% GV Trường được bố trí chuyên môn giảng dạy phù hợp với chuyên ngành được đào tạo [H5.5.6.01].

Một số GV trợ giảng tham gia hướng dẫn thực hành, thí nghiệm tại các Khoa, Viện, Trung tâm Cơ khí thực hành và GV tập sự chưa đạt trình độ chuẩn về chuyên môn. Hiện tại, các giảng viên tập sự đang học cao học trong và ngoài nước để đạt trình độ chuẩn giảng viên [H5.5.6.04].

Đội ngũ GV của các ngành đào tạo đảm bảo về cơ cấu chuyên môn và trình độ, phù hợp với nhiệm vụ đào tạo, có đủ thành phần giảng viên cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành [H5.5.5.01] [H5.5.5.03].

Từ năm 2015, Trường đã xây dựng Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2015-2025 nhằm tăng cường xây dựng đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao ở các ngành đào tạo. Khuyến khích GV đi đào tạo tại nước ngoài theo Đề án, Hiệp định của Chính

phủ hoặc thỏa thuận hợp tác đào tạo với các Trường đối tác [H5.5.1.11] [H5.5.6.02].

Trình độ tin học của đội ngũ GV đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và NCKH [H5.5.6.01]. Đồng thời, Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng tin học nâng cao cho đội ngũ GV, trang bị máy chiếu projector (hoặc TV) cho 100% giảng đường, phòng học nhằm khuyến khích giảng dạy bằng giáo án điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và NCKH [H5.5.6.05] [H1.1.1.09] [H9.9.4.07].

Đa số GV của Trường có thể sử dụng ngoại ngữ để phục vụ công tác giảng dạy và NCKH. Từ năm 2013, Trường quy định đối với GV sinh từ năm 1981 trở lại phải tự bồi dưỡng để đạt chuẩn tiếng Anh của Trường đề ra (6.0 IELTS và tương đương) và hỗ trợ kinh phí học tập sau khi đạt chuẩn [H5.5.1.05÷06] [H5.5.6.06]. Đến nay, nhiều GV có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và 100% GV trong độ tuổi quy định đã đạt chuẩn ngoại ngữ của Trường [H5.5.5.01].

2. Điểm mạnh

Trường có “*Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2015-2025*”.

Nhiều GV được đào tạo đại học và sau đại học ở nước ngoài.

100% giảng viên sinh từ năm 1981 trở lại có chứng chỉ tiếng Anh đạt 6.0 IELTS quốc tế và tương đương.

3. Tồn tại

Số lượng GV có học vị tiến sĩ của một số ngành mới mở chưa nhiều.

Một số giảng viên tập sự mới tuyển dụng chưa đạt trình độ thạc sĩ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017 Trường tiếp tục thực hiện Đề án “*Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2015-2025*”.

Ưu tiên tuyển dụng những người có trình độ tiến sĩ đúng chuyên ngành về làm GV của Trường, đặc biệt cho các ngành mới mở.

Cử GV tập sự đi đào tạo trình độ thạc sĩ để đạt chuẩn nhà giáo theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ GV được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ GV theo quy định.

1. Mô tả

Đội ngũ GV cơ hữu của Trường gồm 693 người, trong đó có 117 TS chiếm tỷ lệ 16,88% (bao gồm 43 GS và PGS chiếm tỷ lệ 6,2%), 493 ThS chiếm tỷ lệ 71,14% [H5.5.5.01] [H5.5.5.05].

Theo thống kê, về thâm niên công tác chuyên môn của GV Trường như sau: số GV có thâm niên công tác chuyên môn dưới 10 năm chiếm tỷ lệ 45,45% (315/693); số GV có thâm niên công tác chuyên môn từ 10 đến dưới 20 năm chiếm tỷ lệ 29,58% (209/693); số GV có thâm niên công tác chuyên môn trên 20 năm chiếm tỷ lệ 24,39% (169/693), thâm niên công tác trung bình của GV Trường là 13,43 năm [H5.5.5.01] [H5.5.7.01]. Như vậy đội ngũ GV của Trường tương đối cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn theo quy định.

Về cơ cấu độ tuổi của đội ngũ GV: số GV dưới 30 tuổi chiếm tỷ lệ 20,06% (139/693); số GV trong độ tuổi 31-40 chiếm tỷ lệ 45,16% (313/693), số GV trong độ tuổi 41-50 là 17,03% (118/693), số GV trên 50 tuổi chiếm tỷ lệ 13,18% (123/693), độ tuổi trung bình của đội ngũ GV Trường là 38 tuổi [H5.5.5.01]. Đây là độ tuổi hợp lý và có xu hướng giảm dần trong những năm qua.

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu đào tạo của từng ngành, vị trí công việc, số giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác, Trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng GV để bổ sung vào đội ngũ cán bộ giảng dạy tại các khoa chuyên môn nhằm mục đích giảm tỷ lệ trung bình SV/GV và trẻ hóa đội ngũ giảng dạy [H5.5.7.02] [H5.5.5.01] [H5.5.5.03].

Theo quy định của Trường, GV được tuyển dụng mới về Trường phải tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên đồng thời có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt từ 6.0 IELTS hoặc tương đương trở lên, đủ tiêu chuẩn đi học ở nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ưu tiên tuyển dụng những người có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, có kinh nghiệm công tác hoặc được đào tạo tại nước ngoài. [H5.5.1.05÷06].

Đề giảng viên trẻ sớm hình thành tác phong, nghiệp vụ và tích lũy kinh

nghiệm công tác chuyên môn giảng dạy và NCKH, từ năm 2014-2015 Trường bố trí GV có kinh nghiệm hướng dẫn tập sự giảng dạy cho giảng viên trẻ trong thời gian 3 năm đầu kể từ khi được tuyển dụng, hỗ trợ 30% lương cơ sở vào lương hàng tháng cho giảng viên hướng dẫn [H5.5.7.03] [H5.5.1.06].

Khuyến khích cán bộ, GV tham gia bồi dưỡng kiến thức thực tế tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, viết sách và đăng các bài báo khoa học trên tạp chí, báo khoa học quốc tế có uy tín [H5.5.7.04÷05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ GV trẻ chiếm tỉ lệ cao, sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp (6.0 IELTS hoặc tương đương), có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.

3. Tồn tại

Đội ngũ GV trẻ còn thiếu kiến thức thực tế về chuyên môn và phương pháp NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường quy định cứ 5 năm giảng dạy GV được đi bồi dưỡng kiến thức thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp một lần ít nhất 4 tháng.

Tiếp tục cử GV có kinh nghiệm hướng dẫn tập sự chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy, NCKH cho GV trẻ trong thời gian 3 năm đầu kể từ khi được tuyển dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 5.8. *Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.*

1. Mô tả

Tính đến tháng 4/2017, Trường có 218 kỹ thuật viên và nhân viên làm việc tại các khoa, viện và phòng ban chức năng của Trường. Đội ngũ kỹ thuật viên

và nhân viên có cơ cấu phù hợp, đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và trình độ chuyên môn, đáp ứng tốt nhu cầu hỗ trợ cho các cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên của Trường trong việc sử dụng các trang thiết bị, phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH.

Bảng thống kê cơ cấu trình độ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên (không kể cán bộ quản lý) như sau [H5.5.8.01] [H5.5.5.05]:

Tổng số	Trình độ				Chứng chỉ Quản lý hành chính	Chứng chỉ tin học VP	Chứng chỉ Ngoại ngữ
	ThS	ĐH	CD	Trình độ khác			
218	81	101	1	35	47	118	150

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường có trình độ khá cao (ThS chiếm 37,16 %, ĐH chiếm 46,33%).

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, chuyên môn được đào tạo, sử dụng thành thạo tin học văn phòng trong công tác quản lý, phục vụ, có trình độ ngoại ngữ đủ khả năng đáp ứng công việc được giao [H5.5.8.02].

Phần lớn kỹ thuật viên trẻ đã tiếp cận tốt việc sử dụng và sửa chữa các trang thiết bị hiện đại. Đây là đội ngũ đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn sử dụng, quản lý và bảo trì các hệ thống, trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng mô phỏng, thư viện của Trường. Ngoài ra, nhiều kỹ thuật viên, nhân viên có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm được Trường trang bị để nâng cao hiệu quả quản lý của Trường [H1.1.1.09] [H9.9.3.03].

Các đơn vị của Trường đã được xây dựng quy trình làm việc theo quy trình QLCL ISO 9001:2008. Hàng năm, Trường rà soát, tự đánh giá nội bộ hệ thống và chỉnh sửa các quy trình quản lý chất lượng [H2.2.5.13] [H2.2.6.02] [H1.1.1.16]

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và hỗ trợ kịp thời sự đổi mới chương trình đào tạo, phục vụ có hiệu quả việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Trường luôn quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện về kinh phí, thời gian cho

đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ, tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do Trường hoặc các đơn vị ngoài Trường tổ chức như: nghiệp vụ chuyên môn, quản lý nhà nước, quản lý giáo dục, tin học, các kỹ năng sử dụng ngoại ngữ [H5.5.8.03÷04].

Bên cạnh đó, Trường định kỳ tổ chức giao ban về công tác đào tạo, giao ban công tác sinh viên, Hội nghị CBVC các cấp và Hội nghị dân chủ sinh viên hàng năm. Đó là dịp để các tập thể, cá nhân cán bộ giảng viên và sinh viên của Trường đóng góp ý kiến cho các phòng ban chức năng về các mặt hoạt động hỗ trợ phục vụ nhằm đánh giá những thành tích cũng như Tồn tại trong hoạt động của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên. Từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm cải tiến chất lượng phục vụ công tác đào tạo và NCKH của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên [H1.1.2.05÷06] [H2.2.5.15] [H5.5.2.02].

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát bằng hình thức lấy phiếu thăm dò ý kiến, kết quả cho thấy đa số giảng viên và người học có ý kiến ở mức hài lòng trở lên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên. Đây là cơ sở để đánh giá những thành tích cũng như các mặt còn tồn tại để đưa ra các biện pháp khắc phục kịp thời nhằm điều chỉnh tác phong, lề lối làm việc, phục vụ của đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập của Trường [H2.2.5.10÷12]

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH, góp phần vào thành tích chung của đơn vị và Trường, được xét tặng danh hiệu thi đua do hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H5.5.2.05]. Qua đó, nhiều người đã được Trường đề nghị khen tặng các danh hiệu, Bằng khen các cấp do có nhiều thành tích trong việc thực thi nhiệm vụ [H5.5.8.05].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường có trình độ thạc sĩ trở lên cao.

3. Tồn tại

Một số kỹ thuật viên chưa tiếp cận, sử dụng thành thạo các thiết bị, công nghệ mới.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường có kế hoạch cử đội ngũ kỹ thuật viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, sử dụng các thiết bị, công nghệ mới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 5:

Đội ngũ cán bộ quản lý, GV, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường hiện nay tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, NCKH của Trường. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý và năng lực chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công tác đang đảm nhiệm. Trong thời gian tới, Trường cần tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, GV, kỹ thuật viên, nhân viên của Trường đảm bảo đạt chuẩn về số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu theo quy định, đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với quy mô đào tạo thực tế của Trường, từng bước xây dựng Trường trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia.

Tiêu chuẩn 6 : Người học

Mở đầu

Người học là đối tượng đào tạo, huấn luyện của Trường. Trường luôn đề cao đến chất lượng đào tạo, huấn luyện, tạo điều kiện tối đa để người học phát huy hết khả năng học tập, rèn luyện. Trường đã có những chính sách và biện pháp nhằm đảm bảo các quyền hợp pháp, lợi ích của người học, đồng thời bồi dưỡng, định hướng cho người học tham gia quá trình học tập, rèn luyện một cách tích cực, chủ động trau dồi cả về kiến thức chuyên môn và tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng xã hội với mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học. Trường cũng đã chú trọng tới việc đánh giá người học thông qua các đơn vị sử dụng lao động để từ đó có kế hoạch điều chỉnh về chất lượng và quy mô đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Từ năm 2007, Trường đã bắt đầu áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ, với phương châm lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo, người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo, sự phù hợp của chương trình đào tạo của Trường và các quy định trong quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được đảm bảo chế độ chính sách xã hội theo quy định. Trường cũng luôn quan tâm và có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm và tự tạo việc làm, đặc biệt các việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Trường cung cấp đầy đủ thông tin và hướng dẫn cụ thể về chương trình đào tạo, các quy định, quy chế đào tạo, quy chế công tác sinh viên đến người học. Việc cung cấp thông tin và hướng dẫn được thực hiện theo từng giai đoạn trong suốt khóa học.

Vào đầu khóa học, Trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên nhằm cung cấp thông tin cơ bản cần thiết cho các tân sinh viên [H6.6.1.01], mỗi SV được cấp 01 cuốn sổ tay SV để tra cứu, trao đổi tương tác trong các chuyên đề của Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, sổ tay sinh viên cung cấp các nội dung chính như: mục tiêu đào tạo, khung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, điều kiện tốt nghiệp, quy chế đào tạo, quy chế CTSV và các thông tin cần thiết khác ... [H6.6.1.02]. Kết thúc Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, các sinh viên phải viết bài thu hoạch, những sinh viên viết thu hoạch không đạt, Trường yêu cầu viết lại cho đến khi đạt nên 100% sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chương trình đào tạo, các quy định, quy chế. Trường tổng kết và có thống kê kết quả thực hiện và gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo [H6.6.1.01].

Trong từng học kỳ, người học được hướng dẫn đầy đủ về đề cương các học phần, các hình thức kiểm tra, đánh giá các học phần. Ở các buổi học đầu, người học được giảng viên trực tiếp hướng dẫn đề cương, mục đích môn học trang bị cho người học, yêu cầu của môn học, phương pháp học, hình thức kiểm tra,

đánh giá học phần. [H3.3.1.14].

Trường phổ biến đầy đủ các quy định theo quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, QĐ 43/2007/QĐ/BGDĐT ngày 15/8/2017 ban hành Quy chế học sinh, sinh viên hệ chính quy, Dựa trên quy chế của Bộ GD&ĐT, Trường xây dựng và phổ biến Quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ và Quy chế công tác sinh viên [H6.6.1.03]. Các thông tin cập nhật thường xuyên, liên tục và phổ biến đến người học bằng nhiều kênh khác nhau như: sổ tay sinh viên, trang thông tin điện tử của Trường là <http://vimaru.edu.vn/>, qua trang mạng xã hội, bảng tin, thông qua các tổ chức đoàn thể, đội ngũ cố vấn học tập, trợ lý công tác sinh viên, giáo vụ, các giảng viên [H6.6.1.04].

2. Điểm mạnh

Hình thức hướng dẫn đa dạng, nhanh chóng thông qua: sổ tay sinh viên; thông tin điện tử của Trường, qua trang mạng xã hội, bảng tin, các diễn đàn và qua đội ngũ cán bộ làm công tác sinh viên, cố vấn học tập ...

3. Những tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của người học về tiếp nhận các quy định hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

Năm 2017, Trường xây dựng phần mềm “Học bạ điện tử” nhằm hỗ trợ tra cứu, trao đổi thông tin.

Từ năm học 2016-2017, Trường cấp email cho toàn thể sinh viên để tiện trao đổi thông tin, thiết kế phần mềm và gửi mail cho sinh viên để lấy ý kiến phản hồi trực tuyến (hiện tại đang rà soát tiến độ thực hiện).

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Trường.

1. Mô tả

Trường đã thực hiện các chính sách xã hội cho tất cả các đối tượng người học thuộc diện chính sách theo đúng quy định của Nhà nước trong các năm học. Năm học 2016-2017: xét miễn giảm học phí cho 452 SV; xác nhận vay vốn cho 2500 SV; học bổng khuyến khích học tập cho 766 sinh viên xét cho học kỳ I năm học 2016-2017 ... [H6.6.2.01÷02].

Trường có Trạm Y tế là cơ sở có đủ tiêu chuẩn khám chữa bệnh, cấp cứu ban đầu với các nhân sự gồm 2 bác sỹ (trình độ sau đại học) 01 y sỹ và 01 điều dưỡng viên,... và cơ sở vật chất đảm bảo khám chữa bệnh thông thường và cấp cứu cho người bệnh kịp thời. Trạm Y tế được tổ chức và hoạt động theo “Quy chế làm việc của Trạm Y tế” được xây dựng dựa trên Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trạm Y tế. Trạm Y tế luôn có kế hoạch của năm học, Quy chế làm việc và chế độ báo cáo định kỳ về việc khám sức khỏe cho sinh viên [H6.6.2.04] [H6.6.2.05].

Trạm Y tế của Trường tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào đầu khóa học, cuối khóa học và khám sức khỏe theo nhu cầu của sinh viên. Trạm Y tế có đội ngũ cán bộ y tế trực giảng đường, trường lại ở vị trí sát với Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng nên rất thuận tiện cho việc chăm sóc sức khỏe, kịp thời giải quyết các sự vụ liên quan đến công tác y tế. Trường liên kết với bệnh viện Đa khoa Hồng Phúc là cơ sở y tế đủ điều kiện để phục vụ vào các đợt khám sức khỏe với số lượng lớn như khám sức khỏe cho sinh viên đầu khóa, cuối khóa [H6.6.2.03].

Trường có điều kiện tốt về cơ sở vật chất để tập luyện và phục vụ hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho người học: có hội trường lớn 750 chỗ đáp ứng việc tổ chức các sự kiện lớn, số lượng người nhiều, có phòng tập văn nghệ cho đội văn nghệ của Trường tại tầng 1 nhà A9, sân vận động lớn có thể tổ chức các sự kiện thể dục thể thao, bể bơi đa năng phục vụ tốt cho sinh viên toàn

trường, đặc biệt khối đi biển, nhà thi đấu thể thao đang nâng cấp xây mới [H9.9.2.01] [H9.9.2.03].

Trường thường xuyên tổ chức các Hội diễn văn nghệ, giao hữu thể thao nhân dịp các ngày Lễ lớn của đất nước, thành phố và Trường như: giải bóng đá sinh viên toàn Trường, “Hội thao toàn Trường” nhân ngày Nhà giáo Việt Nam, ngày thành lập Trường, ngày thành lập Quân đội nhân dân, tổ chức các hội thi đơn ca sinh viên toàn Trường, chương trình “Tiếng hát từ mái trường Đại dương”, “Hát về mái trường Đại dương”, các chương trình gala sinh viên “Lễ hội tháng Giêng” của các khoa/ viện ... [H6.6.2.06].

Trường có Ban Bảo vệ chuyên trách về công tác an ninh, trật tự, có các biện pháp để đảm bảo an toàn, an ninh trong trường học: bố trí lực lượng bảo vệ, có phương án bảo vệ trường, có nội quy bảo vệ trường, nội quy giảng đường, nội quy xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, Quy chế CTSV để sinh viên chấp hành các nội quy, quy định [H6.6.2.07].

Trường có hệ thống camera giám sát các giảng đường, các cổng ra vào và khuôn viên trường, công tác an ninh trường được đảm bảo Trong 5 năm qua không có trường hợp nào bị đe dọa hoặc bị hại về sức khỏe tính mạng, hay xảy ra trộm cắp hoặc sự cố về an ninh [H6.6.2.08]. Công tác an ninh, bảo vệ người học được Trường thực hiện tốt thông qua việc liên kết với công an các phường lân cận, mỗi khoa liên kết với 01 phường để nắm bắt và phối hợp khi có sự vụ liên quan đến sinh viên của Trường [H6.6.2.09].

2. Điểm mạnh

Điều kiện cơ sở vật chất dành cho hoạt động, tập luyện văn nghệ, TDTT tốt.

3. Những tồn tại

Chưa có camera an ninh tại kí túc xá khu C.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, thực hiện lắp camera an ninh cho kí túc xá khu C

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Hàng năm, Trường luôn có kế hoạch tổ chức triển khai giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học. Mỗi học kỳ, Trường tổ chức giao ban CTSV từ 02 đến 03 lần và đưa ra thông báo về các hoạt động CTSV trong thời gian tới. Đảng ủy, Ban Giám hiệu có các Nghị quyết, chương trình hành động chỉ đạo Phòng CTSV, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên về kế hoạch tổ chức triển khai giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho người học [H6.6.3.01], [H2.2.4.11].

Các nội dung giáo dục, rèn luyện được Trường Phổ biến trong Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa khi sinh viên mới nhập học [H6.6.1.01], tiếp đó là trong các buổi chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp [H6.6.1.04] và trong các chương trình, các kế hoạch, các chuyên đề của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên trong từng tháng, quý, năm và từng giai đoạn [H6.6.3.02].

Đoàn Thanh niên tổ chức rất nhiều các buổi ngoại khóa về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và thế giới với mục đích giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho người học như: Kế hoạch thực hiện đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Trường, Tuyên truyền phòng chống tác hại của thuốc lá, cuộc thi “Sinh viên Hàng hải – những câu chuyện đẹp”, câu lạc bộ “Sinh viên 5 tốt”, Hội thi sinh viên làm theo lời Bác, sống đẹp vì cộng đồng, cuộc thi tìm hiểu huyền thoại đường Hồ Chí Minh trên biển, các cuộc vận động và tổ chức hiến máu tình nguyện, Hội nghị truyền thông HIV/AIDS, chương trình dọn vệ sinh – xóa quảng cáo bẩn ... [H6.6.3.03].

Định kỳ hàng năm, Trường 2 lần đánh giá rèn luyện sinh viên vào cuối mỗi học kỳ. Học kỳ 1 năm học 2016-2017 trường có tổng kết 89.24% sinh viên đạt loại khá trở lên. Các học kỳ khác khoảng 90% sinh viên đạt loại rèn luyện khá trở lên [H6.6.3.04].

Trong 5 năm qua, với những thành tích đã đạt được Trường được Nhà nước, Bộ GD&ĐT và Bộ Giao thông vận tải đánh giá cao. Năm 2016 Trường đã đón nhận Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong dịp Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường. Năm học 2014-2015, Phòng CTSV được Bộ Giao thông vận

tài đánh giá là đơn vị lao động xuất sắc, Ban chấp hành Đoàn trường đã được Ban chấp hành trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản HCM tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên trường học. Trường nhận được rất nhiều bằng khen khác trong các năm học... [H6.6.3.05].

Hàng năm Trường có các hoạt động tổng kết về công tác chính trị [H6.6.3.06], 100% SV Trường có tư tưởng chính trị vững vàng, không vi phạm pháp luật, tổng kết các buổi nói chuyện ngoại khóa, thống kê về tỷ lệ người học tham gia các phong trào tìm hiểu học tập chính trị tư tưởng; tham gia các hoạt động xã hội [H6.6.3.07], xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm để răn đe, giáo dục kịp thời [H6.6.3.08]. Đồng thời khen thưởng các tấm gương điển hình tiên tiến nhằm nhân rộng các nhân tố tích cực, mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng [H6.6.3.09].

2. Điểm mạnh

Công tác giáo dục, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống thực hiện tốt, được cấp trên khen thưởng nhiều về các thành tích, phong trào thi đua trong sinh viên.

3. Tồn tại

Hiện nay vẫn còn một bộ phận người học chưa chủ động và tích cực trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường thay đổi mô hình quản lý, giáo dục, quy định về công tác cố vấn học tập để phân loại, tư vấn, giúp đỡ các sinh viên yếu kém trong học tập và rèn luyện.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Công tác Đảng, Đoàn thể có biện pháp, hình thức rèn luyện cho người học có nhận thức tốt về chính trị, tư tưởng đạo đức lối sống. Đảng ủy, Ban Giám hiệu có các Nghị quyết, chương trình hành động chỉ đạo hoạt động của các đơn vị, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H2.2.4.11].

Đoàn thanh niên, Hội SV là tổ chức chính trị, thực hiện nhiệm vụ, giáo dục định hướng tư tưởng chính trị cho sinh viên; hàng quý, hàng năm Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên, Hội SV xây dựng kế hoạch hành động theo chủ đề cụ thể [H6.6.3.02]. Trường có tổng số lượng người học nhiều ≈ 15.000 và trong số đó lượng là đoàn viên ≈ 12.500 , sinh viên tình nguyện rất đông đảo 986 SVTN năm học 2016-2017 [H6.6.4.01].

Đoàn thanh niên tổ chức và vận động sinh viên tham gia các hoạt động từ thiện, tình nguyện, nhân đạo, hiến máu nhân đạo, hoạt động mùa hè xanh tình nguyện, tặng quà cho gia đình chính sách, hộ nghèo. Tổ chức các cuộc thi, các câu lạc bộ: đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, các cuộc thi “ Sinh viên Hàng hải, những câu chuyện đẹp”, sinh viên 5 tốt,... Trong 5 năm qua, Trường không có người học tham gia tổ chức phản động, biểu tình trái phép. [H6.6.3.03].

Hàng năm, Trường mở các lớp cảm tình đảng cho người học là các Đoàn viên ưu tú có thêm nhận thức về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và tổ chức kết nạp đảng cho người học hoàn thành tốt lớp học cảm tình đảng. Tổ chức Đảng đưa ra các tiêu chuẩn về học tập, rèn luyện để người học phấn đấu, và tổ chức kết nạp theo đúng Quy trình kết nạp đảng viên mới [H6.6.4.02]. Theo báo cáo đánh giá của tổ chức Đảng, những năm gần đây, số lượng người học được kết nạp đảng tăng hàng năm: năm 2012 là 80, năm 2013 là 91, năm 2014 là 113, năm 2015 là 118, năm 2016 là 128 [H6.6.4.03].

Thông qua công tác tổng kết Trường có biện pháp động viên, khen thưởng, nhân rộng điển hình các tấm gương sinh viên tiêu biểu (200 SV/ năm tiêu biểu trên các lĩnh vực học tập, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, công tác cán bộ Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên tích cực, điển hình, công tác tình

nguyên ...), thông qua Lễ tuyên dương khen thưởng được tổ chức hàng năm [H6.6.3.05], đồng thời có phê bình, kỷ luật các sinh viên mắc sai phạm về lối sống, tư tưởng và đạo đức, vi phạm quy chế công tác sinh viên, [H6.6.3.08].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động phong trào được tổ chức nhiều, có hiệu quả thiết thực, thực hiện tốt tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống cho người học.

3. Những tồn tại

Một số hoạt động phong trào diễn ra vào thời điểm thi học kỳ khó huy động sinh viên tham gia.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Đoàn TN, Hội sinh viên xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với tiến độ học tập năm học, hạn chế tổ chức vào thời điểm thi học kỳ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học

1. Mô tả

Trường đã xây dựng quy định hoạt động hệ thống cố vấn học tập, mỗi cố vấn học tập phụ trách từng nhóm khoảng 20 SV, thường xuyên nắm bắt sâu sát và tư vấn cho SV một cách hiệu quả theo kế hoạch chào cờ - sinh hoạt lớp hàng năm. Trường có văn bản quy định về công tác cố vấn học tập [H6.6.5.01].

Trường đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ việc học tập và rèn luyện của sinh viên trong công tác tư vấn học tập cho sinh viên. Hàng năm, Trường tổ chức chương trình tập huấn công tác cố vấn học tập, trao đổi phương pháp học tập hiệu quả để cố vấn cho sinh viên [H6.6.5.02].

Trường thực hiện hướng dẫn sử dụng thư viện, tìm kiếm sách tài liệu học tập ngay từ khi sinh viên mới nhập trường trong tuần sinh hoạt công dân sinh viên và Thư viện mở lớp khai thác tài nguyên cho các lớp khóa mới [H6.6.1.01]. Thư viện Trường mở các buổi triển lãm, giới thiệu sách báo cung cấp cho người

học nhiều thông tin và tài liệu cần thiết [H6.6.5.03].

Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các Khu nội trú và cố vấn học tập phối hợp tổ chức và xếp chỗ nội trú cho sinh viên khóa mới trong ngày tiếp sinh viên khóa mới nhập học, trong quá trình học tập, người học được hỗ trợ tư vấn, tìm kiếm các thông tin về chỗ ở, khám chữa bệnh, tư vấn tâm lý, hỗ trợ tư vấn tài chính. Trường có Phòng Công tác sinh viên là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tư vấn, hỗ trợ tìm kiếm thông tin trên [H6.6.5.04]. Về công tác tài chính, sinh viên được Trường xác nhận là sinh viên để có thể vay vốn tại ngân hàng chính sách xã hội tại địa phương, sinh viên được tư vấn về các mức vay và mức lãi suất, thời gian vay ... theo Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 08/7/2015 về tín dụng đối với học sinh, sinh viên [H6.6.2.02].

Người học được hỗ trợ trong tìm kiếm việc làm qua các hoạt động giới thiệu vị trí việc làm, thường xuyên tổ chức hội thảo các công ty, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các kỹ năng chuyên môn, Sinh viên của Trường bắt buộc phải học môn học kỹ năng mềm, trang bị cho sinh viên các kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng làm hồ sơ để ngoài ra người học được giới thiệu các công việc làm thêm phù hợp như dạy gia sư, làm việc bán thời gian ... [H6.6.5.05].

Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp với các Khoa/ Viện tổ chức nhiều các câu lạc bộ để hỗ trợ tích cực việc học tập, sinh hoạt của sinh viên: Câu lạc bộ Tiếng Anh VMU; câu lạc bộ tiếng Anh của các Khoa/ Viện, MDEC JUNIOR (Maritime Department English Club) Câu lạc bộ “Sinh viên 5 tốt”; Câu lạc bộ Mạch Điện – tử; Câu lạc bộ Tin học ... [H6.6.5.06].

2. Điểm mạnh

Trường tổ chức hỗ trợ thông tin việc làm, kỹ năng tìm việc cho sinh viên thông qua nhiều hoạt động kết nối doanh nghiệp, hội thảo.

3. Những tồn tại

Tỷ lệ sinh viên tham gia các câu lạc bộ chưa thực sự cao so với số lượng sinh viên đông đảo của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, Trường vận động thêm nhiều sinh viên tham gia các câu lạc bộ (đặc biệt là các câu lạc bộ tiếng Anh, tin học) bằng cách tư vấn

các lợi ích của việc tham gia câu lạc bộ; Tuyên truyền các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ; tuyên truyền việc thực hiện chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học; Lấy tiêu chí việc tham gia các câu lạc bộ để đánh giá điểm rèn luyện cuối kỳ.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Trường cho người học

1. Mô tả

Với tiêu chí lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo, ngoài đào tạo về nghề nghiệp, Trường còn chú trọng đến việc rèn luyện đạo đức, tác phong để sinh viên trở thành những kỹ sư, cử nhân vừa giỏi tay nghề lại vừa được định hướng tư tưởng chấp hành đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Trường tổ chức các đợt tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước và nội quy của nhà trường thông qua kế hoạch Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, kế hoạch chào cờ, sinh hoạt của các cố vấn học tập [H6.6.1.01].

Hàng năm, Trường có các buổi nói chuyện chuyên đề của bí thư Đoàn trường cho toàn bộ sinh viên khóa mới trong Tuần sinh hoạt công dân sinh viên là chuyên đề “Công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong trường đại học, cao đẳng”. Đoàn thanh niên có chuyên đề tập huấn đối với các cán bộ lớp là lớp trưởng, bí thư và cán bộ đoàn, hội đề trang bị về tư tưởng và kỹ năng cần thiết cho đội ngũ cán bộ lớp nhằm tuyên truyền cho các sinh viên khác [H6.6.6.01]. Chương trình tập huấn có nội dung chính là học tập chính trị, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và nội quy, quy chế của Trường; các kế hoạch hoạt động của Ban Chấp hành Đoàn trường, của Liên Chi đoàn Khoa/Viện, tuyên truyền học tập nghị quyết Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh thành phố. Thực hiện “Cuộc vận động Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cụ thể hóa thành cuộc vận động, các hoạt động phong trào ...[H6.6.3.03].

Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên thực hiện các chuyên đề, các chương trình tuyên truyền, tập huấn với nhiều tài liệu như: Sổ tay bí thư chi đoàn, 6 bài học lý luận chính trị cho Đoàn viên thanh niên, tài liệu định hướng công tác tuyên huấn về biển đảo, Đường lối bờ, một yêu sách phi lý, Tài liệu giáo dục giới tính, phòng chống tệ nạn mại dâm H6.6.6.02].

Sau mỗi đợt thi đua, mỗi năm học Trường tổ chức tổng kết các hoạt động, thực hiện báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên, thống kê các buổi tuyên truyền, giáo dục, nói chuyện chuyên đề. Trường tổ chức các Lễ tuyên dương những sinh viên có thành tích trong học tập và trong rèn luyện, trong các hoạt động tình nguyện, các hoạt động xã hội có hình thức động viên, khen thưởng các cấp về các hoạt động trên [H6.6.6.03].

Trong mỗi học kỳ, Trường tổ chức Hội nghị giao ban công tác sinh viên 02 đến 03 lần nhằm tổng kết lại CTSV đã thực hiện, nêu ra các mặt làm tốt để phát huy, xem xét mặt tồn tại, đồng thời thống kê sinh viên vi phạm kỷ luật về học tập và rèn luyện, tìm ra nguyên nhân, tìm giải pháp giảm các vi phạm, giúp cho sinh viên nhận thức tốt hơn, học tập và rèn luyện tốt hơn [H6.6.3.01].

2. Điểm mạnh

Có chương trình hành động phù hợp, hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, dựa vào kết quả lĩnh hội kiến thức (bài thu hoạch) làm tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện sinh viên.

3. Những tồn tại

Công tác phối hợp trong thực hiện tuyên truyền, giáo dục đôi khi còn chồng chéo dẫn đến nhiều khi công việc bị gián đoạn, chưa phát huy được nội lực vốn có của bộ phận chuyên trách.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường phân công lại nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho bộ phận liên quan trong công tác tuyên truyền, giáo dục, đạo đức, lối sống cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo

1. Mô tả

Vấn đề việc làm cho sinh viên sau khi ra trường được Trường luôn luôn quan tâm, sâu sát, là trường trọng điểm quốc gia được Nhà nước, chính phủ quan tâm với nhiều chế độ ưu đãi, hỗ trợ; mặt khác Trường lại nằm trong địa bàn TP. Hải Phòng, một thành phố mạnh về phát triển kinh tế biển; cơ hội việc làm đến với sinh viên sau khi tốt nghiệp rất lớn; để công tác giới thiệu việc làm cho sinh viên được Trường thực hiện một cách bài bản.

Trường có Trung tâm đào tạo và giới thiệu việc làm (thành lập từ tháng 12 năm 1995), đây là đơn vị kết nối sinh viên với các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng để người học có cơ hội kiếm được việc làm phù hợp với năng lực và nhu cầu [H6.6.7.01].

Hàng năm Trường chỉ đạo Trung tâm đào tạo và GTVL, các phòng ban chức năng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức Hội chợ giới thiệu việc làm, nhằm kết nối doanh nghiệp với các sinh viên đang thực tập và những sinh viên đã ra trường (Giới thiệu các chương trình làm việc tại Nhật, tại các khu công nghiệp, khu chế xuất Nomura, Đình vũ, Trảng Duệ,..) [H6.6.7.02].

Định kỳ, Trường có khảo sát và thống kê tình hình việc làm sinh viên sau khi ra trường [H6.6.7.03] theo mẫu thống kê ban hành theo thông báo [H6.6.7.06] và dữ liệu thông tin sinh viên cập nhật khi ra trường [H6.6.7.07]. Các báo cáo thống kê hàng năm về số lượng người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hàng năm. Trường tổng kết thành báo cáo năm về các hoạt động liên kết với các doanh nghiệp/nhà tuyển dụng: cho người học thực tập tại doanh nghiệp/đơn vị, các hoạt động nghiên cứu chuyển giao công nghệ có sử dụng người học làm việc cho doanh nghiệp/tổ chức; tuyển chọn người học làm việc cho doanh nghiệp/tổ chức [H6.6.7.04÷05].

Trong chương trình đào tạo có mô tả đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm, có quy định các chuẩn đầu ra cho người học [H3.3.1.14].

2. Điểm mạnh

Trường có các trung tâm, công ty và tạo được nhiều mối liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước đặc biệt ngành kinh tế biển.

3. Những tồn tại

Một số Khoa/ Viện tự tổ chức hoạt động giới thiệu việc làm chưa phối hợp với Phòng Công tác sinh viên và trung tâm đào tạo & giới thiệu việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, các đơn vị trong Trường triển khai đa dạng hóa hoạt động giới thiệu việc làm và phối hợp với các đơn vị đầu mối chính là Phòng CTSV và trung tâm đào tạo & giới thiệu việc làm:

- Quảng bá các ngành nghề đào tạo đến tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn Hải Phòng và cả nước.

- Khai thác sự giúp đỡ của Hội cựu sinh viên của trường hỗ trợ Trường trong công tác tạo công ăn việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo

1. Mô tả

Trường luôn chú trọng vấn đề đầu ra việc làm cho người học; Trường có đơn vị chức năng làm nhiệm vụ liên lạc và quản lý các số liệu về sinh viên đã tốt nghiệp đó là Phòng Công tác sinh viên. Hàng năm, Phòng Công tác sinh viên kết hợp với Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm kết nối với các doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất tiến hành giới thiệu về số lượng sinh viên đã tốt nghiệp, chuẩn bị tốt nghiệp với các ngành nghề được Trường đào tạo.

Hàng năm, Trường có khảo sát về việc người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trường thường xuyên liên lạc với người học đã tốt nghiệp thông qua đội ngũ cố vấn học tập / cán bộ lớp, thông qua email điện tử nhằm nắm bắt được tình hình người học có việc làm [H6.6.7.06].

Trường cũng thường xuyên thống kê tình hình việc làm của người học. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy trong những năm gần đây vẫn còn dưới 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo trong năm đầu sau khi tốt nghiệp do công tác lấy dữ liệu chưa thực sự chuẩn xác [H6.6.7.03].

Hàng năm, vào dịp kỷ niệm ngày thành lập trường (01/04) và ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11) đều tổ chức liên hoan gặp mặt các thế hệ thầy trò tại các đơn vị. Qua đó kết nối được liên lạc giữa cựu sinh viên các khóa đã ra trường và sinh viên đang học, tạo điều kiện trong công tác hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho sinh viên sẽ ra trường trong tương lai; Hàng năm, Hội cựu giáo chức các Khoa vẫn tổ chức sinh hoạt đều đặn. Có ban liên lạc cựu sinh viên thường xuyên trao đổi, ngoài việc giúp đỡ nhau cùng hợp tác, phát triển; đồng thời cũng cung cấp thông tin về việc làm. [<http://ctsv.vimaru.edu.vn/bai-viet/gap-go-cac-he-cuu-sinh-vien-dh-hang-hai-viet-nam-tai-tp-ho-chi-minh-nhan-dip-ky-niem-60-nam>].

2. Điểm mạnh

- Thông tin đa chiều giữa doanh nghiệp và phòng chức năng của Trường;
- Đội ngũ cựu sinh viên đã và đang nắm giữ các cương vị chủ chốt của những doanh nghiệp tuyển dụng nhân sự có ngành nghề phù hợp với chương trình đào tạo của Trường.

3. Những tồn tại

Tỷ lệ sinh viên cung cấp thông tin khảo sát việc làm sau khi ra trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017: Trường tiến hành xây dựng các kênh thông tin liên hệ giữa Trường với các cựu sinh viên giữ các vị trí chủ chốt trong các công ty, doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng.

Phối hợp thực hiện thông báo, đưa tin và tổ chức giới thiệu việc làm theo nhiều kênh và thống nhất tập hợp tin tuyển dụng về đầu mối Phòng CTSV và Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm của Trường.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Trường có văn bản quy định chức năng và nhiệm vụ cho Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng lập kế hoạch và tổ chức triển khai công tác người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và chất lượng chương trình đào tạo. Phòng Khảo thí & đảm bảo chất lượng là đơn vị thiết kế và điều chỉnh các mẫu phiếu khảo sát đánh giá [H2.2.2.07].

Tất cả người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học. Trường có kế hoạch và thông báo việc triển khai thăm dò ý kiến người học, quy định phân cấp công tác thăm dò lấy ý kiến và có các biểu mẫu phiếu thăm dò ý kiến để người học tham gia đánh giá chất lượng khi kết thúc môn học [H2.2.5.10], [H2.2.5.11], [H6.6.9.01].

Tất cả người học được tham gia đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Để thực hiện điều này, Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng CTSV, các Khoa/ Viện thường xuyên tiến hành lấy phiếu khảo sát trên cơ sở các thông tin của sinh viên và việc cập nhật thông tin khi sinh viên tốt nghiệp ra trường. Trường có các mẫu phiếu thăm dò đánh giá chương trình đào tạo dành cho sinh viên năm cuối, sắp tốt nghiệp ra trường. Từ đó có kết quả thống kê để phản ánh với Trường. Các ý kiến phản hồi được trường tổng hợp và xem xét đưa ra các biện pháp điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập. [H2.2.5.10÷12].

Người học đã tham gia đánh giá dựa trên các phiếu đánh giá. Đối với sinh viên còn đang học Trường tổ chức phát phiếu khảo sát, đánh giá tại lớp học phần và gửi email. Đối với sinh viên đã tốt nghiệp Trường gửi mẫu khảo sát, đánh giá qua email, một số trường hợp trao đổi qua điện thoại. Để công tác khảo sát được thực hiện dễ dàng, thuận tiện và nhanh hơn Trường đã triển khai xây dựng phần mềm "Lấy phiếu thăm dò trực tuyến". [H6.6.9.02].

2. Điểm mạnh

Đa dạng hình thức đánh giá của sinh viên đối với các hoạt động giảng dạy của Trường.

3. Những tồn tại

Vẫn còn sinh viên chưa coi trọng việc đánh giá, thực hiện đánh giá còn mang tính hình thức, cảm tính.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016-2017, Trường cấp tài khoản trong group email cho sinh viên toàn trường có tên miền masinhvien@st.vimaru.edu.vn và gửi file mềm đánh giá chất lượng đào tạo của trường, đánh giá học phần, đánh giá giảng viên.

Tuyên truyền trên các kênh thông tin nhận thức cho sinh viên tầm quan trọng của việc đánh giá phản hồi của sinh viên để sinh viên chủ động phản hồi những thông tin trung thực, khách quan, có tính đóng góp cao để nhà trường xem xét, điều chỉnh những vấn đề chưa phù hợp, nâng cao chất lượng đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 6:

Với mục tiêu nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện của người học theo các tiêu chí: Trình độ chuyên môn giỏi, tay nghề vững, ngoại ngữ và tin học giỏi, sức khỏe tốt, tác phong công nghiệp, tư tưởng đạo đức tốt, ý thức kỷ luật cao, Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã quan tâm chỉ đạo các đơn vị trong toàn Trường đã có những chính sách và biện pháp thiết thực theo những yêu cầu đào tạo đặc thù luôn đảm bảo các quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người học, bồi dưỡng, định hướng cho người học tích cực, chủ động học tập, rèn luyện cả về trí lực và thể lực, đồng thời tạo tính đoàn kết trong người học với mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học. Trường chú trọng tới việc định hướng nhận thức cho người học thông qua các hoạt động tập thể; chú trọng tới việc đánh giá người học thông qua các đơn vị sử dụng lao động để từ đó có kế hoạch điều chỉnh về chất lượng và quy mô đào tạo nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động. Sinh viên các hệ đào tạo của Trường được học tập và rèn luyện trong một môi trường tốt để phát huy được mọi khả năng tiếp thu kiến thức một cách tốt nhất, để khi ra trường có khả năng tri thức và thể lực phục vụ các ngành kinh tế biển của đất nước. Tuy nhiên, hiện nay công tác về người học càng khó khăn, phức tạp đòi hỏi Trường cần có những sự tương tác với các hoạt động thực tiễn, thị

trường lao động và xu hướng phát triển của xã hội để chủ động điều chỉnh việc học tập, đồng thời rèn luyện văn hóa ứng xử, giao tiếp, đạo đức, lối sống ... của người học để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định vị thế là trường trọng điểm quốc gia.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

Mở đầu

Nghiên cứu khoa học, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là mục tiêu quan trọng trong phát triển đào tạo của Nhà trường, đồng thời góp phần xây dựng Trường trở thành trường trọng điểm quốc gia. Mục tiêu này của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam được tổ chức, triển khai thực hiện trên cơ sở huy động mọi nguồn lực (tài chính và con người) của Trường và từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên cả nước thông qua các hợp đồng, hợp tác nghiên cứu khoa học hay đặt hàng. Những hoạt động này được đánh giá bằng số lượng, chất lượng các công trình khoa học được công bố, ứng dụng trong công tác đào tạo và phục vụ cho hoạt động thực tiễn của Ngành cũng như nhu cầu của xã hội.

Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ của Trường đã đạt được những kết quả khả quan, tạo động lực thúc đẩy phong trào giảng dạy, học tập gắn với nghiên cứu khoa học. Số lượng, chất lượng các đề tài, công trình khoa học cũng như những bài báo khoa học không ngừng được nâng lên, cơ sở vật chất và tài chính phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng tốt hơn, hoạt động nghiên cứu khoa học ngày càng chủ động hơn.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Trên cơ sở căn cứ vào các chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Nhà nước, Bộ, Ngành Trường đã xây dựng kế hoạch cho các hoạt động khoa học công nghệ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Các kế hoạch được lập với những định hướng tập trung vào các ngành mũi nhọn của Trường cho từng giai đoạn cụ

thể và được cụ thể hóa bằng văn bản [H7.7.2.01]. Trường chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH phù hợp với sứ mạng của Trường là “*Là trường đại học đa ngành nghề có uy tín trong khu vực và thế giới; đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh tế biển và xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế*” [H1.1.1.01], các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đã và đang đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đưa Trường phát triển trở thành Trường trọng điểm Quốc gia [H1.1.1.05].

Trên cơ sở kế hoạch giai đoạn, căn cứ theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, Bộ GTVT, Bộ KH&CN và quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam [H1.1.1.01- Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam] Trường giao cho Phòng Khoa học - Công nghệ [H7.7.1.06] là đơn vị tham mưu tổng hợp và lập kế hoạch trình Hội đồng Đào tạo & Khoa học Công nghệ [H2.2.1.02] phê duyệt và triển khai hàng năm [H7.7.2.02].

Bên cạnh đó, hàng năm theo kế hoạch chung của Trường, Phòng KH-CN lập Mục tiêu chất lượng năm học. Mục tiêu chất lượng năm học thể hiện chi tiết các số liệu, mục tiêu trong các hoạt động khoa học công nghệ của Trường và đưa ra các giải pháp để thực hiện. Sau mỗi năm học Mục tiêu chất lượng được báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện, các nguyên nhân và đề xuất những biện pháp khắc phục cho năm học tiếp theo [H7.7.2.].

Để chủ động về cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, Trường có hệ thống văn bản quy định cụ thể về các hoạt động KHCN của Trường [H7.7.1.02], các quy trình triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động được ban hành trên cơ sở các văn bản liên quan của Bộ GD&ĐT, Bộ GTVT và luật Khoa học công nghệ nhằm giúp các đề tài thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng hoạt động [H7.7.1.10].

Hàng năm căn cứ vào các quyết định phê duyệt các danh mục, nội dung, dự toán nhiệm vụ khoa học công nghệ của Nhà nước và các Bộ liên quan, Trường tiến hành lập quyết định phân bổ, giao kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học, đối với các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường, Trường ban hành quyết

định hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài theo kế hoạch và sự phê duyệt của Hội đồng Đào tạo & Khoa học công nghệ [H7.7.3.01].

Các hoạt động khoa học công nghệ của Trường luôn được đôn đốc, triển khai, kiểm tra và báo cáo tiến độ thực hiện theo quý thông qua các cuộc họp giao ban Khối Khoa học Công nghệ [H7.7.2.04], các đợt kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài và các báo cáo tổng hợp [H7.7.3.02].

Số lượng đề tài KHCN giai đoạn 2012 - 2016

Cấp đề tài KHCN	2012	2013	2014	2015	2016
Đề tài cấp Nhà nước	2				2
Đề tài cấp Bộ	12	8	11	11	9
Đề tài cấp Thành phố			2		
Đề tài cấp Trường	139	164	190	186	172
Đề tài NCKH sinh viên	28	38	54	41	42

Qua số liệu thống kê cho thấy kế hoạch hoạt động được triển khai theo đúng các kế hoạch đã đề ra, đảm bảo về số lượng, thời gian thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ. Nội dung nghiên cứu luôn tập trung vào các Ngành mũi nhọn của Trường. Kết quả của các hoạt động nghiên cứu khoa học là chế tạo ra các sản phẩm có tính ứng dụng cao, mang thương hiệu VIMARU gắn với định hướng phát triển và sứ mệnh của Trường như Lò đốt rác VIMARU AT-10, các thiết bị hàng hải... [H7.7.3.07].

2. Điểm mạnh

Đã có kế hoạch cụ thể, tập trung vào các mũi nhọn và hướng nghiên cứu chính của Trường, đã tạo ra nhiều sản phẩm mang thương hiệu Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, có tính ứng dụng cao trong thực tiễn.

3. Tồn tại

Trường chưa có những kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ trung hạn cụ thể, trên cơ sở đó nhằm đảm bảo việc đôn đốc tiến độ thực hiện các kế hoạch dài hạn

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, đơn vị phụ trách sẽ củng cố, tăng cường lập các kế hoạch trung hạn chi tiết trên cơ sở các giai đoạn thực hiện trong kế hoạch dài hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiên cứu theo kế hoạch.

1. Mô tả

Trường có thông báo về việc triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm tới cán bộ, giảng viên các Khoa/Viện bao gồm việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên, công tác biên soạn giáo trình giảng dạy cho cán bộ, giảng viên và sinh viên [H7.7.3.02], [H7.7.4.02].

Có các quyết định giao và hỗ trợ kinh phí cho các đề tài các cấp được phê duyệt trong năm học, các hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên và công tác biên soạn giáo trình [H7.7.3.01]. Trường có đầy đủ trang thiết bị với 55 phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành hiện đại, để phục vụ việc triển khai nghiên cứu và thực hiện đề tài [H9.9.2.01].

Các đề tài khoa học công nghệ các cấp, công tác biên soạn giáo trình được triển khai theo kế hoạch năm học, được đôn đốc thực hiện và giám sát theo đúng quy trình [H7.7.3.02]. Các hoạt động được tổng kết hàng năm phục vụ các hoạt động báo cáo thống kê số liệu chung của Trường [H7.7.3.04]. Hàng năm, Phòng KH-CN phối hợp với Khoa/Viện chuyên môn thực hiện việc tổng kết tình hình thực hiện các nhiệm vụ và thống kê giờ nghiên cứu khoa học của CBGV, trên cơ sở đó để đánh giá, xếp loại thi đua cuối năm cho các đơn vị và cá nhân CBGV

theo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Hàng hải Việt Nam [H2.2.2.06].

Cụ thể, số lượng đề tài các cấp trong giai đoạn 2012-2016 là: 04 đề tài cấp Nhà nước, 51 đề tài KHCN, nhiệm vụ môi trường cấp Bộ, 02 đề tài cấp Thành phố và 851 đề tài NCKH cấp Trường được nghiệm thu. Số lượng cán bộ, giảng viên là chủ nhiệm, tham gia vào các đề tài ngày càng tăng, đặc biệt là các đề tài, dự án cấp Nhà nước, Bộ [H7.7.3.03].

Các nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, Bộ, Thành phố đa số đã hoàn thành đúng tiến độ đề ra theo kế hoạch được giao, một số ít đề tài cấp Bộ vẫn phải kéo dài thời gian thực hiện với các lý do khách quan như thiếu phương tiện kỹ thuật, máy móc phục vụ đo đạc, tính toán, chế tạo và địa điểm để tiến hành thử nghiệm thực tế,... Tuy nhiên, các đề tài đã thực hiện gia hạn theo đúng quy định và được sự đồng ý của cơ quan quản lý. Đối với các nhiệm vụ KHCN cấp Trường, số lượng đề tài giao hàng năm khá nhiều nhưng là hoạt động khoa học gắn với trách nhiệm của giảng viên nên hầu hết các đề tài đều được thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch năm học. Số lượng đề tài cấp Trường nhiều nhưng chưa tương xứng với số lượng đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Thành phố do một số các đề tài mặc dù có tính khoa học thực tiễn nhưng định hướng nghiên cứu mới dừng lại mức áp dụng trong phạm vi nhỏ, chưa là nguồn ý tưởng để phát triển thành các đề xuất nghiên cứu cấp Nhà nước, Bộ, Thành phố [H7.7.3.04].

2. Điểm mạnh

Phong trào nghiên cứu khoa học của Trường được đẩy mạnh, số lượng các đề tài cấp trường được giao hàng năm nhiều.

3. Tồn tại

Mặc dù số lượng đề tài cấp Trường được giao thực hiện hàng năm nhiều nhưng chưa thể đáp ứng yêu cầu để phát triển thành các đề xuất nghiên cứu cấp Nhà nước, Bộ, Thành phố.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Hội đồng Đào tạo và Khoa học Trường sẽ tích cực rà soát, đề nghị các Hội đồng Khoa/Viện tiến hành kiểm duyệt và khuyến

khích các đăng ký đề tài cấp Trường có ý tưởng và hướng nghiên cứu mới để phát triển thành các đề tài, nhiệm vụ khoa học cấp cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học.

1. Mô tả

Các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường trong những năm qua đã có đóng góp tích cực trong việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, góp phần nâng cao uy tín khoa học của Trường trong hệ thống các trường đại học cũng như trong lĩnh vực chuyên ngành. [H7.7.7.06]. Trường đã có nhiều chính sách và quy định khuyến khích cán bộ, giảng viên, sinh viên nghiên cứu và công bố công trình của mình trên các tạp chí chuyên ngành [H7.7.7.04].

Trường có Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải (ISSN 1859-316X), đây là Tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín được công nhận trong nước và quốc tế, số lượng xuất bản: 4 số/năm, mỗi năm Tạp chí đã tăng tải từ 80 đến 100 bài báo Khoa học được đăng nhằm giới thiệu những thành tựu, kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên trong và ngoài Trường với các lĩnh vực như: khoa học hàng hải, máy tàu biển, công trình thủy, kinh tế biển,... phù hợp với định hướng nghiên cứu chuyên ngành và sứ mệnh phát triển trường đại học trọng điểm quốc gia [H7.7.7.07]. Tạp chí KHCNHH của Trường được tính từ 0,5 - 0,75 điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận các chức danh GS, PGS của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước [H7.7.7.03].

Bên cạnh đó cũng đã đưa ra quy trình nhận, phản biện và công bố các bài báo khoa học một cách cụ thể, chi tiết nhằm khuyến khích các nhà khoa học tham gia viết báo và lựa chọn đăng tải những bài báo có hàm lượng khoa học, chất lượng học thuật cao [H7.7.7.02].

Trường đã thành lập Hội đồng biên tập Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải có nhiệm vụ chọn lựa, duyệt nội dung các bài báo khoa học chuyên ngành để đăng trên Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải [H7.7.7.01].

Bên cạnh những bài báo khoa học được công bố trên Tạp chí Khoa học Công nghệ Hàng hải còn có rất nhiều công trình được công bố trên các tạp chí chuyên ngành khác như: Tạp chí Giao thông vận tải, tạp chí Khoa học kỹ thuật, tạp chí Cơ khí,... [H7.7.7.06].

Nhằm tạo động lực thúc đẩy việc công bố quốc tế các công trình khoa học và hỗ trợ các nhà khoa học có đam mê nghiên cứu khoa học, Trường đã triển khai chương trình hỗ trợ kinh phí cho các công trình khoa học công bố quốc tế bằng nguồn chi cho hoạt động khoa học công nghệ hàng năm [H7.7.7.04]. Đã có một số bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI như: Journal of Systems and Control Engineering (Print ISSN: 0959-6518, Online ISSN: 2041-3041), Advanced Robotics (Print ISSN: 0169-1864 - Online ISSN: 1568-5535), Journal of Thermal Spray Technology (ISSN: 1059-9630), Future Generation Computer System (ISSN: 0167-739X), Journal of Vibration and Control (Print ISSN: 1077-5463, Online ISSN: 1741-2986), ACS Applied Materials and Interfaces (ISSN 1944-8244),... qua đó ta có thể thấy, những công trình khoa học không chỉ được công bố trong nước và còn được công bố trên thế giới đã khẳng định được tiềm lực nghiên cứu khoa học mạnh mẽ của Trường [H7.7.7.05].

Các bài báo khoa học được công bố qua các năm đều tăng về lượng tương thích với mức độ tăng của số đề tài nghiên cứu khoa học ở các cấp, đặc biệt các đề tài cấp cơ sở. Số lượng và chất lượng các bài báo khoa học ngày càng đi sâu vào khoa học chuyên ngành, những lĩnh vực mũi nhọn đào tạo của Trường. [H7.7.7.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã có cơ chế khuyến khích đối với các công trình công bố Quốc tế nhằm tăng số lượng các công bố khoa học đăng tải trên các Tạp chí chuyên ngành có uy tín trên thế giới.

3. Tồn tại

Mặc dù thông tin về số lượng các bài báo khoa học được đăng trên tạp chí chuyên ngành quốc tế của cán bộ giảng viên trong Trường đã được công bố rộng rãi trên các trang thông tin của Trường, tuy nhiên còn nhiều công trình công bố chưa được thống kê, báo cáo đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường hoàn thiện cơ chế thống kê, ghi nhận và khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia viết các bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín của khu vực và thế giới.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Trong thời gian qua, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường đều là những đề tài có tính ứng dụng cao, phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của Trường và gắn kết với các vấn đề phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước, Bộ, Ngành, địa phương và các doanh nghiệp. Các đề tài được nghiệm thu và được Hội đồng đánh giá có tính khoa học và ứng dụng trong thực tế sản xuất, một số đề tài được ứng dụng trong thực tế trong công tác giảng dạy tại trường cũng như trong các doanh nghiệp [H7.7.3.01].

Cụ thể, một số đề tài, dự án trọng điểm có đóng góp mới cho khoa học đã nghiệm thu được đánh giá tốt và có thể triển khai ứng dụng trong thực tế sản xuất, như:

- Dự án SX thử nghiệm cấp Nhà nước “Hoàn thiện công nghệ chế tạo các hệ thống điều khiển và giám sát động cơ Diesel trong tự động hóa toàn phần buồng máy tàu thủy”, thuộc chương trình KHCN trọng điểm cấp Nhà nước

KC.03.DA.11/11-15 với sản phẩm là các hệ thống điều khiển và giám sát động cơ diezen trong tự động hóa toàn phần buồng máy tàu thủy có tính năng tương đương các hệ thống nước ngoài, một trong số sản phẩm đã được đăng ký độc quyền kiểu dáng công nghiệp [H7.7.3.05], [H7.7.3.08].

- Đề tài KHCN cấp Bộ: “Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống la bàn từ kỹ thuật số cho tàu cá và tàu biển chạy tuyến nội địa của Việt Nam”, mã số: DT154034, đã nghiệm thu năm 2015. Sản phẩm của đề tài là Hệ thống la bàn từ kỹ thuật số không những góp phần vào công cuộc nội địa hóa sản phẩm thiết bị hàng hải trong nước mà còn phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo và chuyển giao công nghệ của Trường [H7.7.3.05].

Trong những năm qua, Trường đã có nhiều công bố khoa học quốc tế có chất lượng và giá trị nghiên cứu, học thuật cao trên các tạp chí uy tín trên thế giới trong danh mục ISI (Institute for Scientific Information, ISI, Hoa Kỳ), SCI (Science Citation Index) và SCIE (Science Citation Index Expanded). Danh mục các tạp chí đã được hầu hết các tổ chức khoa học công nghệ (viện nghiên cứu, trường đại học) sử dụng làm nguồn tham khảo chính để đánh giá, xếp hạng năng lực nghiên cứu khoa học công nghệ của một Viện, một Trường Đại học, một nước, một cá nhân nhà khoa học hay một nghiên cứu sinh. Mỗi tạp chí đều có chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor - IF) được tính dựa trên số lượng trích dẫn tới các bài báo của tạp chí [H7.7.7.06].

Hoạt động biên soạn giáo trình luôn được Trường chú trọng nhằm đảm bảo các môn học phải có giáo trình đảm bảo về nội dung, chất lượng bao gồm: sách chuyên khảo, giáo trình, sách tham khảo,... phục vụ học tập của sinh viên, phù hợp với nội dung đề cương chi tiết và phù hợp với chương trình đào tạo của Trường [H7.7.5.01].

Nhằm tạo điều kiện và động viên khuyến khích các đơn vị cá nhân trong toàn Trường có nhiều công trình NCKH xuất sắc mang lại hiệu quả và khả năng ứng dụng cao trong đào tạo và sản xuất, hàng năm Trường phát động giải thưởng nghiên cứu khoa học NEPTUNE. Đối tượng tham gia xét tặng giải thưởng các Tập thể, cá nhân có các công trình NCKH được thực hiện và công bố trong năm học [H7.7.6.02]. Kinh phí giải thưởng được trích từ nguồn ngân

sách của Trường, mặc dù chưa nhiều nhưng cũng là nguồn động lực khuyến khích phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học ở các Khoa/Viện và các cán bộ, giảng viên [H7.7.6.01].

Bên cạnh đó, Công Đoàn Trường có chính sách tuyên dương đối với CBVC có thành tích trong phong trào phong trào thi đua Lao động giỏi, Lao động sáng tạo hàng năm. Hàng năm, Công đoàn Trường đã đề nghị Tổng LĐLĐVN tặng Bằng Lao động sáng tạo; bình chọn cá nhân có thành tích tiêu biểu đề nghị UBND Thành phố Hải Phòng tặng Bằng khen; Phối hợp với Phòng KHCN tổ chức chọn cử các công trình NCKH của CB, GV tham gia cuộc thi Sáng tạo Khoa học Kỹ thuật Thành phố Hải Phòng [H2.2.4.27].

2. Điểm mạnh

Có nhiều sản phẩm đề tài khoa học mang tính ứng dụng trong thực tiễn cao về lĩnh vực hàng hải, giải quyết kịp thời các yêu cầu phát triển của ngành và cho công tác giảng dạy.

3. Tồn tại

Còn nhiều công trình nghiên cứu chưa được đầu tư đúng mức và kịp thời để đưa sản phẩm nghiên cứu vào sản xuất thử nghiệm, ứng dụng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, xây dựng cơ chế hỗ trợ kinh phí để đưa các sản phẩm nghiên cứu vào sản xuất thử nghiệm và ứng dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là đơn vị được Bộ Khoa học Công nghệ cấp Chứng nhận đăng ký hoạt động Khoa học và Công nghệ [H7.7.1.04], tạo điều kiện thuận lợi trong các hoạt động phát triển quan hệ hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ với các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước. Đồng thời, Trường cũng khuyến khích cán bộ, giảng viên chủ động thực hiện các hợp đồng tư vấn, chuyển giao công nghệ. Không kể các hợp đồng tư vấn do cá nhân đảm nhiệm, Trường đã thực hiện nhiều chương trình, dự án nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H7.7.3.06].

Các định mức chi cho hoạt động khoa học công nghệ của Trường như: chi cho hội đồng khoa học; hội nghị, hội thảo; biên soạn giáo trình,... được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường [H10.10.1.18]. Một số nguồn kinh phí chi khác nhằm khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định theo các quy chế khác do Trường ban hành như: Giải thưởng Nghiên cứu khoa học NEPTUNE [H7.7.6.01]; quy định hỗ trợ cho các công trình công bố quốc tế [H7.7.7.04]; quy định mức thưởng cho Giải thưởng “Nghiên cứu khoa học Sinh viên” [H7.7.4.01].

Bảng số liệu các nguồn chi cho hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	2012	2013	2014	2015	2016
1	Đề tài NCKH Cấp Trường	411	492	528	600	726
2	NCKH Sinh viên	12.85	16.2	20.75	39.65	41.05
3	Giải thưởng NCKH NEPTUNE	40	40	39	38	42
4	Hỗ trợ công trình công bố Quốc tế					33.1

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được chú trọng đầu tư kinh phí, đặc biệt đối với những ngành trọng điểm của Trường. Các nguồn chi được tính toán phù hợp với nhu cầu kinh phí dành cho hoạt động KHCN hàng năm. Các nguồn thu từ bên ngoài cho NCKH, thu từ các hợp đồng nghiên cứu mà trường (bao gồm cả cán bộ với danh nghĩa của trường) là Bên thực hiện; Các hợp đồng chuyển giao công nghệ; Các hợp đồng chuyển quyền sở hữu/quyền sử dụng đối tượng NCKH của trường. Tuy nhiên các nguồn thu từ NCKH vẫn chưa đảm bảo tương xứng đối với những khoản chi dành cho hoạt động này, đa số các nguồn chi đều lớn hơn khá nhiều so với nguồn kinh phí thu về, điều này được thể hiện thông qua bảng kê nhu cầu kinh phí, cơ cấu nguồn thu chi tài chính của Trường Giai đoạn 2012 – 2016.

Bảng thống kê các nguồn nhu cầu kinh phí, nguồn chi và thu từ hoạt động KHCN giai đoạn 2012-2016

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung thống kê	2012	2013	2014	2015	2016
1	Nhu cầu kinh phí cho hoạt động KHCN	2,862	4,653	3,814	7,245	6,136
2	Nguồn chi cho NCKH	2,862	4,653	3,814	7,245	6,136
3	Nguồn thu từ NCKH	3,800	2,027	3,722	3,825	3,060

Hàng năm, ngoài các nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước, Trường còn dành khoản kinh phí gần 01 tỷ đồng cho các đề tài nghiên cứu khoa học, chủ yếu là các đề tài cấp Trường, đề tài sinh viên, biên soạn giáo trình phục vụ giảng dạy, đào tạo và huấn luyện [H7.7.3.01].

Các đề tài, dự án cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp thành phố đều được lập dự toán kinh phí và hưởng kinh phí thu từ nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn sự nghiệp khoa học công nghệ hoặc nguồn sự nghiệp môi trường. Số kinh phí cho các đề tài này lớn hơn nhiều so với kinh phí của Trường [H10.10.1.01].

2. Điểm mạnh

Đã có nhiều nguồn chi để tạo điều kiện khuyến khích, khen thưởng với các Giải thưởng dành cho các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ từ ngân sách của Trường.

3. Tồn tại

Nguồn thu từ các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ chưa tương xứng với nguồn chi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường thực hiện các hoạt động giới thiệu công nghệ với các doanh nghiệp, nhằm tăng cường nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ. Kiểm soát chặt chẽ cơ chế quản lý nguồn thu từ việc chuyển giao các sản phẩm khoa học mang thương hiệu của Trường.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt.

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của Trường cũng đồng thời là đội ngũ cán bộ giảng dạy, vì thế phần lớn các đề tài nghiên cứu khoa học đều trực tiếp hay gián tiếp gắn với mục tiêu, chương trình đào tạo và được coi là nhiệm vụ bắt buộc đối với mỗi giảng viên [H2.2.2.06].

Qua việc nghiên cứu, thực hiện đề tài khoa học đã đề xuất nhiều phương pháp đổi mới nội dung và chương trình đào tạo. Một số sản phẩm từ các đề tài là những học cụ trực quan trong công tác đào tạo chuyên ngành như hệ thống La bàn từ, thiết bị chỉ báo góc bẻ lái, máy đo sâu hàng hải, tay chuông truyền lệnh,... [H7.7.3.07]. Bên cạnh đó, nhiều kết quả nghiên cứu từ các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, Bộ được biên tập thành những tài liệu chuyên khảo phục vụ công tác đào tạo Thạc sĩ, nghiên cứu sinh [H7.7.7.05].

Trường luôn chú trọng các hoạt động đào tạo, tăng cường và nâng cao chất lượng đào tạo với các ngành trọng điểm, các ngành chất lượng cao, các ngành mới. Để đáp ứng được mục tiêu đào tạo của các chuyên ngành, đặc biệt là các chuyên ngành mới mở Trường đã có nhiều cơ chế thuận lợi, tạo điều kiện cho các giảng viên biên soạn, cập nhật các nội dung giáo trình giảng dạy môn học. Kế hoạch biên soạn giáo trình giảng dạy được lập, giao hàng năm dựa trên nhu cầu của Khoa/Viện và được đánh giá, nghiệp thu bởi Hội đồng khoa học chuyên môn Ngành đào tạo [H7.7.5.01].

Để gắn hoạt động khoa học công nghệ với thực tiễn để triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ hàng hải vào thực tế sản xuất, Trường đã thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Hàng hải, đây là đơn vị phụ trách triển khai và tổ chức các hoạt động dịch vụ khoa học phục vụ phát triển, chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp ngoài trường trong các lĩnh vực của ngành hàng hải và các ngành kinh tế biển như: dịch vụ thiết kế, giám sát thi công, tư vấn đóng mới, sửa chữa tàu thủy [H7.7.1.07].

Thông qua việc thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ, trình độ năng lực chuyên môn của cán bộ, giảng viên [H7.7.1.05]. Số cán bộ, giảng viên được công nhận học hàm, học vị tăng dần theo các năm thể hiện ở việc tăng về số lượng GS, PGS của Trường từ năm 2012 chỉ có 01 GS, 15 PGS, 73 Tiến sĩ-TSKH cho đến năm 2017 Trường đã có có 2 GS và 41 PGS, 117 Tiến sỹ-TSKH, 31 Giảng viên cao cấp [H5.5.5.03].

Hoạt động nghiên cứu khoa học không chỉ tạo được thương hiệu Trường mà còn tạo được nguồn thu từ nghiên cứu khoa học được thể hiện thông qua các hợp đồng nghiên cứu và chuyển giao công. Qua các dự án hợp tác giữa Trường với đối tác nước ngoài, Trường được tài trợ các hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại, hệ thống bể thử tàu, các phần mềm thiết kế chuyên ngành,... nhằm tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học với công tác đào tạo của Trường [H7.7.3.09] [H8.8.2.04], [H8.8.3.01].

Trường đã thành lập các Viện và trung tâm nghiên cứu theo các ngành mũi nhọn như Viện Khoa học Công nghệ Hàng hải, Viện Nghiên cứu Phát triển, Viện Khoa học Công nghệ tàu thủy, Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây

dựng hàng hải Trung tâm Đào tạo và tư vấn Khoa học công nghệ bảo vệ Môi trường thủy,... là các đơn vị chuyên trách đảm nhận việc gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trung tâm nghiên cứu khác và các doanh nghiệp để giải quyết những yêu cầu, nhiệm vụ khoa học đề ra [H7.7.1.07÷09].

Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, chương trình đào tạo của Trường được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế, trình độ của giảng viên được nâng lên rõ rệt, đã có nhiều các hội thảo khoa học, các khóa tập huấn trong và ngoài nước. Cho đến nay, Trường đã cử được 27 lượt giảng viên và 37 lượt cán bộ quản lý sang đào tạo tại Học viện CAL Maritime [H8.8.2.02], đã liên kết đào tạo cho 04 khóa với 480 sinh viên được đào tạo theo chương trình tiên tiến - chuyên ngành Kinh tế hàng hải và Toàn cầu hóa trong khuôn khổ các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo với nước ngoài đang triển khai [H8.8.2.14]. Cơ sở vật chất của Trường được tăng lên với nhiều phòng mô phỏng, thực hành, thí nghiệm hiện đại được đầu tư thông qua các dự án NCKH phối hợp với các đối tác nước ngoài [H8.8.3.01].

Hệ thống thư viện Hàng hải được Trường đầu tư với nhiều nguồn tài liệu, nhiều các cơ sở dữ liệu liên kết, cơ sở dữ liệu quốc tế đáp ứng tốt cho hoạt động đào tạo, tra cứu và nghiên cứu khoa học [H9.9.1.05].

2. Điểm mạnh

Trường có các Viện nghiên cứu, Trung tâm chuyên trách kết nối các hoạt động khoa học công nghệ gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, hợp tác với các trường đại học khác và các doanh nghiệp

3. Tồn tại

Hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với các trường, viện, doanh nghiệp trong khu vực và trên thế giới còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường tăng cường xây dựng các chương trình, dự án liên kết nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của một trường đại học, Trường đã ban hành các Quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ cho cán bộ giảng viên. Các văn bản trên đã quy định cụ thể và chi tiết các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn năng lực, đạo đức của các chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia Hội đồng khoa học căn cứ theo đúng yêu cầu của quyết định số 52/2007/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2007 V/v Ban hành Quy định về quản lý Đề tài khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ [H7.7.1.01] và đã được nêu rõ trong quy chế hoạt động của Quỹ khuyến học NCKH và CGCN của Trường ĐHHH [H7.7.1.03], quy chế làm việc của Giảng viên.... [H2.2.2.06].

Để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ: Trường tuân thủ theo Quyết định số: 78/2008/QĐ-BGDĐT V/v Ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đào tạo bên cạnh đó luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện để cán bộ, giảng viên, các nhà khoa học đăng ký quyền Sở hữu trí tuệ theo quy định [H7.7.5.03]; Ngoài các quy định của pháp luật về bảo đảm quyền Sở hữu trí tuệ, Trường cũng đề ra các biện pháp để hỗ trợ đặc lực quyền này trong Trường như: quy định biên soạn tài liệu giảng dạy căn cứ theo Luật xuất bản và Luật sở hữu trí tuệ [H7.7.5.02], quy định trích dẫn tài liệu trong các bài báo, luận văn, luận án; quy định về các sản phẩm mang thương hiệu VIMARU,...

Hoạt động đảm bảo quyền Sở hữu trí tuệ được Trường hướng dẫn, phổ biến rộng rãi cho các cán bộ khoa học, giảng viên và sinh viên những vấn đề liên quan đến quyền Sở hữu trí tuệ [H7.7.5.05].

Đặc biệt, Trường thực hiện nghiêm túc quy định liên chính trong học thuật và đã thành lập Ban quản lý phần mềm Turnitin, là đơn vị phụ trách việc quản lý liên chính học thuật. Việc sử dụng phần mềm kiểm tra tỷ lệ tương đồng áp dụng cho cả hoạt động đào tạo và khoa học công nghệ đã đảm bảo tính liên chính, sự minh bạch trong việc trích dẫn và tham khảo nội dung nguồn trích, đảm bảo tính sở hữu trí tuệ đối với các công trình khoa học đã công bố [H7.7.5.04].

Các kết quả đề tài NCKH khoa học có sản phẩm đã được chú trọng đăng ký bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ trước khi triển khai áp dụng trong thực tế sản xuất kinh doanh [H7.7.3.08].

2. Điểm mạnh

Trường chú trọng các hoạt động nhằm bảo đảm Liêm chính học thuật trong đào tạo và khoa học công nghệ bằng việc đầu tư, đưa vào sử dụng phần mềm Turnitin để kiểm tra tỷ lệ tương đồng trong các đề tài nghiên cứu, bài báo khoa học.

3. Tồn tại

Các hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ thực hiện riêng lẻ từ các Viện, Trung tâm nghiên cứu mà không thông qua đơn vị quản lý chung của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017 - 2018, Trường xây dựng cơ chế quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, khuyến khích hoạt động sáng tạo, đảm bảo Liêm chính học thuật, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu và bảo vệ tài sản sở hữu trí tuệ của các sản phẩm khoa học sau nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 7:

Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trong Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày càng phát triển, đáp ứng các yêu cầu của nhiệm vụ chính trị của trường đại học là đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

Nghiên cứu khoa học đã góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của Trường, đồng thời đáp ứng giải quyết các yêu cầu bức thiết của thực tế sản xuất của ngành, địa phương và doanh nghiệp. Trong những năm qua, có khá nhiều đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra, nghiên cứu khoa học còn đóng góp đáng kể vào nguồn thu của Trường và bồi dưỡng có hiệu quả nguồn nhân lực là giảng viên, sinh viên của Trường.

Trong những năm tới, mục tiêu chính của các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của Trường là nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện theo tôn chỉ sứ mạng phát triển chung của Trường đưa Trường Đại học Hàng hải Việt Nam phát triển thành trường trọng điểm Quốc gia.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế.

Mở đầu

Với đặc thù là một trường đại học đào tạo các chuyên ngành có tính quốc tế hoá rất cao, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam sớm nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác quốc tế không chỉ trong việc nâng cao vị thế, uy tín của Trường mà còn góp phần quan trọng vào việc tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, huấn luyện, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng viên, cải tiến chương trình đào tạo. Trong chiến lược phát triển trung và dài hạn, công tác hợp tác quốc tế luôn là một trong những công tác trọng tâm của Trường. Là trường đại học đầu tiên trong cả nước đã xây dựng thành công mô hình hợp tác quốc tế, liên kết – liên doanh, triển khai mô hình đào tạo theo địa chỉ nhằm đáp ứng một cách tốt nhất nhu cầu của các nhà tuyển dụng. Mô hình này đang được tiếp tục duy trì, nhân rộng và đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ trong những năm trở lại đây. Bên cạnh đó, Trường cũng chú trọng hội nhập về đào tạo và nghiên cứu khoa học – chuyển giao công nghệ, hợp tác theo chiều sâu với các đối tác nước ngoài để thành lập các công ty liên doanh, trung tâm tư vấn, thiết kế chuyển giao công nghệ, qua đó đẩy mạnh sự gắn kết đào tạo với thực tiễn sản xuất, tiếp cận với khoa học, công nghệ hiện đại. Trường còn chủ động thông qua quan hệ quốc tế để thu hút các dự án đầu tư và tài trợ từ nước ngoài nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy và NCKH. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành một trong 71 quốc gia đầu tiên trên thế giới được công nhận vào Danh sách trắng (White List) của Tổ chức Hàng hải Quốc tế từ năm 2000 - danh sách các quốc gia đạt chuẩn quốc tế về đào tạo và huấn luyện hàng hải. Trường cũng là đơn vị đầu tiên trong hệ thống giáo dục đại học cả nước được cấp Chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 từ

năm 2005 và đã được cải tiến để phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008 từ tháng 1/2009. Vào năm 2013, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã vinh dự được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường trọng điểm quốc gia, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành hàng hải và các ngành kinh tế biển của cả nước.

Tiêu chí 8.1. Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Xác định quan hệ quốc tế là một trong những quyết sách hàng đầu phát triển Trường, trong những năm qua, Trường luôn chủ động thiết lập các mối quan hệ quốc tế, các hoạt động hợp tác với các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các trường đại học, các hiệp hội, tập đoàn, công ty nước ngoài để nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Trường.

Công tác Quan hệ quốc tế của Trường đều thực hiện theo quy định của Nhà nước về quản lý công tác hợp tác quốc tế như: Nghị định số 78/2008/NĐ-CP, ngày 17/7/2008 của Chính phủ về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật; Nghị định số 73/2012/NĐ-CP, ngày 26/9/2012 của Chính phủ Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, ngày 23/4/2013 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;...[H8.8.1.03]. Đây là những văn bản giúp định hướng và làm cơ sở để Trường triển khai các hoạt động quan hệ quốc tế chính của mình.

Căn cứ theo các quy định trên, Trường đã xây dựng và ban hành quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế nhằm đảm bảo các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và sự phối hợp thông suốt giữa các đơn vị có liên quan trong công tác hợp tác quốc tế [H8.8.1.15]. Trường có bộ phận chuyên trách thực hiện công tác hợp tác quốc tế đó là Phòng Quan hệ quốc tế. Bên cạnh đó, Trường cũng đã thành lập đơn vị thực hiện các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là Viện Đào tạo quốc tế, đơn vị thực hiện việc triển khai các đề án, dự án hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ là

Phòng Khoa học Công nghệ [H8.8.1.02], đơn vị triển khai thực hiện công tác quản lý lưu học sinh nước ngoài tại Trường là Phòng Công tác sinh viên [H8.8.1.14]. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã ban hành các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ, quy chế làm việc của Phòng Quan hệ Quốc tế, Viện Đào tạo quốc tế và Phòng Khoa học Công nghệ [H8.8.1.01], [H8.8.1.02]. Theo đó, các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường luôn được thực hiện đúng theo phân cấp, quyền hạn, chức năng của từng đơn vị đã được phân công [H2.2.1.07-08].

Trường luôn chủ động và kết hợp chặt chẽ với các cơ quan có chức năng liên quan như Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ GTVT, Phòng HTQT thuộc Cục Hàng hải Việt Nam...và các phòng, ban chức năng triển khai các công tác quan hệ quốc tế, các chương trình, dự án cũng như thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Định kỳ hàng năm và khi được yêu cầu, Trường đều báo cáo các kết quả công tác Hợp tác quốc tế, những thành tựu đạt được và những vấn đề cần quan tâm, lưu ý cho các Bộ, Ban, Ngành chức năng liên quan [H8.8.1.05] [H8.8.1.06] [H8.8.2.12]. Nhờ việc thực hiện tốt các quy định về hợp tác quốc tế trong giáo dục của Nhà nước cũng như của Trường nên trong 5 năm gần đây, Trường không để xảy ra vụ việc gì trong việc thực hiện các công tác hợp tác quốc tế. Định kỳ từng tháng, từng quý và từng năm, Trường tổ chức đánh giá những kết quả đạt được trong công tác hợp tác quốc tế, rút kinh nghiệm những mặt hạn chế, yếu kém để đưa ra những điều chỉnh hợp lý trong từng thời kỳ, giai đoạn thông qua các nghị quyết hàng tháng, hàng quý của ban Thường vụ, ban Chấp hành Đảng ủy Trường [H2.2.4.12] [H8.8.1.04], giúp cho công tác quan hệ quốc tế luôn được tăng cường, đẩy mạnh. Qua đó, Công tác hợp tác quốc tế của Trường luôn được các Bộ, Ban, Ngành và Thành phố Hải Phòng đánh giá xuất sắc và được tặng thưởng nhiều bằng khen như: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ GTVT, Bằng khen của Thành phố Hải Phòng...[H8.8.1.16]

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam luôn tích cực tham gia các Hội nghị, Hội thảo quốc tế, nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới. Danh sách các đoàn lãnh đạo, cán bộ, giảng viên Trường ra nước ngoài công tác, tham dự Hội thảo đều được báo cáo cho Bộ giao thông Vận tải theo từng giai

đoạn [H8.8.1.13], kết thúc chuyến công tác đều có các báo cáo chuyển đi gửi Trường hoặc Bộ Giao thông Vận tải [H8.8.2.10]. Các đoàn khách vào trường liên hệ, công tác đều được Trường báo cáo chi tiết thông qua các báo cáo hàng tháng [H8.8.1.17].

Các chương trình hợp tác đều có văn bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác giữa Trường với các đối tác với các nội dung triển khai hợp tác về đào tạo [H8.8.1.07] [H8.8.1.11], [H8.8.2.01]. Nội dung các chương trình hợp tác rất đa dạng, trong đó đa số hợp tác trong việc đào tạo học viên, trao đổi học viên, sinh viên, tham quan và trao đổi cán bộ nghiên cứu, giảng dạy và phát triển, trao đổi thông tin, tài trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học... Từ năm 2010 đến nay, Trường đã cử được nhiều cán bộ, giảng viên, sinh viên tham dự các khóa học trình độ đại học, sau đại học ở nước ngoài thông qua các chương trình hợp tác, các chương trình học bổng của chính phủ, học bổng hợp tác giữa hai trường, học bổng Hiệp định... [H8.8.1.08]. Các cán bộ, giảng viên sau khi kết thúc các khóa học đã và đang đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới giáo dục và đào tạo trong Trường, nâng cao chất lượng, trình độ ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Trường đã mở rộng các quan hệ với nhiều đối tác, thiết lập các mối quan hệ bền vững phát triển thông qua các văn bản thỏa thuận hợp tác và liên kết [H8.8.1.07] [H8.8.2.01]. Công tác xây dựng và thu hút các dự án có vốn đầu tư nước ngoài, các dự án viện trợ không hoàn lại, các chương trình tài trợ trang thiết bị huấn luyện và giảng dạy cũng được Trường triển khai hiệu quả và tạo dựng được uy tín đối với các đối tác trong và ngoài nước [H8.8.1.10].

Trường phổ biến, tuyên truyền trong cán bộ, giảng viên, công nhân viên và người học các quy định của Nhà nước về công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục đào tạo và các quy định riêng của Trường có liên quan đến công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục như quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài tại Trường và quy chế quản lý cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường học tập tại nước ngoài theo quy định số 545/QĐ-ĐH-HV-N-TCCB ngày 10/04/2014 [H8.8.1.12]. Nhờ đó, việc kết nối giữa Trường với lưu học sinh luôn được thực hiện tốt, kịp thời hỗ trợ, xử lý các khó khăn, kiến nghị của lưu học sinh, tuyên dương những lưu học sinh có thành tích tốt, hạn chế tối đa tỷ lệ lưu học sinh ở lại, không về nước.

Bên cạnh đó, Trường cũng đã ban hành quy chế quản lý lưu học sinh, người nước ngoài học tập, làm việc tại Trường kèm theo quyết định số 119/QĐ-DHHHVN-CTSV ngày 19/01/2017 [H8.8.1.14].

2. Điểm mạnh

Công tác hợp tác quốc tế của Trường được Chính phủ, các Bộ, Ngành và thành phố đánh giá xuất sắc.

3. Tồn tại

Trường chưa có các quy định cụ thể về việc khen thưởng, xử phạt đối với các lưu học sinh có thành tích học tập tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao hoặc các lưu học sinh không hoàn thành nghĩa vụ học tập.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017– 2018, Trường rà soát, sửa đổi quy chế quản lý cán bộ, giảng viên và sinh viên của Trường học tập tại nước ngoài.

Hàng năm, Trường tiến hành rà soát, cập nhật các quy định về hoạt động hợp tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.2. Các hoạt động hợp tác quốc tế về Đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan, khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Liên kết đào tạo với nước ngoài là một hình thức đào tạo tiên tiến đang được Trường áp dụng. Hoạt động liên kết đào tạo được thực hiện với hai bậc học: đại học và cao học.

Từ năm 2012 đến nay, Trường đã thực hiện nhiều chuyến thăm, làm việc và ký kết các văn bản hợp tác, chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học đối tác của Hoa Kỳ, Liên bang Nga, Australia, Nhật Bản, Hàn

Quốc...[H8.8.2.01]. Đây là những văn bản tiền đề cho việc triển khai thành công nhiều chương trình liên kết đào tạo, trao đổi sinh viên giữa Nhà trường với các đối tác nước ngoài.

Trường đã triển khai được nhiều chương trình liên kết đào tạo [H8.8.2.14] như: Năm 2007 – 2008, Trường hợp tác với Đại học Liege (Bỉ) trong việc liên kết đào tạo Thạc sỹ cho 27 học viên sau đại học [H8.8.2.10]; liên kết với học viện Hàng hải California, Hoa Kỳ trong việc triển khai chương trình tiên tiến Ngành Kinh tế hàng hải và toàn cầu hóa (Global Studies and Maritime Affairs) và Kinh doanh quốc tế và Logistics (International Business and Logistics)... [H8.8.2.01]; [H8.8.2.02]. Thông qua đó, Trường đã cử được 36 lượt giảng viên và 70 cán bộ quản lý sang đào tạo tại Học viện Hàng hải California, Hoa Kỳ [H8.8.2.02]. Trường cũng thực hiện nhiều các chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên như: Hợp tác với Học viện Hàng hải và đánh cá Hàn Quốc (KIMFT) trong việc đưa 02 Giảng viên sang giảng dạy và 20 sinh viên sang thực tập 06 tháng tại các tàu huấn luyện thuộc KIMFT [H8.8.2.08]. Các giảng viên này đã góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng, trình độ ngoại ngữ giảng viên Trường đặc biệt trong công tác giảng dạy, xây dựng giáo trình, bài giảng bằng tiếng Anh.

Từ năm 2017, Trường tích cực đàm phán với các đối tác, chuẩn bị các điều kiện để triển khai chương trình liên kết với Đại học Van Nung, Đài Loan theo mô hình 1+3 cho chuyên ngành Quản trị kinh doanh [H8.8.2.01], đàm phán, ký kết văn bản hợp tác với Đại học Gloucestershire, Vương Quốc Anh về việc triển khai chương trình lan tỏa của Chương trình tiên tiến ngành Quản lý kinh doanh và Marketing [H8.8.2.03].

Ngoài ra, Trường cũng triển khai thành công nhiều chương trình hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên như: Hợp tác trao đổi sinh viên 01 kỳ với Đại học Hàng hải Quốc gia Mokpo, Hàn Quốc (MMU) trong việc: Tiếp nhận 06 sinh viên MMU sang học tập 01 kỳ và cử 02 sinh viên Nhà trường sang MMU trao đổi 01 kỳ [H8.8.1.11] [H8.8.2.07], Hợp tác với Trường Đại học Hàng hải Đại Liên, Trung Quốc trong việc cử giảng viên sang học tập sau Đại học tại Đại học Hàng hải Đại Liên theo chương trình học bổng của Chính phủ Trung Quốc

[H8.8.1.07], các chương trình trên đã góp phần tăng tính quốc tế hóa chương trình đào tạo, thu hút giảng viên, sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường, nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ đội ngũ giảng viên Trường.

Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, Trường cũng tích cực quảng bá, thu hút sinh viên quốc tế đến học tập tại Trường hệ đại học, sau đại học và trao đổi sinh viên thông qua các chương trình học bổng khuyến khích học tập, các chương trình hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài, sinh viên trao đổi [H8.8.2.13]. Qua đó, Trường đã thu hút được 48 sinh viên quốc tế và nhiều lượt giảng viên nước ngoài đến học tập và làm việc tại Trường [H8.8.2.05].

Trường cũng thực hiện nhiều chuyến tham quan, khảo sát tại các Trường Đại học, cơ sở đào tạo lớn trên thế giới như: Tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm quản lý nhân sự, tài chính tại Hoa Kỳ, tham quan mô hình quản lý đào tạo, bể thử tàu thuộc trung tâm động lực học, Trường Đại học Strathlyde (Vương Quốc Anh) tiến tới mở thêm các ngành đào tạo về công trình ngoài khơi. Kết quả của chuyến công tác đều được thể hiện qua báo cáo chuyên đi của đoàn [H8.8.2.06], [H8.8.2.09]. Thông qua các chương trình hợp tác quốc tế, tham quan khảo sát, huấn luyện, tập huấn trong và ngoài nước, trình độ của giảng viên được nâng lên rõ rệt.

Trên cơ sở các mối quan hệ quốc tế đã được thiết lập, Trường đẩy mạnh xây dựng và triển khai thành công nhiều dự án có vốn đầu tư nước ngoài, thu hút các nguồn tài trợ, viện trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ công tác đào tạo, huấn luyện. Các dự án đều được thực hiện đúng quy trình và tiến độ theo các quy định của Nhà nước về xây dựng, sử dụng và quản lý dự án có vốn đầu tư nước ngoài [H8.8.1.03], được các đối tác tài trợ đánh giá rất cao và phát huy hiệu quả và tính bền vững của dự án, tác động tích cực đến người dạy và người học, nâng cao uy tín và vị thế của Trường. Từ đây, cơ sở vật chất Trường được tăng lên với nhiều phòng mô phỏng, thực hành và thí nghiệm hiện đại đạt chuẩn quốc tế như: Thiết bị chưng cất nước ngọt, động cơ Diesel Daihatsu 8DK-20e, Trung tâm đào tạo Logistics..., [H8.8.2.04] [H8.8.2.02] và nhiều các trang thiết bị huấn luyện trong khuôn khổ các dự án ODA như: Dự án “Thành lập trung tâm đào tạo Logistics tiểu vùng Mê-Kong – Nhật Bản tại Việt

Nam”, dự án “tiếp nhận viện trợ khẩn cấp các sản phẩm công nghiệp Nhật Bản của các doanh nghiệp chịu thảm họa động đất, sóng thần” trị giá 300 triệu Yên do chính phủ Nhật Bản tài trợ [H8.8.2.04]. Các trang thiết bị này góp phần quan trọng vào việc thực hành, thực tập, nâng cao tay nghề, chuyên môn của giảng viên, sinh viên Nhà trường.

Từ tháng 8 năm 2004, Trường đã được công nhận trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các Trường Đại học Hàng hải Quốc tế (IAMU) [H8.8.2.17]. Từ năm 2012 đến 2015, Trường được bầu làm trưởng đại diện cho các Trường Đại học thuộc Vùng I (Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương) và là thành viên thường trực của ba ủy ban chuyên trách (Ủy ban hoạch định chính sách, Ủy ban liên lạc IMO và Ủy ban tài chính) của Hội đồng điều hành quốc tế (IEB) thuộc Hiệp hội các trường Đại học Hàng hải Quốc tế (IAMU). Với những thuận lợi đó, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có vị thế phát triển các quan hệ hợp tác với nhiều các Trường Đại học có uy tín trên thế giới trong việc liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên, hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ...[H8.8.1.07]

2. Điểm mạnh

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, Trường đã rất thành công trong việc thu hút nguồn tài trợ, hỗ trợ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị.

3. Tồn tại:

Số lượng giảng viên, sinh viên quốc tế đến học tập, làm việc tại Trường còn chưa tương xứng với tiềm năng của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường đa dạng hóa các hình thức quảng bá tuyển sinh quốc tế, mở thêm các chuyên ngành đào tạo giảng dạy bằng Tiếng Anh cho sinh viên thông qua đó thu hút thêm các sinh viên quốc tế theo học các chuyên ngành tại Trường;

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung

1. Mô tả

Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học luôn được Trường quan tâm, khuyến khích và phân bổ ngân sách cho các hoạt động hội thảo, hội nghị, hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài [H8.8.3.01].

Trường đã ký kết nhiều thỏa thuận, biên bản ghi nhớ về hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các trường đại học lớn trên thế giới như: Hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với Đại học Hàng hải Quốc gia Mokpo (Hàn Quốc) theo biên bản ghi nhớ ký năm 2004 và 2015 [H8.8.3.04], Hợp tác về nghiên cứu khoa học với Viện Đào tạo nước UNESCO-IHE (Hà Lan), Hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với Trường Đại học Hàng hải mang tên đô đốc G.I. Nevelskoi (Liên Bang Nga) [H8.8.3.05]. Trên cơ sở đó, nhiều Dự án hợp tác đã được hai bên hợp tác triển khai, mở ra những khả năng phát triển hợp tác NCKH quốc tế sâu rộng hơn trên nhiều lĩnh vực, điển hình như: chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng với Đại học Công nghệ Nanyang (Singapore) trong việc phát triển công nghệ điều khiển mờ, điều khiển không tuyến tính và trí tuệ nhân tạo [H8.8.3.09]. Hợp tác với Tập đoàn Shell Marine Products (Singapore) trong việc tài trợ thiết bị phân tích dầu nhờn và tổ chức các hội thảo chuyên ngành và nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về dầu nhờn....[8.8.1.07].

Các đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác nước ngoài kể trên đã được triển khai ứng dụng và bước đầu đánh giá tốt, nâng cao uy tín khoa học của Trường trong khu vực và trên thế giới. Điển hình đó là chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng với Đại học Công nghệ Nanyang (Singapore), Đại học Quốc gia Kunsan (Hàn Quốc) trong việc phát triển công nghệ điều khiển không tuyến tính, điều khiển thông minh, điều khiển mờ, trí tuệ nhân tạo. Đề tài đã đạt được nhiều kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng, được phía

đối tác đánh giá cao và đang được ứng dụng trong thực tế công tác dạy học và sản xuất kinh doanh tại Singapore, Hàn Quốc và tại Trường [H8.8.3.09].

Trường đã tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề với sự có mặt của các chuyên gia nước ngoài tham dự như: Hội nghị của Hội đồng điều hành Quốc tế và Hội nghị thường niên của các Trường Đại học Hàng hải Quốc tế (IAMU) năm 2016, phối hợp với Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức thành công Hội thảo quốc gia về phổ biến công ước STCW sửa đổi Manila 2010 [H8.8.3.08], Hội thảo “*Phương pháp xử lý rác thải Fukuoka*”; Phối hợp với Hội Đồng Anh Việt Nam và Trường Đại học Strathclyde tổ chức Hội thảo “*Quản lý nước dằn tàu nhằm bảo vệ hệ sinh thái biển toàn cầu*” [H8.8.2.01], Hội thảo về các hướng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực đóng tàu, Hội thảo Quốc tế về “*Vận tải biển xanh khu vực Thái Bình Dương mở rộng*”....[H8.8.3.01], đồng thời cử các cán bộ tham gia các hội nghị, hội thảo, chuyên đề được tổ chức ở trong và ngoài nước.

Vừa qua, nhiều cán bộ, giảng viên Trường đã có những công trình nghiên cứu, bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành nổi tiếng trên thế giới, tập san của các hiệp hội hàng hải thế giới như: AMFUF, IAMU..., báo cáo tại các hội thảo chuyên ngành tổ chức tại các viện hàng hải uy tín của Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Bỉ, Hà Lan...[H8.8.3.2] [H8.8.3.06].

Các hoạt động về hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học được thực hiện và quản lý thông qua các đơn vị chuyên trách là Phòng Khoa học công nghệ và Phòng Quan hệ Quốc tế của Trường. Thông qua việc chuyển giao công nghệ trong khuôn khổ các dự án hợp tác quốc tế, các cán bộ, giảng viên của Trường được tiếp cận với các công nghệ tiên tiến như: các thiết bị mô phỏng để huấn luyện sinh viên, thuyền viên như huấn luyện buồng lái, mô phỏng RADAR/ARPA, hệ thống GMDSS, động cơ Diesel Daihatsu 8DK-20e, tua-bin hơi nước, trang thiết bị huấn luyện Logistics và vận tải đa phương thức...[H8.8.2.04] [H8.8.3.07]

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam đã tổ chức thành công nhiều Hội thảo, Hội nghị Quốc tế uy tín, có quy mô trong khu vực và trên thế giới.

3. Tồn tại

Số lượng dự án, đề án nghiên cứu khoa học liên kết với các đối tác nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, hàng năm Trường thực hiện triển khai kế hoạch nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học cho giảng viên, đồng thời xây dựng cơ chế hỗ trợ giảng viên tham gia đề án, dự án nghiên cứu, hội thảo khoa học tại nước ngoài.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 8:

Trong những năm gần đây, hợp tác quốc tế của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy sự phát triển của Trường cũng như khẳng định vai trò uy tín của Trường trên trường quốc tế. Thông qua phân tích đánh giá dựa trên 3 tiêu chí ở trên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được vẫn còn Tồn tại cần phải giải quyết. Trong thời gian tới, để có thể phát huy những lợi thế hiện có và tận dụng được một cách tốt nhất công tác hợp tác quốc tế trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, huấn luyện Trường sẽ tiếp tục đặt trọng tâm công tác vào những giải pháp mang tính đột phá, như tập trung đào tạo và nâng cao chuyên môn, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học của Trường; phát triển hơn nữa hình thức hợp tác liên doanh trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện; thu hút thêm các nguồn vốn đầu tư mua sắm các trang thiết bị huấn luyện hiện đại, các phòng thí nghiệm chuyên ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời mở rộng hình thức hợp tác trong nghiên cứu khoa học với những đề tài có tính ứng dụng công nghệ cao mang tính khu vực và quốc tế.

Tiêu chuẩn 9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển kinh tế biển của Hải Phòng nói riêng và cả nước nói chung, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngoài việc chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao còn đầu tư mạnh vào việc xây dựng cơ sở vật chất. Hàng năm, Trường đầu tư rất nhiều kinh phí để từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học. Hiện nay, Trường đã có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đáp ứng tốt hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, xứng đáng với một trường đại học tầm cỡ trong khu vực, là địa chỉ đào tạo tin cậy của thành phố Hải Phòng và cả nước.

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Thời gian qua, Trường đã đầu tư nâng cấp và đảm bảo hệ thống thư viện có đủ diện tích cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, sách, báo, tạp chí đáp ứng nhu cầu của cán bộ, giảng viên và người học.

Từ năm 2005, với dự án Thư viện điện tử, Thư viện được trang bị hệ thống máy tính bao gồm 02 máy chủ và trên 100 máy trạm, có nối mạng internet, cài đặt và đưa vào sử dụng phần mềm giải pháp Thư viện điện tử tích hợp Libol5.5 [H9.9.1.02] tạo cho hoạt động thư viện có bước chuyển biến rõ rệt, phục vụ đắc lực cho hoạt động đào tạo của Trường cũng như bắt kịp với xu thế phát triển của hoạt động thông tin thư viện trong nước, khu vực và thế giới. Năm 2013, cùng với việc thành lập Thư viện [H9.9.1.03] (trên cơ sở Trung tâm Thông tin tư liệu trước đây), Trường đã tiếp tục đầu tư cải tạo và đưa vào hoạt động toà nhà Thư viện (Nhà C6) với diện tích trên 3000 m² và vị trí khá thuận lợi, đáp ứng tốt cho hoạt động thư viện Hệ thống phòng đọc tại chỗ được bố trí dưới dạng kho mở

(Phòng đọc Tổng hợp, Phòng đọc Sau đại học) và kho đóng (Phòng tra cứu Luận văn) với tổng số trên 500 chỗ ngồi [H9.9.1.15]

Năm 2015, Thư viện Trường nâng cấp phần mềm Libol từ phiên bản 5.5 lên phiên bản Libol 6.0, trong đó có mô đun quản lý tài liệu số, giúp cho việc quản lý, chia sẻ tài liệu thuận tiện hơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tra cứu tài liệu của bạn đọc [H9.9.1.16]. Hệ thống máy tính Thư viện giúp người dùng có thể dễ dàng truy cập tra cứu hệ thống mục lục trực tuyến (OPAC), các cơ sở dữ liệu điện tử toàn văn mọi lúc, mọi nơi thông qua các thiết bị có kết nối internet.

Tài liệu tham khảo tại Thư viện gồm có tài liệu dạng in (bản cứng) và tài liệu điện tử truy cập trực tuyến. Tài liệu dạng in gồm trên 20.000 đầu sách, luận án, luận văn tiếng Việt, hơn 3500 đầu tài liệu tiếng Anh, 627 báo cáo nghiên cứu khoa học... Với 34 CTĐT bậc đại học, số đầu tài liệu tham khảo trung bình hiện có 200 đầu tài liệu cho mỗi CTĐT, trong đó ngành cao nhất là hơn 400 đầu tài liệu và ngành thấp nhất là 30 đầu tài liệu [H9.9.1.05÷06]. Ngoài tài liệu bản in, nguồn tài liệu tham khảo (tài liệu điện tử) rất phong phú, đa dạng với trên 1,5 triệu tài liệu tham khảo được chia sẻ từ hơn 100 trường đại học, cao đẳng trên cả nước tham gia cộng đồng Thư viện số có địa chỉ truy cập <http://tailieuso.vimaru.edu.vn> đã đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu trong danh mục tài liệu của CTĐT [H9.9.1.17].

Lượng tài liệu được cập nhật, bổ sung hàng năm bao gồm giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh, tạp chí điện tử, các cơ sở dữ liệu quốc tế truy cập trực tuyến...đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học [H9.9.1.08]. Các đầu sách bổ sung hàng năm của Thư viện đều theo quy trình ISO 9001:2008 và xuất phát từ các đề xuất của khoa chuyên môn [H9.9.1.10], [H9.9.1.14]. Thư viện thường xuyên nhận được nguồn sách tặng của một số dự án, các cá nhân, tổ chức.

Qua khảo sát lấy ý kiến phản hồi hàng năm của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của thư viện/thư viện điện tử, kết quả cho thấy Thư viện đã đáp ứng được cơ bản nhu cầu của người sử dụng, được giảng viên và người học đánh giá trên 60% hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện về tài liệu trong quá trình sử dụng [H9.9.1.09]

Thư viện điện tử đã được nối mạng internet cáp quang với tên miền riêng. Bạn đọc có thể truy cập qua địa chỉ <http://opac.vimaru.edu.vn> để tra cứu hệ thống mục lục trực tuyến, trong đó có nhiều tài liệu toàn văn được đính kèm trực tiếp vào biểu ghi. Để truy cập Thư viện số, bạn đọc vào địa chỉ <http://tailieuso.vimaru.edu.vn> để tra cứu và tải tài liệu điện tử dưới dạng toàn văn về máy tính của mình.

Thư viện Trường hiện là thành viên của Liên hiệp Thư viện Đại học khu vực phía Bắc, Liên hiệp Thư viện Việt Nam về nguồn tin điện tử và là thành viên của Hội Thư viện Việt Nam [H9.9.1.18]. Với việc có quyền truy cập và khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến trong nước cũng như quốc tế đa dạng như: Giáo trình, tài liệu tham khảo điện tử - csdl.vimaru.vn; STD - Tài liệu KH&CN Việt Nam, các tạp chí điện tử, báo cáo, luận văn,... của các nhà xuất bản lớn trên thế giới từ ProQuest Central, Credo Reference... Liên kết và có quyền truy cập nguồn dữ liệu điện tử được chia sẻ từ hàng trăm trường đại học lớn trong nước [H9.9.1.13].

Từ năm học 2016-2017, Trường đã xây dựng và áp dụng quy định về thời gian tra cứu, tham khảo tài liệu tại Thư viện bắt buộc đối với giảng viên nhằm nâng cao khả năng chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. [H9.9.1.12]

Theo số liệu thống kê riêng từ hệ thống Thư viện số, từ năm 2014 đến 2016 số lượt sử dụng thư viện và tải tài liệu hàng năm liên tục tăng: năm 2014 là 18.000 lượt đăng nhập với 12.532 tài liệu tải về và tới năm 2016 là 46.533 lượt đăng nhập với 31.769 tài liệu tải về [H9.9.1.11].

Định kỳ vào tháng 10 hàng năm, Thư viện mở các lớp “Tập huấn khai thác tài nguyên” hướng dẫn sử dụng thư viện cho các bạn đọc của Thư viện, biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện, cách thức tra cứu khai thác trên phần mềm thư viện điện tử và tra cứu các tài liệu số. [H9.9.1.04].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy định về thời gian tra cứu, tham khảo tài liệu tại Thư viện áp dụng đối với giảng viên, nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

3. Tồn tại

Thư viện chưa có thiết bị số hóa tự động nên việc số hóa tài liệu đưa vào kho tài liệu số phục vụ tra cứu trực tuyến gặp nhiều khó khăn. Việc số hóa tài liệu phải thực hiện bằng phương pháp thủ công với các loại máy quét loại nhỏ nên tốn nhân công mà không thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 – 2017, Trường trang bị máy số hóa bán tự động cho Thư viện thông qua đề án tăng cường cơ sở vật chất năm 2017.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Hiện nay, Trường có 11 khu phòng học, giảng đường lớn (Khu nhà A2, A3, A4, A5, A6, B3, B4, B5, C1, C2 và Cao đẳng nghề VMU) với tổng số 219 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 15.947 m², tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy đạt: 1,32 m² /01 SV [H9.9.2.01]. Trong đó, các phòng học được trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị giảng dạy, hệ thống thiết bị âm thanh và lắp đặt máy chiếu, ti vi phục vụ giảng dạy và đào tạo trực quan, sinh động theo các giáo trình điện tử của các ngành thuộc các Khoa, Viện, Trung tâm trong toàn trường [H9.9.2.02].

Trường có 01 nhà đa năng sử dụng cho công tác giảng dạy của Khoa Giáo dục Quốc phòng và Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải. Có 01 Hội trường lớn A8 gồm 750 chỗ phục vụ cho các hoạt động hội thảo, giảng dạy của các khoa chuyên môn và các hoạt động khác của Trường [H9.9.2.03]

Trường hiện có tổng số 50 phòng thực hành, thí nghiệm và cơ sở phục vụ công tác thực hành, thí nghiệm của sinh viên. Một số phòng thí nghiệm được đầu tư trang thiết bị hiện đại như Phòng thí nghiệm Hệ động lực tàu thủy, Bể thử

mô hình tàu, Phòng thực hành mô phỏng lái tàu, Phòng thực hành RADAR/ARPA, Phòng thực hành Máy điện – vô tuyến điện, Phòng thực hành cứu sinh, cứu hỏa [H9.9.2.05].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị CBCC, Hội nghị sinh viên, Trường tiếp thu các ý kiến phản hồi về các điều kiện CSVN, trong đó không có ý kiến phản nản của giảng viên, người học về tình trạng thiếu giảng đường, lớp học [H1.1.2.05].

Trường ban hành nội quy, quy định và sổ theo dõi thực hành thí nghiệm nhằm khai thác hiệu quả và hạn chế tối đa các sự cố gây hư hỏng các trang thiết bị thực hành, thí nghiệm [H9.9.2.04]. Vật tư tiêu hao được Trường trang bị theo phương thức khoán trên mỗi sinh viên thực hành/thí nghiệm và được cấp phát vào đầu mỗi năm học. Các trang thiết bị của các phòng thực hành/thí nghiệm được thường xuyên duy tu, bảo dưỡng sửa chữa và kiểm tra, đánh giá hàng năm; các thiết bị thiết bị thực hành thí nghiệm hàng năm đều được bổ sung theo nhu cầu tăng cường cơ sở vật chất của các đơn vị [H.9.9.2.06].

Trong những năm gần đây, Trường đã thực hiện đào tạo một số chuyên ngành theo chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao. Các phòng học phục vụ chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao đều được trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị giảng dạy hiện đại đáp ứng tốt việc học tập và giảng dạy [H9.9.2.08]. Bên cạnh đó, Trường đã đầu tư được 4 phòng LAB học ngoại ngữ đa năng, tin học và bàn giao cho Khoa Ngoại ngữ, Khoa Công nghệ thông tin khai thác và sử dụng cho việc đào tạo, giảng dạy ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra cho sinh viên của Trường [H9.9.2.07].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng phòng học nhiều, được trang bị thiết bị hiện đại, tiên tiến.

3. Tồn tại

Tần suất khai thác và sử dụng cơ sở vật chất của các phòng học chương trình tiên tiến, phòng học ngoại ngữ đa năng chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, triển khai giải pháp nâng cao tần suất khai thác và sử dụng của các phòng học ngoại ngữ đa năng, khai thác các phòng học chương trình đào tạo tiên tiến để tận dụng hiệu quả đầu tư của cơ sở vật chất của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả

Với mục tiêu đào tạo đa ngành nghề, trong những năm qua Trường đã đầu tư trang bị nhiều thiết bị và phương tiện để hỗ trợ cho các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của Trường. Hiện tại, các trang thiết bị dạy và học đáp ứng đủ yêu cầu thiết kế chương trình đào tạo được bố trí như sau:

Trường có tổng số hơn 295 máy chiếu, trong đó 164 máy chiếu được trang bị cho các phòng học thuộc Giảng đường C1, C2, Khu Giảng đường B và Khu nhà A2, A3, A4, A5; 131 bộ máy chiếu đa năng được trang bị cho các khoa chuyên ngành và một số đơn vị chức năng phục vụ cho công tác đào tạo, giảng dạy và các hoạt động chung của trường [H.9.9.3.01].

Đồng thời để đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động trong toàn trường nhằm phục vụ tốt cho công tác giảng dạy, Trường đã thực hiện lập kế hoạch và thực hiện công tác mua sắm tăng cường cơ sở vật chất cũng như duy tu sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên các hệ thống máy móc, vật kiến trúc theo năm học đảm bảo các trang thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Trường đã tăng cường thực hiện đầu tư các trang thiết bị cho các đơn vị trong toàn trường điển hình như: Máy vi tính, máy in văn phòng, máy in màu, máy in đa năng, máy photocopy, máy quét, hệ thống thiết bị âm thanh phòng học và các hệ thống thiết bị khác [H9.9.2.06]. Phòng Quản trị Thiết bị được thành lập với chức năng chính là quản lý, theo dõi, giám sát và xử lý kịp thời các yêu cầu trang bị, sửa

chữa các trang thiết bị, máy móc, thiết bị thực hành thí nghiệm, hệ thống điện, nước H9.9.3.10]. Mọi hư hỏng về trang thiết bị của nhà trường đều được xử lý kịp thời, thường xuyên nhằm đảm bảo phục vụ giảng dạy và học tập của Nhà trường [H9.9.3.02]. Bên cạnh đó, nhằm giảm thiểu những hư hỏng về máy móc, trang thiết bị, Trường đã xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị, vật kiến trúc như máy chiếu, điều hòa định kỳ [H9.9.3.03].

Các trang thiết bị dạy và học như máy chiếu, ti vi, điều hòa đảm bảo khai thác tốt phục vụ công tác giảng dạy và học tập cho trường [H9.9.3.09]

Hàng năm, Trường thành lập đoàn kiểm kê tài sản để thực hiện việc kiểm tra, đánh giá hiện trạng tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ trong toàn trường và đề xuất các phương án bổ sung, thay thế để đáp ứng tốt nhất yêu cầu giảng dạy và học tập [H9.9.3.05]. Bên cạnh đó, Trường tiến hành kiểm tra công tác thực hành thí nghiệm tại tất cả các phòng thực hành thí nghiệm trong toàn trường, lập báo cáo đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác thực hành thí nghiệm [H9.9.3.06].

Ngoài ra, Trường sử dụng phần mềm quản lý tài sản để đáp ứng tốt cho công tác quản lý tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ, ... của các đơn vị trong toàn trường [H9.9.3.07].

Hàng năm, Trường khảo sát lấy ý kiến phản hồi sự hài lòng của SV về các điều kiện trang thiết bị dạy và học phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết quả 70% ý kiến đánh giá tốt [H2.2.5.11], [H2.2.5.12]

Các hệ thống trang thiết bị phòng thí nghiệm của Trường được đầu tư tương đối hoàn chỉnh và hiện đại, trong đó có nhiều phòng thí nghiệm có kinh phí đầu tư lớn đạt tiêu chuẩn quốc tế như phòng mô phỏng lái tàu Transas phục vụ cho sinh viên ngành điều khiển tàu biển [H9.9.3.08].

2. Điểm mạnh

Một số phòng thực hành, thí nghiệm được trang bị các trang thiết bị hiện đại, đạt chuẩn quốc tế.

3. Tồn tại

Một số trang thiết bị chưa được bảo quản tốt dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa cao, ảnh hưởng đến công tác giảng dạy, học tập của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017 - 2018, Trường lập kế hoạch và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kì các trang thiết bị thực hành, thí nghiệm phục vụ dạy và học như máy chiếu, điều hòa nhằm giảm thiểu những hư hỏng, đảm bảo công tác giảng dạy và học tập của Trường.

Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.4. *Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.*

1. Mô tả

Ứng dụng công nghệ thông tin là một trong những yếu tố quan trọng mang lại hiệu quả cao trong công tác đào tạo và NCKH. Hiện nay, Trường có trên 900 máy tính được trang bị tại các phòng thực hành; máy tính trang bị tại các Phòng, Khoa, Trung tâm là: 1483 bộ, các đơn vị đều được trang bị máy in laser để sử dụng in ấn đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sử dụng của các đơn vị [H.9.9.4.01].

Tất cả máy tính tại các phòng ban, trung tâm và khoa chuyên môn được kết nối mạng Internet với tốc độ cao phục vụ 24/24 giờ đảm bảo cho công tác đào tạo, NCKH và quản lý [H9.9.4.07]. Trường giao cho Trung tâm quản trị mạng thực hiện việc cập nhật, duy trì hoạt động của hệ thống trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ Trang thông tin điện tử: <http://www.vimaru.edu.vn>. Các hoạt động của Trường được thường xuyên đăng tải và cập nhật trên Trang thông tin điện tử giúp cho việc tiếp cận thông tin cũng như quảng bá hình ảnh của Trường dễ dàng, thuận lợi. Trung tâm Quản trị mạng chịu trách nhiệm quản lý và khai thác hệ thống máy tính, máy chủ, hệ thống truyền internet không dây tốc độ cao nhằm đảm bảo ổn định hệ thống mạng của Trường, phục vụ cho công tác đăng ký học phần qua mạng, quản lý sinh viên...[H9.9.4.02 ÷ 04]

Các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên trong trường đều được cấp hòm thư công vụ thông qua địa chỉ ...@vimaru.edu.vn, đồng thời đều có tài khoản truy cập miễn phí vào hệ thống mạng wifi của nhà trường [H9.9.4.08]

Trường đã tin học hóa công tác quản lý thông qua việc sử dụng các phần mềm chuyên dùng: quản lý đào tạo, quản lý học phí, quản lý thư viện, quản lý điểm, quản lý hồ sơ, quản lý công văn, bố trí lịch học....Hiện nay, các phần mềm đang được sử dụng tại Phòng Đào tạo, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch và Tài chính, KT&ĐBCL, các Khoa, Viện đăng ký học phần tín chỉ. Các phần mềm này hỗ trợ tích cực cho các hoạt động đào tạo của Trường. [H9.9.4.09].

Nhằm quản lý sử dụng máy móc, thiết bị tin học của Trường có hiệu quả, Trường đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc trong đó có quy định rõ tiêu chuẩn cũng như trách nhiệm của người quản lý, sử dụng máy móc, trang thiết bị cho hoạt động dạy, học và các hoạt động khác. Điều này góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của người sử dụng và hiệu quả của máy móc, trang thiết bị, phương tiện làm việc [H9.9.4.06].

Thư viện của Trường có 02 phòng máy có kết nối Internet giúp cho SV thuận lợi trong việc truy cập thông tin, tra cứu tài liệu học tập ngoài hệ thống mạng cục bộ. [H9.9.4.01].

Thông qua các hội nghị cán bộ công chức, hội nghị sinh viên các năm học, kết quả phát phiếu thăm dò, cán bộ, giáo viên và sinh viên đều hài lòng về các thiết bị tin học phục vụ dạy và học, NCKH của Trường với trên 75% ý kiến đồng ý [H1.1.2.05]

Các lớp học hầu hết được bố trí máy chiếu để phục vụ cho công tác giảng dạy. Đồng thời để tạo điều kiện cho cán bộ giảng dạy áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy một cách thuận lợi [H9.9.3.01]

Hệ thống máy chủ của Trường được nâng cấp thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ giáo viên và sinh viên trong Trường [H9.9.2.06]

2. Điểm mạnh

Có bộ phận chuyên trách theo dõi và bảo trì đảm bảo tình trạng hoạt động

tốt của các trang thiết bị tin học giúp CBVC và người học thuận tiện trong việc truy cập mạng để tìm tư liệu học tập, giảng dạy và NCKH.

3. Tồn tại

Chất lượng mạng không dây chưa ổn định.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, hàng năm Trường thực hiện đầu tư nâng cấp chất lượng của hệ thống mạng internet không dây toàn trường đáp ứng nhu cầu truy cập thông tin và khai thác tài nguyên của CBVC và người học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5. Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả

Trường hiện có 219 phòng học các loại với tổng diện tích sử dụng: 15.947 m². Các phòng học có nhiều loại diện tích khác nhau, đa số phòng học loại trung bình có diện tích 80m² dành cho các lớp có từ 40-60 sinh viên và một số phòng học lớp có diện tích 160m² dành cho những lớp có số lượng trên 100 sinh viên phù hợp với việc đào tạo các chuyên ngành, tính trung bình đạt 1,32m²/SV [H9.9.5.01].

Hội trường lớn A8 của trường có diện tích 1500 m² gồm 2 tầng với 750 chỗ ngồi để phục vụ học tập, văn hóa, văn nghệ và nhiều hoạt động khác, bình quân đạt 2m²/SV [H9.9.2.01]

Trường có 03 khu Ký túc xá sinh viên là ký túc xá khu C, ký túc xá Quán Nam, Ký túc xá trường cao đẳng nghề VMU với tổng diện tích: 22.300 m² đáp ứng cho 1.600 sinh viên chiếm tỷ lệ khu đất xây dựng là 1,39 ha/1000 SV. Riêng nhà ký túc xá C3 thuộc Ký túc xá Khu C được sử dụng riêng cho các lưu học sinh nước ngoài [H9.9.5.02]. Tất cả các khu kí túc xá đều được trang bị phương

tiện phòng cháy chữa cháy, các quy định về an toàn cháy nổ được dán tại các tầng [H9.9.5.05]. Đồng thời trang bị đầy đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và học tập của sinh viên [H9.9.5.02].

Để tạo điều kiện cho sinh viên trong sinh hoạt nội trú, Trường đã xây dựng hệ thống căng tin phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của sinh viên như theo dõi tin tức, hoạt động văn hóa xã hội, thể dục thể thao qua các tivi màn hình lớn, bố trí không gian phục vụ các bữa ăn cho sinh viên nội trú đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H9.9.5.06]

Trường hiện có hệ thống sân vận động tiêu chuẩn với tổng diện tích 22.175 m² (bao gồm sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, bóng rổ, đường chạy, hồ nhảy cao, nhảy xa, khán đài, ...) tính trung bình 1,8ha/1000SV, 01 bể bơi diện tích 4.000 m²[H9.9.2.03÷04]

Trường đang triển khai xây dựng nhà thi đấu đa năng diện tích 2.023 m² được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại đáp ứng cho việc rèn luyện và học tập ngoại khóa của học sinh, sinh viên dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 09 năm 2017.

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên rộng rãi, diện tích dành cho lớp học, KTX, sân bãi thể thao vượt nhiều so với quy định.

3. Tồn tại

Khu ký túc xá khu C được xây dựng từ năm 1999 nên một số hạng mục công trình đã xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2017 – 2018, Nhà Trường đầu tư kinh phí sửa chữa các hạng mục công trình của Nhà ký túc xá khu C bao gồm các nhà C3, C4, C5.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.6. Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giáo viên và nhân viên cơ hữu theo quy định.

1. Mô tả

Trường đã quy hoạch Khu hiệu bộ làm khu làm việc của các phòng ban chức năng và Ban giám hiệu Trường. Các phòng làm việc của các đơn vị hành chính được bố trí tập trung và phù hợp với yêu cầu sử dụng, mục đích phục vụ điều hành các hoạt động thường xuyên của Trường. Trường có tổng số 1.004 cán bộ, giảng viên, trong đó có hơn 693 giảng viên cơ hữu và 311 cán bộ phục vụ công tác văn phòng, kiêm nhiệm.

Ban Giám hiệu nhà trường được bố trí làm việc mỗi người một phòng riêng tại tầng 2, nhà A1. Các phòng, ban chức năng cũng được bố trí phòng làm việc tại nhà A1, đối với Trường, Phó các phòng ban chức năng đều được bố trí phòng làm việc riêng [H9.9.6.02].

Các Khoa, Viện được bố trí làm việc tại các nhà khác của Trường, giảng viên các đơn vị đều có phòng sinh hoạt chuyên môn là văn phòng khoa, văn phòng các bộ môn; trong đó Trường, Phó các đơn vị này đều được bố trí phòng làm việc riêng [H9.9.6.02].

Nhằm khuyến khích các nhà khoa học có nơi làm việc, Trường ban hành quy định về bố trí phòng làm việc riêng cho các GS, PGS. Theo đó, Giáo sư một phòng diện tích tối đa 15m²; Hai Phó Giáo sư một phòng diện tích tối đa 20m² [H9.9.6.03].

Đối với các học viên cao học, NCS, Trường bố trí các phòng sinh hoạt chuyên môn tại tầng 2 nhà A6 và giao cho Viện Đào tạo Sau đại học khai thác, sử dụng [H9.9.6.02].

Tổng diện tích sử dụng được bố trí phục vụ làm phòng làm việc của cán bộ, giáo viên và nhân viên cơ hữu là 14.800 m², trung bình đạt 14,74m²/người [H9.9.6.04].

2. Điểm mạnh

Diện tích trung bình của phòng làm việc cho CB, GV và nhân viên cơ hữu vượt so với quy định chung.

3. Tồn tại

Một số phòng chức năng có diện tích vẫn còn nhỏ so với quy mô đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017-2018, Trường tiến hành rà soát bố trí bổ sung thêm phòng cho một số đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.7. Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam có tổng diện tích trên 101,8 ha, bao gồm các khu sau: Khu Hiệu bộ có diện tích hơn 11,9 ha [H9.9.7.01], được dành cho khu hành chính, khu giảng đường cho học chuyên ngành, văn phòng các khoa chuyên môn, khu huấn luyện và mô phỏng hàng hải, phòng thí nghiệm, thư viện, kí túc xá và khu liên hiệp thể thao; Khu Giảng đường B với diện tích 1,7 ha [H9.9.7.02] được dành cho khu giảng đường, các công ty, viện, trung tâm; Khu Ký túc xá sinh viên Quán Nam với diện tích 1,7 ha [H9.9.7.04]; Trường Cao đẳng nghề VMU với diện tích trên 9,8 ha dành để đào tạo học viên học từ sơ cấp nghề đến cao đẳng nghề, cao đẳng, Công ty TNHH MTV CNTT Lâm Động 75 ha [H9.9.7.05].

Trường hiện có hệ thống sân vận động tiêu chuẩn với tổng diện tích 22.175 m² (bao gồm sân bóng đá cỏ nhân tạo, sân bóng chuyền, bóng rổ, đường chạy, hồ nhảy cao, nhảy xa, khán đài, ...) tính trung bình 1,8ha/1000SV [H9.9.2.01].

Trường có 03 khu Ký túc xá sinh viên là ký túc xá khu C, ký túc xá Quán Nam, Ký túc xá trường cao đẳng nghề VMU với tổng diện tích: 22.300 m² đáp ứng cho 1.600 sinh viên chiếm tỷ lệ khu đất xây dựng là 1,39 ha/1000 SV

[H9.9.2.01].

Tổng số sinh viên của Trường hơn 12.000 sinh viên, với tổng diện tích đất là 101,8 ha trung bình 8,48 ha/1000SV vượt diện tích đất theo qui định.

2. Điểm mạnh

Trường có diện tích qui hoạch tổng thể vượt mức theo qui định.

3. Tồn tại

Hiện tại, Trường đang quản lý các khu vực rải rác tại Thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành phố khác, các khu này không tập trung dẫn đến việc qui hoạch, quản lý gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường tiếp tục đề nghị Bộ Giao thông vận tải hỗ trợ Trường trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng một số khu đất, xây dựng quy hoạch tổng thể Trường theo đề án xây dựng Trường trở thành trường Đại học trọng điểm Quốc gia. Đồng thời đề nghị Bộ GTVT bố trí ngân sách đầu tư trọng điểm với mức 200 tỷ/năm trong vòng 10 năm tới để đẩy nhanh công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp, xây dựng tường rào và hạ tầng kỹ thuật cho khu đất mới được bàn giao tại xã Lâm Động, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.8. Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường.

1. Mô tả

Trường đã có quy hoạch tổng thể giai đoạn 2013 - 2023, định hướng đến năm 2030 được thể hiện qua Đề án “*Nâng cấp Đại học Hàng hải Việt Nam thành trường Đại học trọng điểm quốc gia*” đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt [H1.1.1.06]. Đề án đã cụ thể kế hoạch triển khai cụ thể phát triển cơ sở vật chất của Trường như sau:

Giai đoạn 1 (từ năm 2014 - 2023): Mức đầu tư dự kiến là khoảng 1.100 tỷ đồng.

Giai đoạn 2 (từ năm 2023 - 2030): Mức đầu tư dự kiến là khoảng 900 tỷ đồng dành cho các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phục vụ để chuyển Viện Kỹ thuật Công trình, Viện Kỹ thuật Điện - Điện tử và một số đơn vị khác sang cơ sở mới, đồng thời cải tạo, nâng cấp cơ sở hiện tại phục vụ cho các đơn vị còn lại.

Để đạt được mục tiêu đề ra, các nguồn vốn dự kiến được huy động để triển khai thực hiện đề án sẽ bao gồm: Vốn Ngân sách Nhà nước; Nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); Nguồn vốn từ việc bán, chuyển nhượng một số cơ sở của Trường và một số nguồn vốn hợp pháp khác [H9.9.8.03]

Hàng năm, Trường tiến hành kiểm kê tài sản cho kế hoạch kiểm kê tài sản 01 ngày 01.01, trên cơ sở đó tính khấu hao tài sản trong toàn trường [H9.9.8.02]; đây cũng là cơ sở để Trường lập kế hoạch trang bị, sửa chữa, nâng cấp và thanh lý tài sản. Cuối năm học, căn cứ vào nhu cầu trang bị, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất của các đơn vị, Trường tiến hành họp và ra quyết định về việc giao kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất từng năm học cho từng đơn vị nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho trường [H9.9.2.06].

2. Điểm mạnh

Trường đã có quy hoạch tổng thể, chi tiết và xây dựng kế hoạch phát triển Trường về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất tương xứng với quy mô Trường trọng điểm quốc gia.

3. Tồn tại

Việc thực hiện một số dự án, hạng mục trong quy hoạch tổng thể còn chậm do nguồn kinh phí được đầu tư còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2017, Trường tiếp tục xây dựng các chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư, đặc biệt là xã hội hóa đầu tư, giúp nâng cao sự chủ động của Trường trong triển khai thu hút xã hội hóa đầu tư.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.9. Có các biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Trường có quy mô rộng, các phân khu nằm rải rác ở nhiều địa điểm thuộc nhiều địa bàn phường khác nhau trong Thành phố, việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho con người và tài sản là yếu tố đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của Trường. Chính vì vậy, Trường đã có những biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học [H9.9.9.01].

Trường có Ban bảo vệ với 30 cán bộ, nhân viên phần lớn là bộ đội xuất ngũ - được tuyển chọn chặt chẽ [H9.9.9.02]. Đây là lực lượng chuyên trách, được trang bị đầy đủ các phương tiện nghiệp vụ cần thiết, chịu trách nhiệm về an ninh trật tự trong toàn Trường. Trường có quy định nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên Ban bảo vệ [H9.9.9.03]. Hàng năm, lực lượng chuyên trách này thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ qua các đợt tập huấn như: tập huấn nghiệp vụ bảo vệ cơ quan doanh nghiệp, tập huấn nghiệp vụ quân báo - trinh sát...[H9.9.9.04].

Ngoài giờ làm việc, các thành viên Ban Bảo vệ thường xuyên đi kiểm tra tình hình an ninh tại các khu vực trong trường. Lực lượng bảo vệ được phân công trực 24/24 giờ [H9.9.9.05]. Các hoạt động vận chuyển vào ra đều được ghi chép, giám sát chặt chẽ. Lực lượng bảo vệ tổ chức tuần tra liên tục trong mỗi ca trực. Công tác tuyên truyền, cảnh báo được triển khai thường xuyên thông qua các bảng tin. Các biển báo, nội quy, quy định được bố trí, lắp đặt khá đầy đủ tại các khu cổng ra vào. Các văn bản hướng dẫn về an ninh trật tự, về an toàn phòng chống cháy nổ, về an toàn giao thông... cũng được thông báo rộng rãi tới các đơn vị và hệ thống phát thanh, góp phần tích cực nâng cao ý thức an toàn cho mọi cán bộ, giảng viên và sinh viên toàn trường [H9.9.9.14]

Trường đã thành lập Ban chỉ huy phòng cháy chữa cháy, đội phòng cháy chữa cháy cơ sở và xây dựng phương án chữa cháy hợp lý [H9.9.9.07]. Các Phòng ban, khu giảng đường, phòng thí nghiệm thực hành... trong toàn Trường đều được trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy, một số nơi có nguy cơ

cháy nổ cao đều được lắp đặt các thiết bị cảnh báo cháy nổ. Hàng năm, Trường phối kết hợp với Công an phòng cháy chữa cháy của Thành phố [H9.9.9.08] tổ chức các lớp tập huấn về công tác phòng cháy chữa cháy cho tất cả các đơn vị trong toàn trường và phối kết hợp kiểm tra các thiết bị phòng cháy tại các khu vực nhạy cảm, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị phòng cháy và chữa cháy [H9.9.9.09].

Tất cả các phòng thí nghiệm thực hành đều có nội quy quy định để đảm bảo an toàn trong quá trình thực hành, thí nghiệm [H9.9.9.10]

Các quy định về an toàn được phổ biến đến toàn thể CBVC thông qua các thông báo nghỉ lễ, tết [H9.9.9.11]

Trường có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với chính quyền thông qua thỏa thuận liên kết Trường - Phường được ký hàng năm giữa Trường với Công an địa phương [H9.9.9.12].

Các hoạt động đồng bộ trên đây đã góp phần cho công tác bảo vệ tài sản, an ninh trật tự trong toàn Trường về cơ bản được đảm bảo tốt trong nhiều năm qua. Trường và nhiều tập thể, cá nhân đã được các cấp chính quyền, công an Thành phố Hải Phòng tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cho thành tích trong công tác bảo đảm an ninh trật tự [H9.9.9.13].

2. Điểm mạnh

Trường có đội ngũ nhân viên bảo vệ chuyên trách, có nghiệp vụ tốt.

3. Tồn tại

Trường có nhiều phân khu nằm rải rác khó khăn trong việc giám sát, bảo vệ.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường hoàn thiện hệ thống camera giám sát tại KTX khu C. Hàng năm Trường tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao ý thức trách nhiệm của CBVC và người học trong công tác bảo vệ tài sản, trật tự và an toàn.

. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Kết luận của tiêu chuẩn 9:

Nhìn chung, trong những năm qua Trường đã đầu tư có chiều sâu về trang thiết bị và phương tiện để hỗ trợ cho các hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học. Hệ thống cơ sở vật chất đã đáp ứng tương đối đầy đủ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường. Thư viện được trang bị hiện đại, trang bị đầy đủ thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác phục vụ giảng dạy, học tập và các hoạt động văn hoá thể thao. Đã đáp ứng tốt quy mô, chất lượng đào tạo, đảm bảo an toàn và nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần cho cán bộ, giáo viên, sinh viên.

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Quyết định số 556/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2016 của Bộ Giao thông vận tải.

Công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường luôn được quan tâm chú trọng, từ việc lập kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo nguồn tài chính hợp pháp đến việc phân bổ, sử dụng tài chính được chuẩn hóa, công khai hóa, minh bạch, hợp lý và hiệu quả, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt theo các quy định pháp luật của Nhà nước về tài chính, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của Kho bạc Nhà nước Hải Phòng. Trường có hệ thống văn bản về quản lý tài chính được cụ thể hóa từ các văn bản quản lý tài chính của các Bộ, Ngành có liên quan.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường đại học.

1. Mô tả

Trường luôn chú trọng đến việc lập kế hoạch tự chủ dài hạn, trung hạn và ngắn hạn về tài chính gắn liền với sứ mạng “Là trường đại học đa ngành nghề có uy tín trong khu vực và thế giới; đào tạo nguồn nhân lực cho ngành kinh tế biển và xã hội, phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế”, tìm kiếm và tạo được những nguồn thu hợp pháp đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên

cứu khoa học và các hoạt động khác của Trường [H1.1.1.01]. Trong Đề án “Đề án phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo của Đại học Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2013-2023, định hướng đến 2030”; Đề án “Đổi mới cơ chế hoạt động và thực hiện xã hội hóa công tác đào tạo” đã đề cập đến một số giải pháp khuyến khích, thúc đẩy để khai thác hiệu quả các nguồn tài chính khác nhau, đáp ứng các hoạt động của Trường [H10.10.1.02][H10.10.1.03]. Xây dựng Trường thành đơn vị tự chủ, tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên từ nguồn thu hoạt động dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH, nguồn thu phí, lệ phí và nguồn thu khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, NCKH với những mục tiêu cụ thể như: đến năm 2022 tự đảm bảo 100% kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho công tác đào tạo sau đại học, hệ vừa làm vừa học, năm 2025 tự đảm bảo 50% kinh phí chi thường xuyên hàng năm cho công tác đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy, đào tạo nhóm ngành Kỹ thuật và Công nghệ, năm 2030 tự đảm bảo 30% kinh phí đầu tư phát triển.

Để tăng tính tự chủ và trách nhiệm xã hội cho các đơn vị thuộc Trường, Trường đã có các chủ trương, chính sách tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị. Cụ thể: Giao Ban Quản lý dự án hàng hải tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động từ tháng 2/2015 từ nguồn kinh phí chi phí quản lý dự án; Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Huấn luyện thuyền viên tự đảm bảo kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động từ tháng 1/2015 từ nguồn kinh phí phục vụ công tác quản lý của đơn vị; Nhà xuất bản Hàng hải tự đảm bảo kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động từ tháng 1/2015 từ nguồn thu hoạt động dịch vụ của đơn vị; Trường Cao đẳng nghề VMU tự đảm bảo kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động từ tháng 8/2015 từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và hoạt động dịch vụ của đơn vị. [H10.10.1.04],[H10.10.1.05], [H10.10.1.06]; Thực hiện giao khoán kinh phí quản lý đối với Ban Bảo vệ từ tháng 5/2016 [H10.10.1.07]; giao Trung tâm Giáo dục thể chất tự đảm bảo kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động từ tháng 7/2016 [H10.10.1.08], [H10.10.1.09]; quyết định cho Nhà Xuất bản Hàng hải thực hiện tự chủ hoàn toàn về cơ cấu tổ chức và tiền lương từ tháng 9/2016 [H10.10.1.10], [[H10.10.1.11], [H10.10.1.12]; giao khoán kinh phí quản lý cho BQL KNT Quán Nam từ tháng

3/2017 [H10.10.1.13], [H10.10.1.14]. Chủ trương giao khoán kinh phí quản lý cho BQL KNT Khu C từ tháng 8/2017 [H10.10.1.13].

Các nguồn tài chính của Trường được nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.1.15], [H10.10.1.16] bao gồm: Nguồn NSNN cấp hàng năm và các nguồn thu sự nghiệp của Trường: nguồn thu học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 [H10.10.1.17], [H10.10.1.18], thu hoạt động dịch vụ, thu tài trợ....Các nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu từ khoa học được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước.

Để huy động các đơn vị trong Trường phát huy tiềm năng về chuyên môn sẵn có, Trường có các chính sách khuyến khích các đơn vị tạo nguồn thu cho Trường từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện... Cụ thể, các chính sách khuyến khích tạo nguồn thu của Trường được nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ, trong quy định thu chi các khóa đào tạo, huấn luyện: Đối với Trung tâm huấn luyện thuyền viên: thực hiện quyết toán thu chi với mức nộp về Trường từ 45% đến 55% doanh thu, Viện Đào tạo Sau đại học thực hiện quyết toán thu chi khóa đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh với mức nộp về Trường từ 45% đến 55% doanh thu. [H10.10.1.19], [H10.10.1.20].

Trường luôn có các chính sách thông thoáng, tạo điều kiện, phối hợp với các doanh nghiệp để thu hút, đẩy mạnh hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp, tạo nguồn thu cho Trường từ dịch vụ đào tạo, huấn luyện, dịch vụ cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể, các chính sách khuyến khích tạo nguồn thu của Trường được nêu rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H10.10.1.16], trong Hợp đồng hợp tác [H10.10.1.21].

Nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ đào tạo, huấn luyện đã góp thêm vào nguồn thu sự nghiệp được để lại chi theo chế độ kết hợp với nguồn NSNN cấp để đảm bảo đủ kinh phí hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường [H10.10.1.22]. Hiện tại, tổng thu sự nghiệp lớn gấp 2 lần nguồn NSNN được cấp, tuy nhiên chủ yếu là thu từ lĩnh vực đào tạo, thu từ lĩnh vực NCKH còn hạn chế. Từ năm 2012 đến nay, tỷ lệ nguồn thu sự nghiệp so với nguồn NSNN cấp được thể hiện trong bảng thống kê cơ cấu thu của Trường trong 5 năm giai đoạn 2012-2016 (Bảng 10.2).

Bảng thống kê nhu cầu kinh phí cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường gia đoạn 2012-2016 (Bảng 10.1.), cho thấy, cơ cấu chi cho hoạt động đào tạo và NCKH chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80% và tương đối ổn định trong các năm, phần còn lại được sử dụng cho các hoạt động khác và dự án phát triển Trường. Nguồn thu và chi từ nguồn thu sự nghiệp ổn định, từ đó, đã đảm bảo được các khoản chi cho con người được tăng ổn định, đáp ứng được các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, mua sắm tài sản phục vụ công tác giảng dạy, học tập [H10.10.1.23], [H10.10.1.24].

Các nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Các ý kiến phản hồi tại Hội nghị CBCC, Hội nghị bộ môn mở rộng hàng năm đều đánh giá công tác đào tạo và NCKH đã được đáp ứng về tài chính [H1.1.2.05], [H1.1.2.06]. Trong 05 năm kết quả thẩm định quyết toán hàng năm của Bộ Giao thông vận tải đều không vi phạm các quy định của Nhà nước, của Bộ Giao thông vận tải.[H10.10.1.24]

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nguồn thu sự nghiệp của Trường giữ tăng ổn định so với nguồn thu từ NSNN cấp, đáp ứng được các hoạt động của Trường.

3. Tồn tại

Chưa có cơ chế cụ thể về đóng góp phần thu nhập về Trường đối với các đơn vị, cá nhân Trường chủ nhiệm hoặc tham gia đề tài NCKH tại địa phương, doanh nghiệp...

Khai thác nguồn viện trợ, tài trợ, vốn vay từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

- Trong năm 2018, xây dựng cơ chế tài chính đối với xã hội hóa kết quả NCKH từ các tổ chức, cá nhân trong Trường. Khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong Trường khai thác đề tài NCKH tại các địa phương, sở, ban, ngành, doanh nghiệp để đóng góp thêm nguồn thu cho Trường.

- Từ năm 2017 thực hiện khai thác tối đa các nguồn thu khác đặc biệt là nguồn thu từ các dịch vụ, nguồn thu từ viện trợ, hợp tác liên thông, liên kết.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính trong trường đại học được chuẩn hoá, công khai hoá, minh bạch và theo quy định.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở nhiệm vụ chính trị của Trường, thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và các Bộ có liên quan. Hàng năm căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán của Bộ GTVT, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐHHHVN có văn bản hướng dẫn gửi các đơn vị trực thuộc, phòng ban chức năng có liên quan như Trường Cao đẳng nghề VMU, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Quản trị Thiết bị, Phòng Đào tạo... về việc xây dựng dự toán, tổ chức thảo luận dự toán, từ đó tổng hợp thành dự toán NSNN của toàn trường [H10.10.2.01÷09]. Dự toán ngân sách hàng năm của Trường đều được thông báo công khai, minh bạch đến các đơn vị [H10.10.2.10].

Công tác quản lý tài chính thực hiện đúng theo các chế độ chính sách của Nhà nước như: Luật Ngân sách, Luật Kế toán, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn công tác quản lý tài chính hiện hành của các Bộ, Ngành... Căn cứ các quy định quản lý tài chính hiện hành, Trường có các văn bản hướng dẫn các đơn vị về công tác quản lý tài chính [H10.10.2.11÷14]. Trường đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào công tác quản lý tài chính [H10.10.2.18]

Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường được xây dựng theo quy trình dân chủ, công khai hóa, có nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức đảng, đoàn thể đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quản lý tài chính của Trường. [H10.10.2.15].

Công tác báo cáo tài chính hàng năm được thực hiện đúng thời hạn, đúng quy định [H10.10.1.22], Báo cáo tài chính hàng năm của Trường đều được công khai, minh bạch tại Hội nghị cán bộ công nhân viên chức hàng năm [H1.1.2.05].

Công tác quản lý tài chính được tin học hóa, sử dụng các phần mềm chuyên dụng phù hợp [H10.10.2.16], [H10.10.2.17]. Việc ứng dụng phần mềm đã giúp Trường quản lý tốt công tác quản lý tài chính, từ hạch toán theo dõi hàng ngày đến lập báo cáo tài chính. Công tác quản lý đã có những bước cải tiến vượt bậc với việc áp dụng tối đa những thành tựu của công nghệ thông tin, hiện tại việc thu, theo dõi học phí hệ đào tạo chính quy của Trường được triển khai bằng phần mềm [H10.10.2.17].

Công tác lập dự toán thu - chi hàng năm được căn cứ trên đề xuất của các đơn vị, yêu cầu và nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Hàng năm, Trường đều có phát hành công văn thông báo kế hoạch thực hiện tăng cường CSVC tới các đơn vị trong toàn trường [H9.9.2.06]. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tập hợp và thống kê tất cả các nhu cầu trang bị cơ sở vật chất của đơn vị mình phục vụ cho công tác giảng dạy, quản lý, đào tạo, huấn luyện..., lập báo cáo và gửi các yêu cầu về Phòng Quản trị - Thiết bị trước thời hạn quy định trong thông báo được phát hành. Phòng Quản trị - Thiết bị thống kê, đối chiếu số liệu các đơn vị trong Trường và lập dự thảo Kế hoạch tăng cường CSVC. Trường sẽ làm việc với toàn thể các đơn vị trong toàn Trường để bảo vệ cho kế hoạch của đơn vị mình yêu cầu [H10.10.2.19]. Trên cơ sở dự thảo kế hoạch do Phòng Quản trị - Thiết bị lập, Trường sẽ tiến hành rà soát và lấy ý kiến trực tiếp của các đơn vị có liên quan để thống nhất việc đầu tư, trang bị cho các đơn vị một cách khách quan, thiết thực và hiệu quả nhất [H9.9.2.06].

Kết quả thẩm định quyết toán hàng năm cho thấy công tác quản lý tài chính của Trường đã tuân thủ các quy định, pháp luật của Nhà nước và Bộ Giao thông vận tải, không vi phạm các quy định về quản lý tài chính [H10.10.1.24].

2. Điểm mạnh

Trường đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vào công tác quản lý tài chính.

3. Tồn tại

Chưa có sự kết nối trực tiếp giữa dữ liệu quản lý đào tạo sau đại học với việc thu và quản lý học phí.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường xây dựng phần mềm thu và quản lý học phí kết nối trực tiếp với dữ liệu quản lý đào tạo sau đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.3. *Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường đại học.*

1. Mô tả

Các quyết định về giao dự toán ngân sách hàng năm đều được thông báo công khai gửi đến các đơn vị [H10.10.3.01], [H10.10.2.10]. Công tác phân bổ tài chính được tuân thủ chặt chẽ theo các Nghị định, Thông tư hướng dẫn, đảm bảo đáp ứng đủ cho nhu cầu nghiên cứu khoa học cũng như thực hiện đúng quy định. Trường đã phân bổ 80% nguồn thu cho sự nghiệp đào tạo (trong đó 8-10% nguồn thu học phí dành cho NCKH của giảng viên, sinh viên và 8% dành cho học bổng khuyến khích học tập), còn lại 20% dành cho các hoạt động khác. Các nguyên tắc phân bổ và sử dụng kinh phí cho các bộ phận và các hoạt động của Trường được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. [H10.10.1.16].

Cơ cấu chi từng năm cho các hoạt động của Trường trong giai đoạn từ 2012-2016 được thể hiện rõ qua Bảng thống kê cơ cấu chi cho các hoạt động trong 05 năm giai đoạn 2012-2016 (Bảng 10.3).

Công tác phân bổ kinh phí hợp lý và sử dụng kinh phí có hiệu quả đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Trường. Việc phân bổ, sử dụng tài chính của Trường được thực hiện hàng năm theo đúng dự toán cấp trên giao, có tính đến nhiệm vụ trọng tâm của Trường là đào tạo và NCKH [H10.10.1.02], [H10.10.1.03]. Công tác giám sát, quản lý tài chính được thực hiện chặt chẽ, đúng theo Luật Kế toán, Luật Ngân sách, Luật Đấu thầu...và chế độ quản lý tài chính hiện hành. Việc sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả được đánh giá qua báo cáo tài chính tại Hội nghị cán bộ công chức, qua kết quả thẩm định quyết toán hàng năm. [H10.10.1.24], [H1.1.2.05].

2. Điểm mạnh

Phân bổ kinh phí hợp lý cho các hoạt động của Trường và tỷ lệ phân bổ có thay đổi theo từng năm để đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ biến động tăng, giảm giữa các hoạt động. Giám sát việc sử dụng kinh phí được phân bổ từng hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động khác, đánh giá hiệu quả sử dụng để có cơ sở phân bổ kinh phí cho các năm tiếp theo.

3. Tồn tại

Nguồn kinh phí hoạt động chưa đủ lớn để đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho hoạt động đào tạo, NCKH và hoạt động khác ngày càng mở rộng.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2017-2018, Trường thực hiện các biện pháp khai thác tối đa nguồn thu sự nghiệp để bổ sung nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH: nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo theo nhu cầu thị trường và xã hội; tìm kiếm, tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thực hiện liên kết, tăng cường sự tham gia của các doanh nghiệp trong đào tạo, NCKH...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận của tiêu chuẩn 10:

Công tác tài chính và quản lý tài chính của Trường luôn được chú trọng và thực hiện tốt. Đây là khâu quan trọng quyết định tới mọi mặt hoạt động của Trường, Làm tốt công tác tài chính và quản lý tài chính sẽ góp phần quan trọng vào sự phát triển lớn mạnh của Trường, thực hiện mục tiêu xây dựng Trường trở thành Trường trọng điểm quốc gia.

PHẦN IV – KẾT LUẬN

Báo cáo tự đánh giá của Trường là minh chứng đề công bố với các cơ quan quản lý Nhà nước, với xã hội và người học về chất lượng đào tạo giáo dục của Trường.

Trường đã tiến hành công tác tự đánh giá một cách nghiêm túc, đúng quy định đảm bảo tính chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng đào tạo của Trường. Thông qua công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Trường đã nhận diện một cách đầy đủ, rõ nét những điểm mạnh, điểm tồn tại trong từng lĩnh vực hoạt động của Trường để từ đó có kế hoạch hành động cụ thể khắc phục những điểm còn tồn tại, không phù hợp, phát huy ưu điểm nâng cao hiệu quả các mặt đã làm được, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và huấn luyện hướng tới thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong sứ mạng mà Trường đã tuyên bố với xã hội.

Kết quả tự đánh giá của Trường cho thấy trong tổng số 61 tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục, Trường đã đạt được 59/61 tiêu chí (chiếm 96,7%)

Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tự đánh giá Trường đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Trường và Hội đồng tự đánh giá trân trọng kính đề nghị Bộ DG&ĐT, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường đại học cùng các cơ quan chức năng tổ chức đánh giá ngoài để Trường được công nhận là **Cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục**./.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2017
HIỆU TRƯỞNG


Nơi nhận:

- Cục KT&QLCL (Bộ GD&ĐT)
- TT Kiểm định CLDG (05 bản)
- Các đơn vị thuộc Trường.
- Lưu VT, KT&ĐBCL, Thư viện

GS.TS Lương Công Nhó